



Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
Viện Xã Hội học



United Nations Entity for Gender Equality
and the Empowerment of Women

Báo cáo nghiên cứu

**Tiếp cận công lý trong
hệ thống pháp lý đa kênh:
Nghiên cứu điển hình
về bạo lực gia đình
đối với phụ nữ ở Việt Nam**

Hà Nội, 2015



Foreign Affairs, Trade and
Development Canada

Affaires étrangères, Commerce
et Développement Canada



Nhà xuất bản Lao Động

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) là tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc (LHQ) chuyên về các vấn đề bình đẳng giới và nâng cao địa vị phụ nữ. Là tổ chức toàn cầu đi đầu bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập nhằm thúc đẩy sự tiến bộ trong việc đáp ứng các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em toàn thế giới. UN Women hỗ trợ các quốc gia thành viên LHQ trong việc xây dựng những chuẩn mực mang tính toàn cầu nhằm thực hiện bình đẳng giới và cộng tác với các chính phủ cũng như với xã hội dân sự trong việc xây dựng các luật pháp, chính sách, chương trình và dịch vụ cần thiết để thực hiện các chuẩn mực trên. UN Women ủng hộ phụ nữ tham gia bình đẳng vào mọi mặt của đời sống, tập trung vào năm lĩnh vực ưu tiên dưới đây: Tăng cường vai trò lãnh đạo và sự tham gia của phụ nữ; Chấm dứt tình trạng bạo lực đối với phụ nữ; Huy động phụ nữ tham gia vào mọi mặt của tiến trình hòa bình và an ninh; Thúc đẩy việc nâng cao địa vị kinh tế của phụ nữ; và Làm cho bình đẳng giới trở thành nội dung trung tâm của quá trình xây dựng kế hoạch và ngân sách phát triển quốc gia. UN Women cũng điều phối và thúc đẩy hoạt động của hệ thống LHQ ở lĩnh vực xúc tiến bình đẳng giới.

Tiếp cận công lý trong hệ thống pháp lý đa kênh:

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM

Xuất bản lần thứ nhất, 2015

Bản quyền © Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)
Tất cả các quyền bản quyền được bảo hộ. Việc tái bản và phổ biến các tài liệu trong ấn phẩm này nhằm mục đích giáo dục và phi thương mại đều được phép mà không cần xin phép UN Women bằng văn bản, với điều kiện phải dẫn nguồn đầy đủ. Việc tái bản ấn phẩm này nhằm mục đích bán lại hay vì các mục đích thương mại khác đều bị cấm nếu không xin phép UN Women. Đơn xin phép có thể gửi đến địa chỉ registry.vietnam@unwomen.org

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

2E Vạn Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 38500100

Fax: +84 4 3726 5520

Website: www.unwomen.org

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là quan điểm của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của UN Women, của LHQ hay của bất cứ tổ chức nào khác trực thuộc LHQ.



Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
Viện Xã Hội học



United Nations Entity for Gender Equality
and the Empowerment of Women

Báo cáo nghiên cứu

Tiếp cận công lý trong hệ thống pháp lý đa kênh: Nghiên cứu điển hình về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam

Các tác giả:

Lê Thị Thục (Trưởng nhóm)

Lê Thúy Hằng

Nguyễn Thị Thanh Hải

Chu Thị Thúy Hằng

Hà Nội, 2015



Foreign Affairs, Trade and
Development Canada

Affaires étrangères, Commerce
et Développement Canada

Ủy ban về Xóa bỏ Phân biệt đối xử với Phụ nữ khẳng định bạo lực gia đình là một trong những hình thức bạo lực chống lại phụ nữ diễn ra âm thầm và phổ biến ở mọi xã hội¹. Theo một khảo sát quốc gia được thực hiện tại Việt Nam năm 2010, 58% số phụ nữ được hỏi cho biết từng trải qua ít nhất một hình thức bạo lực gia đình trong đời (TCTK 2010). Bạo lực gia đình có mức độ phổ biến cao, song có một sự im lặng bao trùm lên vấn đề này. Trên thực tế, theo khảo sát, 9 trong số 10 phụ nữ chưa từng tìm kiếm sự giúp đỡ của chính quyền hoặc các dịch vụ hỗ trợ chính thức. Chỉ có một số ít phụ nữ theo đuổi tìm kiếm công lý thông qua hệ thống pháp lý Nhà nước và họ sẽ phải đối mặt với nhiều tầng trở ngại mà khả năng người gây bạo lực bị kết tội là rất thấp. Trên thực tế, phần đông phụ nữ sẽ sử dụng hệ thống pháp lý có tính Nhà nước hoặc phi Nhà nước để được đền bù, bảo vệ và bồi thường.

“Tiếp cận công lý trong hệ thống pháp lý đa kênh: Nghiên cứu điển hình về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam” là sáng kiến nghiên cứu trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khu vực về tiếp cận công lý của phụ nữ trong hệ thống pháp lý đa kênh. Nghiên cứu khu vực được thực hiện thông qua chương trình khu vực của Cơ quan Liên Hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) về “Cải thiện Quyền con người của Phụ nữ ở khu vực Đông Nam Á – CEDAW, Giai đoạn II” với sự hỗ trợ của chính phủ Canada. Tại Việt Nam, Viện Xã Hội học, một cơ quan nhà nước, thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Cơ quan Liên Hợp quốc về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tại Việt Nam tiến hành nghiên cứu với chủ đề Tiếp cận công lý trong hệ thống pháp lý đa kênh ở Việt Nam từ quan điểm của Công ước CEDAW, nhằm cải thiện chính sách, tập trung vào vấn đề bạo lực gia đình”. Nghiên cứu này nhằm phân tích mối quan hệ giữa hệ thống pháp luật chính thức và không chính thức và xác định các yếu tố hạn chế phụ nữ tiếp cận công lý. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng nhằm chỉ rõ những yêu cầu và bước đi cụ thể nhằm xóa bỏ các rào cản trong hệ thống pháp lý đa kênh và tăng khả năng tiếp cận công lý của phụ nữ.

Nhóm nghiên cứu xin đặc biệt cảm ơn các cán bộ của Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UNWomen), các chuyên gia của tổ chức Diễn đàn châu Á Thái Bình dương về Phụ nữ, Luật pháp và Phát triển (APWLD) và Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS) đã đưa ra ý tưởng, hỗ trợ và đóng góp ý kiến chuyên môn cho chúng tôi trong quá trình tiến hành nghiên cứu. Chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn đại diện của Hội Phụ nữ, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các chuyên gia đến từ các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức xã hội dân sự đã tham gia các buổi tọa đàm cung cấp nguồn tư liệu và các ý kiến tư vấn cho báo cáo.

Phần nội dung chính của báo cáo nghiên cứu dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa, được tiến hành từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2013 có sự dụng phương pháp Nghiên cứu hành động có sự tham gia của phụ nữ (FPAR). Trong quá trình xây dựng và sử dụng các công cụ nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã nhận được sự hỗ trợ và tư vấn quý báu từ các chuyên gia đến từ APWLD và IDS. Nhóm nghiên cứu xin bày tỏ lòng cảm ơn tới Ủy ban nhân dân và Hội Phụ nữ tỉnh Bắc Kạn, Nghệ An và Bến Tre đã hợp tác và cam kết hỗ trợ nhóm nghiên cứu có thể triển khai công việc một cách dễ dàng. Chúng tôi xin cảm ơn sự hợp tác của các cơ quan, ban, ngành các địa bàn nghiên cứu đã dành thời gian chia sẻ với chúng tôi những nhận xét và những ý kiến của mình về thực trạng của địa phương trong chủ đề nghiên cứu. Cuối cùng chúng tôi xin bày tỏ sự biết ơn đối với tất cả những người tham gia phỏng vấn, đặc biệt là các chị phụ nữ đã đồng ý tham gia nghiên cứu của chúng tôi ở xã Dương Phong của tỉnh Bắc Kạn, phường Nghi Hòa của tỉnh Nghệ An, xã Vĩnh Bình và An Khánh của tỉnh Bến Tre. Những trải nghiệm, suy nghĩ và nguyện vọng của các chị đã giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về tiếp cận công lý trong hệ thống pháp lý đa kênh của phụ nữ bị bạo lực gia đình ở Việt Nam.

1 Khuyến nghị chung số 19 của Ủy ban CEDAW (1992), đoạn 23.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AIDS	: Hội chứng suy giảm miễn dịch
APWLD	: Diễn đàn châu Á Thái Bình dương về Phụ nữ, Luật pháp và Phát triển
BCĐ	: Ban chỉ đạo
BLGD	: Bạo lực gia đình
CIHP	: Công ty Tư vấn và Đầu tư Y tế
CLB	: Câu lạc bộ
DTTS	: Dân tộc thiểu số
DSGDTE	: Dân số, Gia đình và Trẻ em
FPAR	: Nghiên cứu hành động có sự tham gia của phụ nữ
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
GINI	: Hệ số bất bình đẳng thu nhập
HND	: Hội Nông dân
HPN	: Hội Phụ nữ
IDS	: Viện Nghiên cứu Phát triển
IFGS	: Viện Gia đình và Giới Việt Nam
ILO	: Tổ chức Lao động Quốc tế
KSMHGD	: Khảo sát Mức sống Hộ Gia đình
LĐ,TB&XH	: Lao động, Thương binh và Xã hội
LFS	: Khảo sát Lực lượng Lao động
LHQ	: Liên Hợp quốc
LHS	: Luật Hình sự
LTTHS	: Luật Tố tụng Hình sự
NHTG	: Ngân hàng Thế giới
PC	: Phòng, chống
PVS	: Phỏng vấn sâu
TCTK	: Tổng cục Thống kê
TLN	: Thảo luận nhóm
UBND	: Ủy ban nhân dân
UN WOMEN	: Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ
UN-ESCAP	: Ủy ban Kinh tế Xã hội Khu vực Châu Á Thái Bình Dương
UNDP	: Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc
UNFPA	: Quỹ Dân số Liên Hợp quốc
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới

TÓM TẮT TỔNG QUAN	8
1. LỜI MỞ ĐẦU	11
1.1. Sự cần thiết tiến hành nghiên cứu	11
1.2. Bạo lực gia đình ở Việt Nam	12
1.3. Bình đẳng giới ở Việt Nam	13
2. KHUNG NGHIÊN CỨU	17
2.1. Mục tiêu nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu chính	17
2.2. Khung khái niệm	17
2.3. Phương pháp nghiên cứu	21
2.4. Địa bàn nghiên cứu	25
2.5. Một số hạn chế nghiên cứu	28
3. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH	29
3.1. Khuôn khổ quốc tế	29
3.1.1 Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người đối với BLGD	29
3.1.2 Tiếp cận công lý của phụ nữ theo pháp luật quốc tế	30
3.1.3 Nghĩa vụ của quốc gia thành viên	30
3.2. Khuôn khổ quốc gia	31
3.2.1 Khuôn khổ chính sách và pháp luật về bình đẳng giới	31
3.2.2 Khuôn khổ chính sách và pháp lý về bạo lực gia đình	32
3.3. Các cơ quan thực thi pháp luật và mạng lưới hỗ trợ	37
3.3.1 Hệ thống pháp luật nhà nước và các cơ quan thực thi pháp luật	37
3.3.2 Hệ thống pháp luật có tính nhà nước	39
3.3.3 Các cơ quan có ảnh hưởng	40
4. PHÂN TÍCH VÀ PHÁT HIỆN NGHIÊN CỨU	41
4.1. Tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD	41
4.1.1. Nhận thức pháp luật	41
4.1.2. Tiếp cận hệ thống pháp lý đa kênh	47
4.1.3. Giải quyết các trường hợp bạo lực gia đình	55
4.1.4. Bảo vệ và đền bù cho nạn nhân BLGD	63
5. KẾT LUẬN	66
5.1. Hệ thống pháp lý đa kênh và sự tiếp cận công lý của phụ nữ	67
5.2. Những thách thức về pháp lý, thể chế và cấu trúc	67
6. KHUYẾN NGHỊ	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	74
Phụ lục I: Danh sách các luật, chính sách và chiến lược quốc gia	76
Phụ lục II: Nội dung tập huấn cho nhóm nghiên cứu viên địa phương	77
Phụ lục III: Hướng dẫn cho nhóm nghiên cứu	79
Phụ lục IV: Một số phản ánh về tính hiệu quả của việc áp dụng phương pháp tiếp cận FPAR	88

DANH MỤC CÁC HỘP VÀ BẢNG BIỂU

Bảng 1: Mức độ phổ biến về các loại bạo lực do người chồng gây ra đối với phụ nữ đã từng kết hôn (%)	12
Bảng 2: Hệ thống pháp lý đa kênh ở Việt Nam	20
Bảng 3: Cá nhân/cơ quan có thẩm quyền và các biện pháp giải quyết khiếu kiện, khiếu nại liên quan BLGD tại xã/phường	48
Hộp 1: Các hành vi bạo lực gia đình (Điều 2)	33
Hộp 2: Quy định về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân BLGD	34
Hộp 3: Báo cáo vụ việc bạo lực gia đình	39
Hộp 4: Trường hợp 1	44
Hộp 5: Trường hợp 2	47
Hộp 6: Trường hợp 3	51
Hộp 7: Trường hợp 4	55
Hộp 8: Câu chuyện về bạo lực gia đình và rượu	58
Hộp 9: Trường hợp 5	65

TÓM TẮT TỔNG QUAN

Việt Nam đã và đang xây dựng nhiều chính sách và khung pháp lý tiến bộ nhằm thực hiện bình đẳng giới ngay từ thời kỳ đầu dành được độc lập năm 1945. Hiến pháp mới được thông qua năm 2013 và Luật Hôn nhân và Gia đình của Việt Nam được sửa đổi năm 2014 đã ghi nhận quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong gia đình và xã hội cũng như nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới. Là quốc gia thành viên của công ước CEDAW từ năm 1982, Việt Nam đã cam kết xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử và vi phạm các quyền của phụ nữ. Kết quả của những nỗ lực không ngừng trong xây dựng và hoàn thiện khung luật pháp chính sách bảo vệ các quyền của phụ nữ và chống sự phân biệt đối xử với phụ nữ là sự ra đời Luật Bình đẳng giới (năm 2006) và sự ra đời của Luật PC BLGD (năm 2007). Đây là hai văn bản luật quan trọng làm nền tảng trong việc thực hiện PC BLGD.

Mặc dù Việt Nam đang dần từng bước thu hẹp khoảng cách giới và cải cách hệ thống pháp lý nhằm xóa bỏ BLGD nhưng khả năng tiếp cận công lý của phụ nữ bị bạo lực vẫn còn hạn chế. Một trong những vấn đề chủ yếu ẩn chứa đằng sau là phụ nữ không có khả năng tiếp cận các quyền của mình, là bạo lực gia đình không được hiểu là một trong những hình thức phân biệt đối xử đi liền với sự mất cân đối quyền lực về giới. Áp lực phá bỏ các khuôn mẫu và định kiến giới ăn sâu bám rễ trong xã hội buộc phụ nữ phải chấp nhận sự lệ thuộc, nhìn nhận sai lầm rằng bạo lực gia đình là một vấn đề không tránh khỏi, coi đó như là một phần của cuộc sống, đổ lỗi cho phụ nữ gây ra bạo lực gia đình do họ không phải là “người vợ tốt”. Do đó, các tác nhân trong hệ thống pháp lý đa kênh coi bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư nên tốt hơn hết nên được xử lý trong gia đình. Vì vậy, rất nhiều phụ nữ giữ im lặng về việc bị bạo lực và sống trong sợ hãi thay vì đưa sự bất công ra ánh sáng. Khi bị bạo lực tinh thần, tình dục hay kinh tế, phụ nữ thậm chí còn ngần ngại hơn trong việc tìm kiếm công lý vì các hình thức bạo lực này có thể không để lại tổn thương rõ ràng khiến người khác chú ý. Trong phần lớn các trường hợp, những người tìm kiếm công lý là nạn nhân của bạo lực thể xác và họ chỉ hành động khi bạo lực quá nghiêm trọng đến mức họ không thể tiếp tục chịu đựng nữa.

Ở Việt Nam, tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD được thực hiện thông qua hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước. Hệ thống pháp lý nhà nước của Việt Nam đã thiết lập được các điều kiện nền tảng đảm bảo quyền tiếp cận công lý, song, phụ nữ có xu hướng e ngại, không muốn sử dụng hệ thống pháp lý nhà nước do thiếu tin tưởng vào hiệu quả giải quyết vấn đề cũng như không tin rằng họ được bảo vệ. Hệ thống pháp lý có tính nhà nước về cơ bản tuân theo các quy tắc của hệ thống pháp lý Nhà nước và hoạt động của nó có tính hỗ trợ cho hệ thống pháp lý nhà nước. Hệ thống pháp lý phi nhà nước ít chịu ảnh hưởng của pháp luật nhà nước nhất và phản ánh rõ nét những quan niệm truyền thống và văn hóa, nhưng lại thiếu các phương tiện đảm bảo sự không phân biệt đối xử.

Hiện nay, các giá trị và chuẩn mực văn hóa phụ quyền vẫn phổ biến trong xã hội Việt Nam và thể hiện qua qua tâm lý ưa thích con trai, sự không công bằng trong phân chia quyền sử dụng đất đai và đứng tên sở hữu tài sản, sự khác biệt trong tham gia chính trị và có sự phân biệt đối xử về tuổi nghỉ hưu. Bất bình đẳng giới là hiện tượng phổ biến trong xã hội. Tuy nhiên một số nhóm

phụ nữ, ví dụ như phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, còn phải chịu sự bất công lớn hơn, khiến họ dễ bị tổn thương hơn khi bị bạo lực gia đình. Những phụ nữ này cũng thường ít được chú ý trong các hoạt động đảm bảo quyền và bảo vệ khỏi bị bạo lực tại địa phương.

Nghiên cứu này được thực hiện ở 3 tỉnh thuộc miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam tìm hiểu các vấn đề mang tính liên thông trong hệ thống pháp lý đa kênh khiến phụ nữ khó khăn trong tìm kiếm sự đền bù, bồi thường và bảo vệ để không bị bạo lực. Trong nhiều trường hợp, các biện pháp xử phạt hành chính đối với người vi phạm tỏ ra không phù hợp và ít có tác dụng. Chẳng hạn, hình thức xử phạt bằng tiền không đủ để răn đe người gây ra bạo lực mà lại trở thành gánh nặng đối với nạn nhân, bởi chính họ lại thường phải trả các khoản phạt này. Hơn nữa, việc chú trọng giải quyết các trường hợp bạo lực thông qua biện pháp hòa giải lại khiến nạn nhân bị rủi ro và giảm nhẹ trách nhiệm của người gây ra bạo lực. Các nạn nhân khi được phỏng vấn trong nghiên cứu này cho biết khi hòa giải, cả hai bên đều bị coi là có lỗi. Việc hòa giải sẽ không thành công nếu không có sự cân bằng về quyền lực thương thuyết giữa các bên. Các vấn đề mang tính liên thông này có liên hệ chặt chẽ với việc nhận diện BLGD với tư cách là một dạng của phân biệt đối xử giới và vi phạm quyền con người của phụ nữ. Khi các cơ quan thực thi công lý chưa thật sự có trách nhiệm giới, phụ nữ thường cảm thấy khó khăn trong xây dựng niềm tin vào hệ thống pháp luật. Nhiều nạn nhân không muốn tìm kiếm sự hỗ trợ bởi vì họ không tin vào thái độ, trách nhiệm, sự sẵn sàng và công bằng của các cán bộ thực thi pháp luật.

Sự phức tạp của hệ thống pháp lý đa kênh cũng là một thách thức lớn, gây khó khăn không chỉ cho người dân mà cho cả cán bộ. Hệ thống thực thi pháp luật ở cơ sở mang tính liên ngành, chủ yếu được thực thi bởi các cá nhân và tổ chức như tổ trưởng khu dân cư, công an, hội phụ nữ, ủy ban nhân dân. Nhìn chung, khi được đưa ra xem xét ở hệ thống pháp lý có tính nhà nước và phi nhà nước, các trường hợp BLGD không được coi là có tính tội phạm. Trong hầu hết các trường hợp, việc hòa giải được tiến hành trước khi có các biện pháp xử phạt người gây ra bạo lực. Việc này dẫn đến tình trạng chậm trễ giải quyết, bỏ qua nhu cầu khẩn trương bảo vệ, chăm sóc y tế và các hoạt động hỗ trợ nạn nhân. Qua mỗi bước trong chu trình xử lý của hệ thống pháp lý đa kênh, các nạn nhân đều phải trả lời các câu hỏi thiếu thiện ý về thái độ và hành vi của họ, khiến họ nản chí trong việc khẳng định quyền của bản thân. Trong thực tế có rất ít hoạt động phối hợp trợ giúp pháp lý, tư vấn và chăm sóc y tế cho nạn nhân, mặc dù những hoạt động này ở Việt Nam là vô cùng cần thiết.

Theo Luật, các cá nhân và tổ chức có trách nhiệm giải quyết BLGD và có trách nhiệm báo cáo nếu phát hiện vụ việc BLGD. Tuy nhiên, toàn bộ hệ thống này lại phụ thuộc chủ yếu vào báo cáo vụ việc của nạn nhân. Điều đó lại càng khó khăn hơn khi trách nhiệm nằm trên vai nạn nhân, mà có thể bản thân họ lại thiếu hiểu biết về các quyền của mình, không biết rằng hành vi bạo lực là một dạng xâm phạm quyền, hoặc không dám tố cáo sự việc mà không sợ bị hậu quả gì. Do vậy, cần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chức năng ở địa phương, tăng cường phổ biến thông tin về các quy định pháp luật và tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn nhằm giải quyết tình trạng BLGD. Vai trò của các cơ quan chức năng ở địa phương là rất quan trọng, bởi vì phụ nữ thường tìm kiếm sự trợ giúp của những người đứng đầu các khu dân cư hoặc những người có uy tín trong cộng đồng, nhưng những người này lại quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề như hoạt động văn hóa, giải quyết mâu thuẫn liên quan đến đất đai và tài nguyên thiên nhiên, chứ không phải là các trường hợp BLGD.

Việc kiểm soát đối với tài sản và đất đai cũng có tác động quan trọng đến sự tiếp cận công lý của phụ nữ. Khi phụ nữ không có hoặc không thể khẳng định quyền của mình đối với tài sản và đất đai, họ không muốn theo đuổi công lý vì lo sợ điều đó có thể khiến họ bị rơi vào tình trạng không có nhà để ở, không có đất để sản xuất. Hơn nữa, hiện tượng kết hôn nhưng không đăng ký và tảo hôn ở vùng dân tộc thiểu số cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Việc thiếu các bằng chứng pháp lý về hôn nhân khiến phụ nữ phải thực hiện các thủ tục pháp lý phức tạp hơn để được phân chia tài sản và nhận quyền nuôi con khi ly hôn. Do vậy, việc trợ giúp pháp lý đối với phụ nữ dân tộc thiểu số cần được ưu tiên nhằm bảo vệ quyền và sự an toàn của họ.

Đối với các cộng đồng Công giáo, sự can thiệp của nhà thờ chủ yếu thông qua các biện pháp hòa giải. Mặc dù các giáo lý khẳng định về bình đẳng nam nữ và phản đối các hành vi BLDĐ, nhưng điều đó chưa đảm bảo được công lý cho phụ nữ. Sự tuân thủ giáo lý mang tính tự nguyện và việc vi phạm không bị răn đe hay trừng phạt. Ly dị có thể được chấp nhận trong trường hợp bạo lực song nhìn chung không được khuyến khích vì giáo lý Công giáo luôn đề cao hôn nhân vĩnh viễn.

Việc giải quyết tận gốc tình trạng BLDĐ đòi hỏi một quá trình chuyển biến về vai trò giới trong xã hội, một việc vốn không thể thực hiện được nếu thiếu sự cam kết của nam giới và trẻ em trai. Việc đẩy mạnh hoạt động của các dự án phòng chống và kiểm soát BLDĐ của Chính phủ sẽ hỗ trợ cộng đồng gia tăng tri thức chung về phòng chống BLDĐ và phân biệt đối xử giới. Điều này sẽ giúp cộng đồng trong việc đưa ra các biện pháp phòng chống và ứng phó với bạo lực ở cấp cơ sở. Truyền thông đại chúng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải những thông tin về các vấn đề xã hội, về việc ban hành các luật lệ và chính sách mới, sẽ giúp đưa ra các quyết định trên cơ sở đầy đủ thông tin. Rõ ràng, việc tăng cường tiếp cận công lý của các phụ nữ là nạn nhân BLDĐ đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện từ tất cả các thành viên trong xã hội.

1. LỜI MỞ ĐẦU

Ở Việt Nam, tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD được thực hiện thông qua *hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước*. Cơ chế hệ thống pháp luật đa kênh trong nước ảnh hưởng đến sự tiếp cận công lý của phụ nữ cũng khá phức tạp và mối quan hệ qua lại giữa các hệ thống pháp lý này chưa được hiểu một cách thấu đáo. Đặc biệt, hệ thống pháp lý phi nhà nước, bao gồm các tập quán, luật bất thành văn và quy phạm truyền thống, ít được nghiên cứu nhất. Ở Việt Nam cũng như trên phạm vi toàn cầu, chuỗi công lý chịu ảnh hưởng của các giá trị truyền thống và văn hóa có xu hướng thách thức sự tiếp cận công lý của phụ nữ do những định kiến và khuôn mẫu giới ăn sâu trong xã hội. Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu tình hình thực tế mà phụ nữ đang phải đối mặt khi tham gia vào chuỗi công lý, mô tả một bức tranh tổng thể của hệ thống pháp lý đa kênh và các cơ chế thực thi thông qua các dữ liệu định tính và phân tích tổng quan nghiên cứu hiện có. Một loạt các khuyến nghị dựa trên cơ sở những phát hiện trong nghiên cứu cũng được đưa ra nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và pháp luật, cán bộ thực thi pháp luật cũng như các tác nhân khác trong hệ thống pháp lý đa kênh nhằm tạo môi trường thuận lợi để nạn nhân bạo lực gia đình có thể thụ hưởng các quyền con người của mình.

1.1. Sự cần thiết tiến hành nghiên cứu

Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản pháp luật đảm bảo bình đẳng giới và công lý cho phụ nữ và ngăn ngừa các hành vi bạo lực gia đình. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tập trung vào sự tiếp cận công lý của nạn nhân bạo lực gia đình trong bối cảnh hệ thống pháp lý đa kênh để có thể đánh giá một cách toàn diện về cách giải quyết các trường hợp bạo lực gia đình. Đặc biệt, hiểu biết về cơ chế công lý bên ngoài hệ thống pháp lý nhà nước hoặc chính thức còn hạn chế, trong khi đại đa số nạn nhân bạo lực gia đình chưa từng tìm kiếm sự giúp đỡ của chính quyền hoặc các dịch vụ chính thức². Hệ thống pháp lý có tính nhà nước hoặc phi nhà nước có thể dễ tiếp cận hơn so với hệ thống pháp lý nhà nước và có khả năng đưa ra giải pháp nhanh chóng, ít tốn kém hơn và phù hợp hơn về văn hóa. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các hệ thống này lại gặp rắc rối với các vấn đề có quan hệ trực tiếp đến lợi ích tốt nhất của phụ nữ (LHQ, UN Women và UNICEF 2012). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các khuôn khổ và quy trình pháp lý định kiến giới là trở ngại chủ yếu để đạt được tiến bộ trong việc xóa bỏ bất bình đẳng giới (UNDP 2010). Nói cách khác, tiếp cận công lý là “phương tiện chủ yếu để bảo vệ các quyền khác” và “quyền có ý nghĩa thúc đẩy” “cho phép các cá nhân thực hiện quyền thực sự của mình và được đền bù khi các quyền này bị vi phạm” (Ursua 2014). Do vậy, tăng cường sự tiếp cận công lý là yếu tố then chốt trong quá trình xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng và thực hiện các mục tiêu phát triển (Ursua 2014).

2 87% số người được phỏng vấn là nạn nhân BLGD chưa từng tìm kiếm sự giúp đỡ của chính quyền hoặc các dịch vụ chính thức. Nguồn: TCTK và các đối tác (2010). *Kết quả Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam*.

Nghiên cứu tại cộng đồng sẽ mang lại hiểu biết toàn diện về sự tiếp cận công lý của phụ nữ ở Việt Nam, với việc phân tích một cách sâu sắc các nhân tố ảnh hưởng đến sự tiếp cận công lý của nạn nhân bạo lực gia đình và tạo cơ hội để phụ nữ chia sẻ và đề xuất những can thiệp phù hợp nhằm tăng cường tiếp cận công lý.

1.2. Bạo lực gia đình ở Việt Nam

Giống như các nước khác trên thế giới, ở Việt Nam, BLGD là hành vi vi phạm quyền của phụ nữ có tính phổ biến. Trên thực tế, đây hiện là hình thức vi phạm quyền con người phổ biến nhất, đe dọa sự phát triển và cản trở tiến bộ xã hội. Theo kết quả Điều tra quốc gia về BLGD năm 2010 ở Việt Nam, cứ 3 phụ nữ thì có 1 người từng bị đánh, bị cưỡng bức về tình dục hay từng phải chịu các hình thức lạm dụng khác (TCTK 2010). Trong các hình thức bạo lực thì bạo lực tinh thần là hình thức phổ biến nhất. Theo báo cáo, tỉ lệ phụ nữ chịu bạo lực tinh thần lên tới 53,6%. Bạo lực thể xác được ghi nhận phổ biến thứ hai, sau bạo lực tinh thần, với tỷ lệ 31,5%. So với bạo lực thể xác và bạo lực tinh thần, tỷ lệ bị bạo lực tình dục được báo cáo ở mức thấp hơn, với 9,9%. Bạo lực tinh thần, thể xác và tình dục ở nông thôn đều phổ biến hơn so với ở thành thị. Bạo lực kinh tế là hình thức ít được báo cáo nhất trong số các hình thức bạo lực, ở mức 9%.

Bảng 1: Mức độ phổ biến về các loại bạo lực do người chồng gây ra đối với phụ nữ đã từng kết hôn (%)

Loại bạo lực	Thành thị	Nông thôn	Chung
Bạo lực thể xác	28,7	32,6	31,5
Bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục	32,2	35,4	34,4
Bạo lực tình dục	9,5	10,1	9,9
Bạo lực tinh thần	47,2	56,2	53,6
Bạo lực kinh tế	7,4	9,6	9,0

Nguồn: TCTK 2010 (Bảng 3.1 – 3.10)

Điều đáng quan tâm là phụ nữ thường phải chịu đựng đồng thời nhiều loại bạo lực. Ví dụ, trong số 9,9% phụ nữ từng bị bạo lực tình dục, có đến 6,8% đồng thời bị bạo lực tinh thần và thể xác. Cũng theo kết quả điều tra, các hành vi bạo lực thường lặp đi lặp lại. Có tới 60,1% số người được hỏi cho biết từng hơn một lần bị chồng bạo hành thể xác hoặc tình dục. Bạo lực tình dục và bạo lực tinh thần thường kéo dài trong suốt cuộc đời của phụ nữ.

Các phát hiện từ nghiên cứu của Tổng cục thống kê cho thấy BLGD gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với phụ nữ, gia đình và xã hội. Trong số phụ nữ thừa nhận bị bạo lực tình dục và thể xác, 36,3% từng bị thương tích, 26% nói rằng sức khoẻ bị giảm sút tồi tệ, và 7% cảm thấy mất tự tin vào bản thân. Nhiều phụ nữ bị BLGD tâm sự họ gặp phải những vấn đề về sức khoẻ trong hoạt động hàng ngày, bị giảm trí nhớ hoặc gặp khó khăn trong đi lại. Trẻ em trong các gia đình mà phụ nữ là nạn nhân BLGD cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ BLGD. Trong số phụ nữ bị BLGD, 50% cho rằng con cái họ đã từng phải chứng kiến hành vi bạo lực của chồng đối với họ và 25% cho rằng con cái họ cũng từng là nạn nhân bị bạo lực do chồng họ gây ra. Những người chồng có hành vi bạo lực có xu hướng có mẹ hoặc bản thân họ đã từng bị bạo lực trong quá khứ (TCTK 2010). Hiện nay, BLGD cũng được ghi nhận là nguyên nhân chính phá vỡ sự ổn định và

hạnh phúc gia đình. Theo thống kê, có tới hơn 53,1% số vụ ly hôn ở Việt Nam có nguyên nhân từ bạo lực gia đình³. Ngoài ra, đã có những chứng cứ cho thấy BLGD ảnh hưởng trực tiếp đến tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam. Tổng thiệt hại do BLGD gây ra cho nền kinh tế quốc dân ước tính lên tới 1,78% tổng GDP năm 2010. Tính tổng thể, tổn thất do bạo lực gia đình gây ra và thiệt hại về năng suất lao động chiếm 3,1% GDP năm 2010 của Việt Nam (UN Women 2012).

Bạo lực gia đình là một hình thức phân biệt đối xử

Trong nhiều nghiên cứu khác nhau ở Việt Nam, các yếu tố văn hóa truyền thống bao gồm quan niệm, giá trị và chuẩn mực, phong tục, tập quán xã hội đã được phân tích như là nguyên nhân dẫn đến BLGD. Đồng thời, những chuẩn mực đó tác động tới cách mà phụ nữ phản ứng với bạo lực gia đình. Chuẩn mực xã hội, tập quán và truyền thống nêu rõ vai trò giới và vị thế của mọi thành viên. Phụ nữ được trông đợi nhu mì, cam chịu, kiềm chế nhu cầu tình dục, phục tùng chồng để giữ hòa khí trong gia đình. BLGD là hậu quả của việc nam giới thể hiện quyền hành với vợ và chứng tỏ bản lĩnh đàn ông (Phan Thị Thu Hiền 2008). Cũng theo văn hóa Việt Nam, nam thuộc mệnh dương còn nữ thuộc mệnh âm, từ đó có quan niệm nam thì nóng, nữ thì ôn hòa, nền tính, biết dùng “âm chế dương” để giải tỏa các căng thẳng trong gia đình (Rydstrøm 2004). Nếu như phụ nữ đi ngược lại các quan niệm trên thì họ là người có lỗi khiến nam giới sử dụng bạo lực (Jonzon và cộng sự 2007).

Các phát hiện nghiên cứu cho thấy các quy tắc của Nho giáo thừa nhận nam giới được hưởng đặc quyền là người chủ của gia đình, giữ gìn danh dự của gia đình và giáo dục phụ nữ trong gia đình, còn nữ giới thì ở vị trí thấp hơn. Bởi vậy, người phụ nữ khi là con gái thì phải phục tùng cha mình. Sau khi lấy chồng, họ có bốn phận phục tùng chồng và nếu chồng chết, họ phải phục tùng con trai mình. Họ có vai trò trong việc giữ cho gia đình “trong ấm ngoài êm” và duy trì “các giá trị gia đình” (Hoàng Thị Ái Hoa 2009; Rydstrøm 2006). Chính vì thế, ở Việt Nam, im lặng và chấp nhận bạo lực là cách phụ nữ giữ hòa khí trong gia đình (Lê Thị Phương Mai và cộng sự 2005; Lê Thái Thị Băng Tâm 2005; Romedenne và Vũ Mạnh Lợi 2006). Nạn nhân BLGD thường ít kiện cáo, ít đưa đơn ly dị (Hoàng Thị Ái Hoa 2009). Nhiều phụ nữ bị bạo hành muốn ly hôn, song vì nghĩ đến con cái và lo cho sự đổ vỡ danh tiếng gia đình cuối cùng vẫn chấp nhận sống chung với bạo lực (UNFPA 2002). Khi phụ nữ tìm kiếm sự giúp đỡ, họ tìm đến hàng xóm, bạn bè và người thân. Nếu bị chấn thương nghiêm trọng, họ sẽ tìm đến nhân viên y tế (Krantz và cộng sự 2005; Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999).

1.3. Bình đẳng giới ở Việt Nam

Về nguyên tắc, Chính phủ Việt Nam khẳng định cam kết đối với bình đẳng giới. Quyền bình đẳng nam nữ được ghi nhận từ bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam (năm 1946) và trong các bản Hiến pháp năm 1960, 1980, 1992 và 2013. Trên cơ sở Hiến pháp, Chính phủ đã ban hành một số luật và chính sách liên quan đến quyền của phụ nữ và bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới (năm 2006) và Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 là hai ví dụ và sẽ được phân tích kỹ hơn trong Chương III. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực củng cố khuôn khổ chính sách và pháp luật nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cản trở phụ nữ hưởng thụ các quyền của mình một cách bình đẳng với nam giới.

3 Nguồn: <http://www.dtinews.vn/en/news/017004/26394/domestic-violence-major-cause-of-divorce.html>

Coi trọng con trai

Quan niệm “trọng nam khinh nữ” và người Việt nói theo kiểu “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” vẫn còn phổ biến trong xã hội Việt Nam. Trong nhiều trường hợp, người phụ nữ bị coi thường, cho là có tội nếu không đẻ được con trai. Trên thực tế, mặc dù việc xác định giới tính thai nhi và phá thai để lựa chọn giới tính đã bị pháp luật cấm nhưng tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn ở mức cao – năm 2013 là 112.6 bé trai trên 100 bé gái.⁴ Ủy ban về Quyền trẻ em đã bày tỏ quan ngại về sự phân biệt đối xử của xã hội đối với trẻ em gái dẫn đến hành vi phá bỏ bào thai nữ.⁵

Quyền thừa kế và quyền sử dụng đất

Theo thông lệ phổ biến của các gia đình Việt Nam, quyền thừa kế thuộc về con trai, đặc biệt là con trai cả. Các dạng thức thừa kế vốn được hợp thức bằng các quy tắc của dòng họ đã tước bỏ quyền tiếp cận đất đai của nhiều phụ nữ (UNDP 2013). Nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ giữa quyền sở hữu tài sản của phụ nữ với bạo lực gia đình, và chỉ ra rằng quyền sử dụng đất của phụ nữ giúp làm giảm sự dễ bị tổn thương của phụ nữ trước bạo lực (UN Women và OHCHR 2013). Mặc dù tỷ lệ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và đất ở do phụ nữ đứng tên hoặc đồng đứng tên đã tăng, nhưng vẫn ở mức thấp, lần lượt là 20% và 18%, trong khi tỷ lệ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên nam giới chiếm tới 62% (NHTG và cộng sự 2011). Để giải quyết vấn đề này, Luật Đất đai mới có hiệu lực từ tháng 7 năm 2014 quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cả hai vợ chồng và hạn chế giấy chứng nhận chỉ đứng tên một người (Điều 98, Khoản 4). Bên cạnh đó, Điều 108 Bộ luật Dân sự quy định “Tài sản chung của hộ gia đình gồm quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, rừng trồng của hộ gia đình, tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ”. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng quy định: “Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng” (Điều 33).

Việc làm

Trong lĩnh vực lao động và việc làm, phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các công việc tự doanh và công việc chăm sóc không được trả lương, dẫn đến tỷ lệ phụ nữ trong khu vực không chính thức rất cao. Do phụ nữ được kỳ vọng vừa thực hiện vai trò là người chăm sóc gia đình chủ yếu vừa là người kiếm tiền nên họ phải đảm nhiệm những công việc không chính thức với thời gian làm việc linh hoạt hơn. Đáng chú ý là nhiều phụ nữ làm việc trong các ngành và khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao. Phụ nữ gặp bất lợi về sự ổn định trong công việc, bảo hiểm xã hội và bảo vệ theo quy định của Bộ luật Lao động. Xu hướng di cư kiếm việc làm cũng thể hiện sự bất bình đẳng giới. Theo Báo cáo khảo sát lực lượng lao động năm 2013, trên 58,9% số lao động di cư nội địa ở Việt Nam là phụ nữ. Trong khi đó, tỷ lệ phụ nữ dịch chuyển khỏi khu vực nông nghiệp thấp hơn nam giới. Năm 2012, tỷ lệ phụ nữ làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản giảm 1,7% so với năm 2011, trong khi tỷ lệ này ở nam giới là 2,4% (UN Women 2014).

4 Tổng cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình, 2013.

5 CRC/C/VNM/CO3-4, đoạn 29 (d).

Tuổi nghỉ hưu

Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm Xã hội quy định phụ nữ nghỉ hưu sớm hơn nam giới 5 năm, trừ trường hợp phụ nữ có “trình độ chuyên môn cao và giữ vị trí quản lý” thì nghỉ hưu ở tuổi 60 (tương đương với nam giới). Sự phân biệt đối xử trong tuổi nghỉ hưu đã và đang hạn chế cơ hội được tuyển dụng, đề bạt và đào tạo của phụ nữ. Báo cáo khảo sát lực lượng lao động Việt Nam năm 2013 cho thấy chỉ có 15,7% số phụ nữ trong lực lượng lao động được đào tạo kỹ thuật, so với 20,6% ở nam giới. Phụ nữ phải nghỉ hưu sớm hơn cũng ít có khả năng được đề bạt lên các vị trí quản lý cao cấp trong bộ máy nhà nước, trong khi đó, nam giới được đảm bảo những cơ hội này. Sự bất bình đẳng giới trong tuổi nghỉ hưu cũng cản trở phụ nữ đạt được mức lương cao hơn, nghĩa là mức lương hưu của họ cũng thấp hơn nam giới.

Sự tham gia chính trị

Liên quan đến sự tham gia của phụ nữ trong Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhân dân và bộ máy nhà nước, Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng tỷ lệ nữ và tiếp tục củng cố khuôn khổ chính sách và pháp luật. Tuy nhiên, sự tham gia của phụ nữ vào đời sống xã hội và chính trị các cấp vẫn còn hạn chế. Tỷ lệ phụ nữ được bầu làm Đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ XIII chỉ là 24,4%, mức thấp nhất trong vòng 4 nhiệm kỳ quốc hội gần đây.⁶ Hiện tại, chỉ có 2 trong số 22 ghế bộ trưởng do phụ nữ nắm giữ, tương đương 3,3% tổng số ghế bộ trưởng. Ngoài ra, phụ nữ cũng có mặt nhiều hơn ở vị trí lãnh đạo trong lĩnh vực “nữ tính” hơn như Y tế, Giáo dục, Lao động, Thương binh và Xã hội. Trong khi tỷ lệ phụ nữ giữ vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực “nam tính” như Giao thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng cũng ít hơn. Vẫn tồn tại các giá trị và niềm tin mang tính khuôn mẫu bảo thủ rằng nam giới là người có tố chất lãnh đạo tự nhiên, và vai trò của phụ nữ nên gói gọn trong gia đình. Trách nhiệm chăm sóc gia đình của phụ nữ trong bối cảnh thiếu cơ sở chăm sóc trẻ em và người già đang cản trở họ tận dụng các cơ hội bình đẳng với nam giới để phát triển trong lĩnh vực chính trị.

Phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số

Bất bình đẳng giới vẫn tồn tại trong nhiều mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó người Kinh là dân tộc lớn nhất, chiếm 87% dân số cả nước. 53 dân tộc còn lại chiếm khoảng 14% dân số và sinh sống chủ yếu tại các vùng núi trên khắp cả nước.⁷ Tại các cộng đồng dân tộc thiểu số, vai trò của phụ nữ thường bị giới hạn trong phạm vi gia đình. Dù là cộng đồng mẫu hệ hay phụ hệ thì phụ nữ dân tộc thiểu số đều thiệt thòi hơn nam giới trên hầu hết các mặt của đời sống. Nam giới có nhiều thời gian nghỉ ngơi và tham gia giải trí hơn, trong khi phụ nữ thì làm việc vất vả hơn và phải làm việc trong thời gian dài hơn (Hoàng Bá Thịnh 2008; Lê Kim Lan 2005; Terry và cộng sự 2001). Tuy đóng góp nhiều hơn vào phát triển kinh tế gia đình nhưng phụ nữ dân tộc thiểu số có ít quyền quyết định chi tiêu. Ngay cả trong các gia đình mẫu hệ, phụ nữ cũng có xu hướng là người quyết định các khoản chi tiêu nhỏ, còn nam giới là người quyết định các khoản chi tiêu lớn trong gia đình (Hoàng Xuân Thành và cộng sự 2011; Lê Thị Thục 2014).

6 Tỷ lệ này giảm so với tỷ lệ 27,3% trong nhiệm kỳ thứ 11 của Quốc hội (2002-2007) và 25,8% trong nhiệm kỳ thứ 12 của Quốc hội (2007-2011).

7 Nhóm nghiên cứu quốc tế về người bản địa. Báo cáo thế giới 2013, phần Việt Nam từ trang 272-278

Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, sự bất bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục là rất đáng lưu ý. Năm 2011, tỷ lệ biết chữ ở phụ nữ dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 15-25 là 83,2%, so với 99,1% ở phụ nữ dân tộc Kinh (TCTK 2013-2014). Tỷ lệ đi học cả ở cấp tiểu học và trung học cơ sở của trẻ em gái dân tộc thiểu số là 76,64% năm 2013 so với 92,6% trẻ em gái dân tộc Kinh (UNICEF 2013). Có tới 41,9% đến 75%⁸ phụ nữ dân tộc thiểu số cho biết họ chưa học hết tiểu học, trong khi tỷ lệ này ở phụ nữ dân tộc Kinh thấp hơn nhiều, ở mức 20% (Hoàng Cầm và cộng sự 2013). Trẻ em gái bỏ học vẫn chiếm tỷ lệ lớn và trẻ em gái ở nông thôn và vùng sâu vùng xa không được tiếp cận giáo dục đầy đủ⁹.

8 Số liệu trên thay đổi tùy thuộc vào nhóm dân tộc thiểu số: 41,9% số phụ nữ ở các nhóm dân tộc theo chế độ phụ hệ, 58,9% ở các nhóm dân tộc theo chế độ mẫu hệ và 75% ở các nhóm dân tộc hỗn hợp.

9 CEDAW/C/VNM/CO/6, đoạn 20

2. KHUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu chính

Nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Xác định những bất cập và hạn chế cản trở phụ nữ tiếp cận công lý thông qua hệ thống pháp lý đa kênh để giải quyết các trường hợp BLGD.
- Tăng cường cam kết của các bên có trách nhiệm giải quyết những bất cập và hạn chế này thông qua việc tăng cường nhận thức và kiến thức về hệ thống pháp lý đa kênh và BLGD.
- Nâng cao kiến thức cho phụ nữ, nhất là những người từng bị BLGD về các cách tiếp cận công lý thông qua hệ thống pháp lý đa kênh.
- Đưa ra những khuyến nghị chính sách, xác định những nhu cầu và bước đi cụ thể để xoá bỏ những rào cản trong hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước, nhằm tăng cường sự tiếp cận công lý của phụ nữ.

Nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD, nghiên cứu này trả lời các câu hỏi chính sau:

1. Phụ nữ bị BLGD tiếp cận công lý thông qua hệ thống pháp lý đa kênh như thế nào?
2. Những yếu tố nào thúc đẩy hoặc cản trở sự tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD?
3. Cần làm gì để thúc đẩy sự tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD?

2.2. Khung khái niệm

Công lý

Công lý, theo từ điển tiếng Việt, được định nghĩa “là lẽ phải được thừa nhận, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của các xã hội”¹⁰. Công lý còn được hiểu là những yêu cầu hay đòi hỏi chính đáng của cá nhân hay của nhóm được đáp ứng thông qua việc thực thi luật pháp của Nhà nước hoặc việc thực hiện các quy tắc, luật lệ phi nhà nước hoặc không chính thức khác.

10 Từ điển tiếng Việt. Nguyễn Như Ý, 1998

Tiếp cận công lý

Tiếp cận công lý là một khái niệm cốt lõi của nghiên cứu này. Tiếp cận công lý có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Theo nghĩa hẹp, tiếp cận công lý có thể được hiểu là quyền được tiếp cận tòa án khi có vi phạm xảy ra (Ursua 2014). Theo nghĩa rộng, tiếp cận công lý không chỉ dừng lại ở việc yêu cầu tòa án hay các hệ thống tư pháp giải quyết mà còn là quá trình đàm phán để tạo ra những thay đổi hiệu quả về quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến vai trò chức năng của các thiết chế công và là quá trình trao quyền cho các nhóm yếu thế để họ có đủ khả năng đấu tranh chống lại bất bình đẳng (Chiongsong và cộng sự 2011).

Trong nghiên cứu này, tiếp cận công lý được hiểu là “khả năng người dân tìm kiếm và đạt được các hình thức đền bù, bồi thường thông qua các thiết chế chính thức và phi chính thức dựa trên cơ sở các chuẩn mực về quyền con người” (Ursua 2014). Có thể nói, tiếp cận công lý không chỉ là một quyền con người cơ bản mà còn là một công cụ hỗ trợ để bảo vệ các quyền khác. Việc đảm bảo quyền này, vì vậy, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và xóa bỏ BLDG. Tiếp cận công lý chỉ được thực hiện khi có hệ thống pháp luật, thủ tục pháp lý và bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả và dễ tiếp cận. Người dân cần phải có nhận thức pháp luật tốt, hiểu quyền và lợi ích của mình và biết cách đòi hỏi quyền khi quyền của họ bị vi phạm. Đồng thời các bên chịu trách nhiệm cần có biện pháp bảo hộ pháp lý hiệu quả bao gồm cả việc đền bù, bồi thường dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về quyền con người (Ursua 2014).

Nghiên cứu này sử dụng khung khái niệm tiếp cận công lý trong hệ thống pháp lý đa kênh gồm các yếu tố như sau (UN Women 2014):

1. Khung pháp lý quy chuẩn, bao gồm: Luật lệ, các quy trình thủ tục và cấu trúc hành chính thích hợp để thực thi các luật lệ đó;
2. Nhận thức, hiểu biết về pháp luật: Những người khiếu kiện hiểu biết luật lệ và các quyền cơ bản của họ và biết cần làm gì trong những trường hợp có bất bình hay mâu thuẫn;
3. Tiếp cận các hệ thống pháp lý: Những người khiếu nại, khiếu kiện cần biết cách tìm kiếm sự đền bù, bồi thường cho những bất bình của mình thông qua những cơ chế thích hợp.
4. Giải quyết khiếu kiện hiệu quả: Hành động của những người có trách nhiệm nhằm bảo vệ và cung cấp sự đền bù cho người khiếu kiện, khiếu nại.
5. Đạt được sự đền bù thỏa đáng: Những người khiếu kiện nhận được sự đền bù thỏa đáng theo các chuẩn mực về quyền con người.

Hệ thống pháp lý đa kênh

Hệ thống pháp lý đa kênh có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào các hình thức, tính đa dạng và lĩnh vực điều chỉnh của từng hệ thống pháp lý. Theo nghĩa chung nhất, đó là sự cùng tồn tại của nhiều trật tự pháp lý khác nhau. Hệ thống pháp lý là một hệ thống diễn giải và thực thi luật pháp. Nó bao gồm các bộ luật, quy tắc, các quy định tạo nên khung pháp chế để thi hành và bộ máy tổ chức cùng các thủ tục tổ tụng để thực thi luật pháp. Hệ thống pháp lý đa kênh tồn tại trong một xã hội có nhiều hơn một hệ thống pháp lý. Hệ thống này thường tồn tại ở các quốc gia đã từng trải qua thời kỳ thuộc địa với sự ảnh hưởng của cả hệ thống luật thuộc

địa và pháp luật truyền thống hoặc ở các quốc gia đa sắc tộc, tôn giáo và văn hóa (Ursua 2014). Chẳng hạn như ở Ấn Độ, hệ thống pháp luật quốc gia cùng tồn tại song hành với hệ thống luật Hồi giáo. Các quốc gia có nền văn hóa đa dạng và sự chung sống của nhiều sắc tộc khác nhau như ở khu vực Đông Nam Á (chẳng hạn: Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Indonesia, v.v.), hệ thống pháp lý chịu sự chi phối dưới nhiều hình thức khác nhau. Sự đa kênh pháp lý gắn với sự tồn tại đồng thời các chuẩn mực và thiết chế pháp lý khác nhau trong mối quan hệ vừa tăng cường, bổ sung cho nhau nhưng cũng có khi xung đột và chông chéo với nhau.

Các nghiên cứu cho thấy ở Việt Nam cũng tồn tại các hệ thống pháp lý đa kênh chi phối các hoạt động trong đời sống xã hội (Hoàng Thị Ái Hoa 2009; Krantz và cộng sự 2005; Lê Thị Phương Mai và cộng sự 2005; Lê Thái Thị Băng Tâm 2005; Rydstrom 2006; TCTK 2010; UNFPA 2002; Vũ Mạnh Lợi và cộng sự 1999) (xem Bảng 2). Có nhiều cách phân loại để nhận biết các bộ phận của hệ thống pháp lý. Một số học giả chia hệ thống pháp lý trong mỗi quốc gia thành hệ thống chính thức và phi chính thức (Chiongsouk và cộng sự 2011). Hệ thống pháp lý đa kênh ở mỗi quốc gia cũng có thể được chia thành hệ thống pháp lý nhà nước, phi nhà nước và có tính nhà nước. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu hệ thống pháp lý đa kênh như là tập hợp của các hệ thống pháp lý nhà nước, phi nhà nước và có tính nhà nước.

Hệ thống pháp lý nhà nước

Hệ thống pháp lý nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách do nhà nước ban hành và bộ máy, quy trình thuộc về nhà nước nhằm giám sát và đánh giá việc thực thi pháp luật. Với hệ thống pháp lý nhà nước, việc giải quyết các tranh chấp được thực hiện thông qua tòa án/hệ thống tư pháp hay được điều chỉnh theo pháp luật của Nhà nước. Hệ thống pháp lý nhà nước là hệ thống chính quy có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo công lý cho người dân vì tất cả các quyền chính đáng của họ được ghi nhận trong pháp luật và được bảo vệ thông qua việc thi hành luật của các cơ quan nhà nước. Mặc dù hệ thống pháp luật quốc gia được coi là hệ thống chủ đạo, chi phối mạnh mẽ các mối quan hệ pháp lý trong xã hội nhưng trong thực tế các quy định pháp luật và các cơ quan thực thi pháp luật ở nhiều nước vẫn còn thiếu nhạy cảm giới, thậm chí còn mang tính phân biệt đối xử về giới (Ursua 2014). Vì thế, trong nhiều trường hợp, hệ thống pháp luật quốc gia cũng tạo ra những rào cản làm cho các nạn nhân bạo lực gia đình không thể tiếp cận được công lý.

Hệ thống pháp lý phi nhà nước

Hệ thống pháp lý phi nhà nước bao gồm các quy tắc và luật lệ không do hệ thống Nhà nước mà do những người nắm giữ quyền lực hợp pháp về mặt văn hóa và xã hội. Các quan niệm, giá trị, luật tục, phong tục và tập quán và niềm tin, các quy tắc hay quy định tôn giáo, v.v. có thể gọi chung đó là các chuẩn mực và luật lệ phi nhà nước. Hệ thống pháp lý phi nhà nước tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm các quy tắc, thiết chế tồn tại ở từng cộng đồng hay các quy định của các thiết chế phi nhà nước như trường học, doanh nghiệp, các hiệp hội, đoàn thể, các tổ chức tôn giáo. Những thiết chế công lý này rất đa dạng như thủ lĩnh tôn giáo, già làng, trưởng bản hoặc người có uy tín trong cộng đồng. Hệ thống này do các thành viên của tổ chức dân sự và cộng đồng hình thành, gìn giữ và phát triển, và thường quy định hành vi của các cá nhân, các nhóm và cộng đồng ở trên mọi phương diện của cuộc sống, từ vị trí và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình cho đến cách thức giải quyết mâu thuẫn xung đột trong cộng

đồng. Các thành viên trong các tổ chức, cộng đồng chấp thuận, tuân theo hệ thống các quy tắc này trong quá trình họ tương tác với nhau nhờ đó tạo nên sự ổn định, cân bằng và thống nhất trong tổ chức và cộng đồng. Nhìn chung hệ thống này có ảnh hưởng lớn tới các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là các quy tắc chi phối các mối quan hệ truyền thống, có ảnh hưởng quan trọng đến đời sống xã hội. Nhìn chung, hệ thống này có chức năng định hướng, giám sát và thậm chí điều chỉnh hành vi của các thành viên. Các hành vi vi phạm có thể bị xét xử và trừng phạt nhưng chủ yếu mang tính răn đe.

Mặc dù cơ sở của hệ thống pháp lý phi nhà nước trước hết không hoàn toàn dựa trên luật pháp, nhưng nó thừa nhận các quy định nhà nước. Do đó, hệ thống pháp lý nhà nước và hệ thống pháp lý phi nhà nước được hiểu là có sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau.

Hệ thống pháp lý có tính nhà nước

Hệ thống pháp lý có tính nhà nước (quasi-state legal system) có chung các yếu tố của cả hai hệ thống nhà nước và phi nhà nước. Lấy ví dụ, việc giải quyết các tranh chấp có thể vận dụng các quy định ghi trong luật pháp nhà nước thông qua hoạt động của các tổ chức dân sự hoặc những người đại diện cho cộng đồng. Các quy định của cộng đồng như hương ước của khối/xóm/thôn/bản hay quy định của các tổ chức đoàn thể xã hội, chính trị là các hình thức tồn tại của hệ thống pháp lý có tính nhà nước.

Bảng 2: Hệ thống pháp lý đa kênh ở Việt Nam

	Hệ thống pháp lý nhà nước	Hệ thống pháp lý phi nhà nước	Hệ thống pháp lý có tính nhà nước
Các chuẩn mực và luật lệ	- Hệ thống các văn bản, chính sách và pháp luật của nhà nước.	- Luật tục, phong tục, tập quán, niềm tin và các giá trị văn hóa truyền thống. - Giáo lý và niềm tin tôn giáo.	- Hương ước của khối xóm/thôn/bản. - Quy định của cộng đồng và các tổ chức dân sự.
Chủ thể thực thi công lý	- Người đại diện cho chính quyền địa phương. - Người đại diện cho các cơ quan thực thi pháp luật. - Các bên cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ pháp lý.	- Người nắm giữ quyền lực trong gia đình và cộng đồng, bao gồm chủ hộ, trưởng họ/tộc, già làng. - Đại diện của các tổ chức tôn giáo như linh mục, cha xứ.	- Người đại diện cho cộng đồng, bao gồm trưởng bản/trưởng thôn - khối/tổ trưởng tổ dân phố. - Người đại diện cho các đoàn thể chính trị - xã hội.

Điểm chung nhất giữa các hệ thống pháp lý khác nhau là chúng đều nhằm hướng tới việc duy trì sự ổn định và trật tự xã hội. Hệ thống pháp lý nhà nước có khả năng ảnh hưởng và chi phối rộng hơn vì nó thường được áp dụng và thực hiện ở cấp độ quốc gia, quốc tế, khu vực. Trong khi đó, hệ thống pháp lý phi nhà nước thường được thừa nhận và tuân thủ trong một cộng đồng văn hóa hay trong tổ chức xã hội nhất định và thường bị giới hạn trong một phạm vi địa lý hẹp hơn. Các hệ thống pháp lý khác nhau nhưng đều có khả năng chi phối và tác động tích cực hoặc tiêu cực đến mọi thành viên trong xã hội. Vai trò của các hệ thống pháp lý này trong những bối cảnh khác nhau là không hoàn toàn giống nhau, có thể thống nhất và bổ sung hoặc mâu thuẫn nhau. Sự tồn tại và vận hành của mỗi hệ thống tương đối độc lập và đáp ứng nhu cầu công lý theo những cách khác nhau. Chẳng hạn, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, việc thực thi pháp luật của Nhà nước còn chịu sự ảnh hưởng của các phong tục, tập quán ở từng vùng miền, cộng đồng. Hương ước của thôn/bản là những quy định của cộng đồng nhưng có thể là yếu tố hỗ trợ cho quá trình tiếp cận công lý của người dân.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa hai nhóm nghiên cứu cấp quốc gia và địa phương. Nhóm nghiên cứu quốc gia¹¹ chịu trách nhiệm xây dựng bộ công cụ nghiên cứu và làm các công tác chuẩn bị nghiên cứu thực địa. Nhóm nghiên cứu quốc gia cũng hỗ trợ nhóm nghiên cứu địa phương trong quá trình thu thập thông tin. Tại các địa bàn nghiên cứu, nhóm nghiên cứu quốc gia không trực tiếp thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu, nhưng tập huấn cho nhóm nghiên cứu địa phương để chính họ là người phỏng vấn. Nhóm nghiên cứu địa phương có trách nhiệm dẫn dắt các cuộc thảo luận nhóm¹². Việc lựa chọn nhóm nghiên cứu địa phương dựa trên các tiêu chí về tuổi tác, sự nhiệt tình và có hiểu biết xã hội cũng như có kỹ năng giao tiếp. Đối tượng tham gia nghiên cứu là 72 cán bộ lãnh đạo cấp xã và 80 phụ nữ địa phương và 28 nạn nhân BLGD.

Hoạt động nghiên cứu bắt đầu được triển khai từ tháng 7/2013 đến 7/2014, trong đó, nghiên cứu thực địa được thực hiện từ tháng 10/2013 và kết thúc trong tháng 12/2013. Ở mỗi địa bàn, hoạt động tập huấn và thu thập thông tin được tiến hành trong 4 ngày.

Nghiên cứu tài liệu có sẵn

Như là nguồn thông tin thứ cấp, một báo cáo nghiên cứu tổng quan được tiến hành để tìm hiểu các yếu tố kinh tế-xã hội và văn hoá ảnh hưởng đến sự tiếp cận công lý của nạn nhân BLGD. Tổng quan báo cáo nghiên cứu phân tích các phát hiện từ những nghiên cứu và báo cáo gần đây về bình đẳng giới trong xã hội Việt Nam, sự phát triển của khuôn khổ pháp lý về phòng chống bạo lực gia đình và tiếp cận công lý của phụ nữ. Những hiểu biết thu được từ thông tin thứ cấp cho phép đặt kết quả thu thập được từ thông tin sơ cấp vào trong bối cảnh cho thấy hiện trạng tiếp cận công lý của phụ nữ ở các địa phương khác nhau.

11 Nhóm nghiên cứu quốc gia gồm 7 nghiên cứu viên đến từ Viện Xã hội học, Viện nghiên cứu Quyền con người, Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, và Viện Kinh tế thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

12 Xem Phụ lục về nội dung tập huấn cho các nghiên cứu viên địa phương.

Cách tiếp cận nghiên cứu hành động có sự tham gia của phụ nữ (FPAR)

Nghiên cứu này vận dụng cách tiếp cận FPAR. Bản chất của nghiên cứu này dựa trên định nghĩa về nghiên cứu hành động của Maguire (1987), trong đó nhấn mạnh sự tham gia của phụ nữ. Theo đó, FPAR là phương pháp nghiên cứu vấn đề thông qua việc thu hút sự tham gia của phụ nữ cộng đồng và những phụ nữ chịu ảnh hưởng vào quá trình thảo luận về vấn đề được đưa ra và tìm giải pháp để giải quyết vấn đề đó. Quá trình nghiên cứu cũng là quá trình hỗ trợ nâng cao năng lực cho các thành viên nghiên cứu là nữ và phụ nữ tại cộng đồng. Trong quá trình nghiên cứu, phụ nữ tham gia thảo luận và tương tác với nhau để nhận diện vấn đề, phân tích các nguyên nhân mang tính cấu trúc của vấn đề. Thông qua quá trình nghiên cứu, các thành viên nữ trong nhóm nghiên cứu và phụ nữ tham gia gắn kết chặt chẽ với nhau để cùng hành động nhằm tạo ra sự thay đổi. Kết quả mong đợi của nghiên cứu là kế hoạch hành động do chính phụ nữ cộng đồng xây dựng và phát triển. Thông qua quá trình này, FPAR góp phần tăng quyền năng cho phụ nữ. Phương pháp này cũng cho phép phụ nữ và các thành viên nghiên cứu phối hợp chặt chẽ với nhau để tạo ra thay đổi. Phụ nữ không chỉ là đối tượng nghiên cứu mà còn là trọng tâm được tăng quyền năng và hành động để tạo ra sự thay đổi với những kiến thức và kỹ năng có được trong quá trình nghiên cứu nhằm giúp họ nâng cao năng lực tiếp cận công lý.

Tại sao nghiên cứu sử dụng FPAR

Mục tiêu nghiên cứu là tìm kiếm các bằng chứng cho thấy mức độ tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận. Bởi BLGD là biểu hiện của quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam và nữ trong gia đình, do đó, nâng cao nhận thức về các khuôn mẫu và định kiến giới là rất cần thiết để phụ nữ, các thành viên cộng đồng và chính quyền có thể phân tích và mô tả các vấn đề liên quan đến BLGD. Việc hiểu rõ hơn các nhân tố tạo điều kiện hoặc cản trở sự tiếp cận công lý của phụ nữ sẽ giúp xây dựng các chính sách và biện pháp can thiệp có hiệu quả với phụ nữ. Vì những lý do trên, việc sử dụng phương pháp FPAR để tiến hành nghiên cứu này là cần thiết.

Thu thập thông tin sơ cấp

Để có thể hiểu rõ hơn các vấn đề nghiên cứu, các kỹ thuật thu thập thông tin sơ cấp được sử dụng mang tính định tính, được thực hiện thông qua thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu. Là kỹ thuật thu thập thông tin sơ cấp, nhóm nghiên cứu sử dụng kỹ thuật thu thập thông tin dưới dạng hình ảnh với đặc điểm dễ hiểu, dễ thực hiện để khuyến khích và tối đa hóa sự tham gia của các thành viên tham gia nghiên cứu. Chẳng hạn, kỹ thuật vẽ “cây ước mơ”¹³ được sử dụng để phát triển kế hoạch hành động.

Tổng cộng, nhóm nghiên cứu tiến hành được 28 cuộc phỏng vấn sâu với phụ nữ bị bạo lực gia đình, và thực hiện được thảo luận nhóm với 80 phụ nữ ở cộng đồng và 72 đại diện của các cơ quan, ban ngành, các tổ chức đoàn thể và hiệp hội. Nội dung trao đổi trong các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được ghi lại và gỡ băng để phân tích sâu.

13 Cây mơ ước là kỹ thuật thu thập thông tin từ người tham gia về kế hoạch hành động của họ. Người tham gia tự phác họa nên kế hoạch hành động theo mô hình cây mơ ước với ba hợp phần chính là quả, thân và gốc. Quả là những kết quả hay sự thay đổi mà họ mong muốn có được, thân cây là những hành động mà họ cần thực hiện để đạt được các kết quả đó và gốc là những điều kiện để họ có thể thực hiện các hành động trên.

Phỏng vấn sâu

Nhóm nghiên cứu quốc gia đã xây dựng Hướng dẫn phỏng vấn sâu về câu chuyện cuộc đời và hướng dẫn thảo luận nhóm¹⁴ trên cơ sở vận dụng kết hợp các kỹ thuật của nghiên cứu hành động (PAR) và được chỉnh sửa theo các ý kiến tư vấn, góp ý của các chuyên gia của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Trung ương Hội phụ nữ Việt Nam, APWLD và UN Women.¹⁵ Tại mỗi xã được chọn nghiên cứu có 7 phỏng vấn sâu được thực hiện. Tiêu chí để lựa chọn đối tượng phỏng vấn là phụ nữ, từng bị bạo lực gia đình, bao gồm cả bạo lực về thể xác, bạo lực về tinh thần, bạo lực kinh tế và bạo lực tình dục. Nhóm nghiên cứu thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu đối với các trường hợp đã và chưa tìm kiếm sự giúp đỡ qua các hệ thống pháp lý (nhà nước, phi nhà nước và có tính nhà nước). Các đối tượng tham gia phỏng vấn sâu được lựa chọn trên cơ sở giới thiệu của hội trưởng hội phụ nữ xã, chi hội trưởng hội phụ nữ các thôn/ấp và ở Bến Tre là được đại diện câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình giới thiệu. Một số trong số họ là nạn nhân của BLGD đã từng tìm kiếm sự giúp đỡ từ các tổ chức này. Một số khác tự nguyện tham gia phỏng vấn sau khi tham gia buổi thảo luận nhóm phụ nữ cộng đồng. Khi lựa chọn người sẽ được phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã yêu cầu cán bộ nghiên cứu địa phương hỏi ý kiến nạn nhân về việc họ có muốn tham gia phỏng vấn hay không để đảm bảo việc lựa chọn đối tượng phỏng vấn được thực hiện trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo tính riêng tư. Hầu hết các nạn nhân được phỏng vấn vẫn đang phải sống với người gây bạo lực với mình.

Thảo luận nhóm tập trung

Thông tin cũng được thu thập thông qua thảo luận nhóm tập trung do các nghiên cứu viên địa phương thực hiện. Tại mỗi xã/phường tiến hành 2 thảo luận nhóm tập trung. Nhóm 1 là nhóm phụ nữ cộng đồng gồm 20 người. Các trường hợp được chọn là phụ nữ đã kết hôn, đa dạng về nghề nghiệp và bao gồm cả phụ nữ bị BLGD và phụ nữ không bị BLGD.¹⁶ Thảo luận nhóm phụ nữ cộng đồng tập trung vào các vấn đề như hiểu biết về BLGD và luật pháp về PC BLGD, quan niệm của cộng đồng về công lý, cơ chế và các quá trình nào được thực hiện để bảo đảm công lý cho phụ nữ bị BLGD, cung cấp kiến thức về quyền của phụ nữ và các cơ chế pháp lý chính thức bảo vệ phụ nữ khỏi BLGD, khuyến khích các thành viên tham gia xây dựng kế hoạch hành động để tăng cường công lý cho phụ nữ bị BLGD.

Nhóm 2 là nhóm cán bộ địa phương, bao gồm 18 thành viên đại diện của các ban, ngành cấp xã, như Tư pháp, Công an, Văn hóa Thông tin, Y tế và Dân số, và đại diện của các tổ chức chính trị xã hội, bao gồm Mặt trận Tổ quốc, hội Cựu chiến binh, hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, hội Nông dân, hội Người cao tuổi, và những người đứng đầu khu vực dân cư.¹⁷ Việc lựa chọn ưu tiên những người là thành viên của BCD phòng, chống BLGD. Nội dung thảo luận ở nhóm này tập trung vào quan điểm của địa phương về quyền của phụ nữ được bảo vệ khỏi BLGD, vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như là sự điều phối giữa các ban ngành.

14 See Appendix for the Guidelines.

15 Xem các bản Hướng dẫn phỏng vấn trong Phụ lục

16 Xem Hướng dẫn thảo luận nhóm phụ nữ cộng đồng trong Phụ lục.

17 Xem Hướng dẫn thảo luận nhóm cán bộ địa phương trong Phụ lục.

Cơ quan, tổ chức phối hợp trong quá trình nghiên cứu

Tại mỗi tỉnh, nhóm nghiên cứu liên hệ và phối hợp với UBND và Hội Phụ nữ (HPN) tỉnh để tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu. UBND tỉnh xem xét và thống nhất kế hoạch làm việc ở địa phương, yêu cầu và chỉ đạo HPN tỉnh và UBND xã phối hợp và hỗ trợ nhóm nghiên cứu. Phó Chủ tịch UBND phường/xã thông qua việc phân công trách nhiệm cho HPN xã là đơn vị tổ chức và hỗ trợ nhóm nghiên cứu. Lãnh đạo UBND yêu cầu và chỉ đạo các thành viên BCĐ tham gia các buổi làm việc theo chương trình của nhóm nghiên cứu. Ngoài ra, lãnh đạo UBND tỉnh bố trí hợp trong thời gian làm việc của nhóm tại địa phương, cung cấp báo cáo về tình hình phát triển KT-XH và báo cáo công tác phòng chống BLGD ở địa phương. Về nguyên tắc UBND tỉnh có vai trò quan trọng vì các hoạt động nghiên cứu tại cộng đồng cần phải thông báo và được sự chấp thuận của Ủy ban. Hơn nữa, sự cam kết UBND tỉnh với nghiên cứu này có ảnh hưởng tích cực tới cam kết và trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình triển khai hoạt động nghiên cứu.

Hội Phụ nữ cũng có vai trò rất quan trọng trong công tác phối hợp. HPN là tổ chức chính trị xã hội của phụ nữ. Tổ chức này tập hợp và thu hút sự tham gia của phụ nữ tại địa phương¹⁸ trong việc triển khai các chương trình, phong trào, hoạt động để thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ các quyền của phụ nữ và quyền được bảo vệ khỏi các hành vi bạo lực của phụ nữ. Với chức năng trên, HPN là tổ chức trực tiếp theo dõi nhóm đối tượng phụ nữ tại địa phương và hiểu rõ nhất các vấn đề giới tại địa phương. Ở nhiều địa phương, hội phụ nữ trực tiếp tham gia hỗ trợ nạn nhân BLGD thông qua các hoạt động tuyên truyền về bình đẳng giới hoặc là địa chỉ để phụ nữ nạn nhân BLGD tìm kiếm sự giúp đỡ. HPN tỉnh xem xét mục đích và yêu cầu của nhóm nghiên cứu, rà soát lại tình hình BLGD và hoạt động phòng chống BLGD của địa phương mình trên cơ sở đó tư vấn lựa chọn địa bàn nghiên cứu (phường/xã), cử 01 cán bộ nữ tham gia hỗ trợ nghiên cứu, trực tiếp liên hệ và hướng dẫn HPN cơ sở chuẩn bị để triển khai hoạt động nghiên cứu. Chủ tịch HPN phường/xã chọn cán bộ nghiên cứu địa phương, lên danh sách và mời các thành viên tham gia nghiên cứu theo yêu cầu của nhóm nghiên cứu; hỗ trợ công tác hậu cần trong các ngày làm việc; cử đại diện phụ trách công tác phòng chống BLGD tham gia các buổi làm việc. Trước khi tiến hành việc lựa chọn cán bộ nghiên cứu địa phương, trưởng nhóm nghiên cứu quốc gia đã liên lạc và trao đổi với Chủ tịch hội phụ nữ xã về vấn đề đảm bảo tính tự nguyện, riêng tư và an toàn cho những người tham gia nghiên cứu.

Những cân nhắc về đạo đức và an toàn trong quá trình nghiên cứu

Do tính chất nhạy cảm của chủ đề nghiên cứu nên các khuyến cáo về đạo đức và an toàn trong nghiên cứu này được tuân thủ trong suốt quá trình nghiên cứu. Toàn bộ nội dung ghi âm phỏng vấn, sổ ghi chép và các thông tin liên quan đến người được phỏng vấn đều được lưu giữ cẩn thận và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

18 Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới. Hội LHPN Việt Nam được thành lập năm 1930. Hội có chức năng như một tổ chức hành chính nhà nước đại diện cho phụ nữ ở tất cả các cấp. Hiện nay Hội có khoảng 15 triệu hội viên, đại diện cho hơn 50% dân số nữ từ 18 tuổi trở lên của đất nước. Hội LHPN có cơ cấu ra quyết định gồm nhiều cấp, đảm bảo hiệu quả ở tất cả các cấp, từ trung ương đến cấp tỉnh, huyện và xã. Truy cập <http://vnu.vn> để biết thêm chi tiết

Nhóm nghiên cứu thực hiện nghiên cứu cùng cán bộ nghiên cứu địa phương là nữ. Tuy nhiên, khi lần đầu triển khai nghiên cứu tại Bến Tre, do không ý thức đầy đủ về tính nhạy cảm của vấn đề nghiên cứu nên HPN xã đã lựa chọn sai nghiên cứu viên địa phương, đưa cán bộ nam vào tham gia nghiên cứu và nhóm nghiên cứu đã có điều chỉnh thay bằng cán bộ nghiên cứu nữ. Trước khi tiến hành nghiên cứu, nhóm tập huấn và thống nhất nguyên tắc bảo mật thông tin¹⁹ cho các nghiên cứu viên địa phương, và yêu cầu họ khẳng định lại các nguyên tắc này trước khi bắt đầu các buổi làm việc với phụ nữ và các bên liên quan trong cộng đồng. Để đảm bảo sự riêng tư và an toàn cho những người tham gia quá trình thảo luận nhóm hay phỏng vấn sâu, địa điểm thực hiện các buổi thảo luận nhóm là hội trường, và địa điểm phỏng vấn sâu được thực hiện tại các phòng riêng biệt tại trụ sở của UBND xã hoặc nhà riêng của cán bộ HPN. Không có ai đến gần hoặc làm gián đoạn các buổi làm việc. Nhóm nghiên cứu đã được tập huấn trước về kỹ năng nhận diện và xử lý tình huống trong trường hợp người tham gia phỏng vấn sâu bày tỏ cảm xúc quá mạnh mẽ.

Hội thảo thẩm định kết quả nghiên cứu

Một cuộc hội thảo thẩm định kết quả nghiên cứu đã được tiến hành tại Hà Nội ngày 5 tháng 6 năm 2014 nhằm thu thập ý kiến để xây dựng dự thảo báo cáo số 2. Hội thảo có sự tham dự của 41 đại biểu, bao gồm các thành viên của nhóm nghiên cứu, các đại biểu của UN Women, cùng với các thành viên đến từ các bộ ngành trung ương và địa phương có trách nhiệm xây dựng hoặc thực thi luật phòng chống BLDG. Các đại biểu cấp trung ương gồm đại diện của một số bộ như Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Các thành viên cấp tỉnh gồm các đại diện đến từ ba tỉnh thuộc địa bàn nghiên cứu (Bến Tre, Nghệ An, Bắc Kạn). Đại diện của hai tỉnh khác có một số điểm tương đồng với địa bàn nghiên cứu (Thừa Thiên Huế và Phú Thọ) cũng tham dự Hội thảo. Ngoài ra, Hội thảo cũng thu hút được đại biểu đến từ một số cơ quan nghiên cứu và tổ chức phi chính phủ.

Trong quá trình thảo luận tại Hội thảo, các thành viên tham dự đã nêu ra rất nhiều ý kiến đóng góp cho bản dự thảo báo cáo nghiên cứu. Tất cả các ý kiến này đã được nhóm nghiên cứu tiếp thu và cân nhắc chỉnh sửa trong báo cáo số 2.

2.4. Địa bàn nghiên cứu

2.4.1. Lựa chọn địa bàn nghiên cứu

Việc thu thập thông tin sơ cấp được triển khai ở 3 xã và một phường thuộc 3 tỉnh Bắc Kạn (miền Bắc), Nghệ An (miền Trung), và Bến Tre (miền Nam). Ba tỉnh này được lựa chọn vì đại diện cho ba miền Bắc – Trung – Nam của Việt Nam và đồng thời cho phép kết hợp đại diện của miền núi và đồng bằng, thành thị và nông thôn của Việt Nam. Bến Tre được báo cáo là tỉnh có số vụ BLDG cao, Bắc Kạn là địa bàn DTTS chưa có nhiều hoạt động can thiệp về phòng chống BLDG và địa bàn lựa chọn ở Nghệ An được coi là nơi có nhiều thành công trong hoạt động phòng chống BLDG những năm vừa qua.

19 Xem Phụ lục về Tiêu chuẩn và Hướng dẫn đối với người nghiên cứu của WHO (Chương 5)

Tại 3 tỉnh, xã Dương Phong (Bắc Kạn), phường Nghi Hòa (Nghệ An) và 2 xã Vĩnh Bình và An Khánh (Bến Tre) là các điểm được chọn tiến hành nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu lựa chọn các phường/xã này dựa trên số liệu về các trường hợp BLGD và các thông tin can thiệp khác do Hội Phụ nữ địa phương cung cấp. Các xã này được chọn dựa trên cơ sở tính đại diện về khu vực (nông thôn và đô thị), sự khác biệt về dân tộc (giữa cộng đồng dân tộc thiểu số và cộng đồng dân tộc kinh), tôn giáo (giữa thiên chúa giáo và lương), sự khác biệt giữa địa bàn đã triển khai hoạt động phòng chống BLGD và địa bàn chưa triển khai các chương trình phòng, chống BLGD.

2.4.2. Thông tin về địa bàn nghiên cứu

Bắc Kạn là tỉnh miền núi phía Bắc, nơi cư trú tập trung của các nhóm dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh và các dân tộc ít người khác. Địa bàn này là nơi tập trung nhiều xã thuộc diện nghèo hoặc vừa mới được thoát nghèo. Trình độ dân trí nhìn chung thấp và các giá trị văn hóa, tập tục truyền thống còn ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Hoạt động kinh tế chính của người dân là nông nghiệp và lâm nghiệp nên đất đai là tài sản có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các hộ gia đình.

Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông được chọn là địa bàn nghiên cứu. Dương Phong là xã giáp với thị xã Bắc Kạn (cách thị xã Bắc Kạn 20 km), bao gồm các nhóm dân tộc thiểu số (64% là người Tày; 22% là người Dao; 14% là người Kinh và các dân tộc khác) sống tập trung trên trục đường liên huyện nên có điều kiện phát triển kinh tế xã hội khá thuận lợi. Hiện tại xã đã thoát nghèo, với tỉ lệ hộ nghèo dưới 10%. Mặc dù so với các xã khác trên địa bàn, Dương Phong không phải là xã dân tộc thiểu số tiêu biểu, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, có lối sống theo tập tục cũ rất lạc hậu và đời sống kinh tế khó khăn nhưng Dương Phong được chọn nghiên cứu vì là một trong số ít xã dân tộc thiểu số được ghi nhận có vấn đề về BLGD và hiện chưa có chương trình dự án PC BLGD được triển khai trên địa bàn.

Nghệ An là tỉnh thuộc Bắc Trung bộ, tập trung nhiều dân tộc sinh sống, chủ yếu là người Kinh, sau là người Mường và Thái. So với Bắc Kạn, Nghệ An là địa bàn có sự phát triển kinh tế - xã hội cao hơn, song sự cách biệt giữa các địa phương trong tỉnh cũng lớn hơn. Trình độ dân trí và sự phát triển kinh tế, nhất là sự phát triển các ngành phi nông nghiệp, tại khu vực đô thị cao hơn đáng kể so với khu vực nông thôn. Tại Nghệ An, hai tôn giáo có ảnh hưởng chính đến người dân là Phật giáo và Công giáo.

Với mục tiêu tìm hiểu và so sánh sự tiếp cận công lý theo các kênh khác nhau của phụ nữ khu vực nông thôn với khu vực đô thị, việc lựa chọn địa bàn nghiên cứu tại Nghệ An lấy tiêu chí đô thị là ưu tiên. Phường Nghi Hòa thuộc thị xã Cửa Lò là địa bàn nằm gần cảng Cửa Hội, trên trục đường từ thành phố Vinh đi Cửa Hội với 1,3 km bờ biển. Nghi Hòa mang những nét khá đặc trưng cho khu vực đô thị miền Trung. Địa phương phát triển kinh tế theo hướng đa dạng ngành nghề, bao gồm sản xuất nông nghiệp kết hợp với các ngành dịch vụ du lịch, tiểu thủ công nghiệp, chế biến hải sản, cơ khí, vật liệu xây dựng. Dân cư Nghi Hòa sinh sống tập trung và có trình độ dân trí khá cao đạt tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông 90%. Khác với Dương Phong (Bắc Kạn), phường Nghi Hòa là một trong những địa bàn đã triển khai chương trình PC BLGD. Ban chỉ đạo PC BLGD được thành lập đến cấp phường với sự tham gia đa dạng của đại diện chính quyền, công an, tư pháp, đoàn thể chính trị xã hội và các tổ dân phố nhằm tuyên truyền cho người dân và hỗ trợ cho nạn nhân bị BLGD. Cùng với Dự án “Mô hình lồng ghép PC bạo lực giới dựa vào

cơ sở y tế cộng đồng”²⁰ do tổ chức Tư vấn đầu tư y tế (CIHP) hỗ trợ kỹ thuật với tài trợ từ Ford Foundation từ tháng 5/2006 đến 6/2012²¹, công tác PC BLGD tại địa bàn được đẩy mạnh thông qua nhiều hoạt động của nhóm phụ nữ tự lực, nhóm nam giới có trách nhiệm, tổ hoà giải, câu lạc bộ tư vấn. Đến nay, phường Nghi Hòa được đánh giá là một trong những địa bàn mà công tác PC BLGD thành công nhất tại Cửa Lò.

Bến Tre là tỉnh nằm ở khu vực Nam bộ, là địa điểm cư trú của nhiều tộc người, đông nhất là dân tộc Kinh, sau là Khmer, Hoa và Chăm. Khác với Bắc Kạn và Nghệ An, do có sự dịch chuyển mạnh mẽ dân cư từ các vùng đất khác đến nên Bến Tre có sự đa dạng hơn về tôn giáo, song 3 tôn giáo có ảnh hưởng lớn nhất là đạo Phật, Thiên Chúa và Cao Đài. Đạo Cao Đài là một tín ngưỡng đạo thần được hình thành ở miền Nam Việt Nam vào năm 1926. Đặc tính của đạo là cầu nguyện, sùng kính tổ tiên, không bạo lực và ăn chay.

Tuy nhiên, tỉnh Bến Tre là tỉnh có số vụ BLGD cao nên tỉnh nhận được khá nhiều sự quan tâm và hỗ trợ cho công tác PC BLGD so với hai tỉnh được lựa chọn nghiên cứu. Giống như phường Nghi Hòa (Nghệ An), các phường/xã của Bến Tre đã sớm thành lập BCD PC BLGD để tập hợp các ban ngành cùng tham gia. Hoạt động PC BLGD tại nhiều phường/xã của Bến Tre được đẩy mạnh thông qua hỗ trợ của các dự án về PC BLGD, chẳng hạn Dự án của Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2008-2010, Dự án “Bánh mì cho thế giới” hỗ trợ giai đoạn 2010-2012, Dự án của UNFPA hỗ trợ giai đoạn 2013-2016. Vì thế, hoạt động PC BLGD dưới hình thức sinh hoạt của các câu lạc bộ tại các ấp, các Ban hòa giải, Ban Tuyên truyền phổ biến pháp luật được nhân rộng. Hai xã được chọn là xã An Khánh, huyện Châu Thành và xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách là đại diện cho các địa phương được hưởng lợi từ dự án phòng chống và ứng phó BLGD, mà Vĩnh Bình là nơi tập trung đông dân cư Công giáo.

Nhìn chung, so sánh giữa các địa bàn được chọn nghiên cứu thì xã miền núi Dương Phong là xã tương đối nghèo, chủ yếu là người dân tộc thiểu số sống bằng nông nghiệp. Các trường hợp BLGD được báo cáo ít với một con số khiêm tốn là 4 ca và hầu như chưa có hoạt động PC BLGD nào được triển khai tại đây. An Khánh và Vĩnh Bình (Bến Tre) là xã nông nghiệp, chỉ có rất ít dân tộc thiểu số và phần đông dân cư ở đây theo Thiên chúa giáo. Tại hai xã các hoạt động phòng chống BLGD đang được triển khai. Nghi Hòa (Nghệ An) - địa bàn duy nhất được lựa chọn nghiên cứu là đô thị. Nghi Hòa khác so với các địa bàn nghiên cứu còn lại là người dân có trình độ dân trí khá cao, điều kiện kinh tế tốt hơn, không phụ thuộc vào nông nghiệp. Vì thế, phụ nữ có nhiều cơ hội kiếm thêm thu nhập và ít bị phụ thuộc kinh tế vào chồng và gia đình chồng. Tuy vậy, BLGD ở Nghi Hòa khá phổ biến, giống như các địa bàn nghiên cứu kia công tác PC BLGD được quan tâm và có nhiều hoạt động PC BLGD được triển khai.

2.4.3 Thông tin chung về tình hình phòng, chống BLGD tại các địa bàn được nghiên cứu

Tình hình công tác PC BLGD giữa các địa bàn nghiên cứu có sự khác nhau. Nếu như ở các xã thuộc khu vực thành thị (Nghi Hòa), hay đồng bằng (An Khánh) đã triển khai một số hoạt động cụ thể về PC BLGD thì ở khu vực miền núi (Dương Phong) gần như có rất ít các can thiệp. An Khánh và Vĩnh Bình (Bến Tre) và Nghi Hòa (Nghệ An) là các địa bàn đã có các dự án PC BLGD

20 <http://ccihp.org/index.php/project/31/33/356/Gioi-thieu-du-an-GBV---Giai-doan-2-&>

21 Thông tin chi tiết của dự án có thể tìm: <http://ccihp.org/index.php/project/31/33/356/Gioi-thieu-du-an-GBV---Giai-doan-2-&> and http://www.cihp.vn/Desktop.aspx/News-Events/Workshops/A_project_on_An_integrated_model_for_responding_to_Gender-based_Violence_in_Clinic_and_Community_Settings.

triển khai nên tại đây bộ máy tổ chức PC BLGD khá toàn diện. Ban chỉ đạo (BCĐ) PC BLGD thành lập từ cấp tỉnh, huyện cho xuống cấp xã/phường. Hoạt động PC BLGD có sự tham gia tích cực của tất cả các ban, ngành có liên quan dưới sự lãnh đạo thống nhất của UBND ở các cấp tương đương. Ban này gồm Phó Chủ tịch UBND, đại diện của các ban, ngành liên quan là y tế, công an, tư pháp, dân số, văn hóa và giáo dục, và đại diện của các tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận tổ quốc, Hội LHPN, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh. Nhờ các hoạt động này mà công tác PC BLGD ở các xã này đã đạt được một số kết quả nhất định. Ở Dương Phong (Bắc Kạn) vẫn chưa thành lập BCĐ PC BLGD nên cần có sự phối hợp đa ngành nhằm thống nhất các hoạt động can thiệp.

Ở cấp cộng đồng, công tác PC BLGD được triển khai với sự tham gia của tổ trưởng dân phố/trưởng thôn/trưởng cụm, công an, chi hội phụ nữ, và đại diện đoàn thể xã hội tại thôn. Tuy không có thẩm quyền xử lý các hành vi BLGD, nhưng về cơ cấu tổ chức thì bộ máy này gần giống như bộ máy hành chính thu nhỏ. Ngoài ra, còn có Ban hòa giải cấp phường/xã và các Tổ hòa giải ở cộng đồng. Theo quy định, công tác hòa giải được thực hiện dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thực hiện “hướng dẫn, hỗ trợ và thuyết phục” để giải quyết các tranh chấp, xung đột tại cơ sở.

2.5. Một số hạn chế của nghiên cứu

Do thiếu số liệu về tình hình tiếp cận công lý của phụ nữ liên quan đến các vụ bạo lực gia đình ở Việt Nam, việc phân tích sâu dữ liệu thứ cấp là một công việc đầy thách thức. Ngoài ra, việc khai thác và phân tích các tài liệu tuyên truyền và báo cáo địa phương về tình hình BLGD và công tác PC BLGD nhằm đánh giá vấn đề nghiên cứu chính xác hơn bị hạn chế do tại một số địa bàn các báo cáo này không đầy đủ, có nhiều sai sót hay sự thiếu thống nhất giữa các nội dung báo cáo.

Việc tiến hành nghiên cứu thực địa cho phép tìm hiểu và so sánh sự khác biệt giữa các nhóm dân tộc thiểu số với nhóm dân tộc Kinh, giữa thành thị và nông thôn, giữa địa bàn đã triển khai chương trình phòng chống BLGD với địa bàn chưa triển khai. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và nguồn lực cũng như sự đa dạng về nhóm dân tộc ở Việt Nam nên sự đa dạng này chưa được thể hiện một cách toàn diện và do đó, kết quả so sánh còn hạn chế. Chẳng hạn, sự đa dạng về nhóm dân tộc giữa các vùng miền là khá lớn nên việc lựa chọn xã miền núi Dương Phong (Bắc Kạn) chưa thực sự tiêu biểu cho các địa bàn dân tộc thiểu số. Mặt khác, phường Nghi Hòa (Nghệ An) là địa bàn thành thị nhưng không đại diện cho đô thị lớn, hiện đại ở Việt Nam.

Do có rất ít trường hợp BLGD được đưa ra tòa, các nghiên cứu viên không thể phỏng vấn trường hợp BLGD nào từng được tiến hành các thủ tục pháp lý tại tòa.

3. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH

3.1. Khuôn khổ quốc tế

3.1.1 Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người đối với BLGD

Công ước về Xóa bỏ Mọi hình thức Phân biệt đối xử với Phụ nữ (gọi tắt là CEDAW) là một trong những công ước quốc tế được phê chuẩn rộng rãi nhất trong lĩnh vực quyền con người. Công ước CEDAW yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp nhằm xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ trong việc thụ hưởng các quyền con người cơ bản, bao gồm các quyền được quy định trong các công ước quốc tế khác về quyền con người. Việt Nam phê chuẩn Công ước CEDAW ngày 17 tháng 2 năm 1982.

Theo Công ước CEDAW, bạo lực đối với phụ nữ, trong đó BLGD được ghi nhận là hình thức phổ biến nhất, được hiểu là “một hình thức phân biệt đối xử đã cản trở nghiêm trọng hạn chế khả năng của phụ nữ trong việc thụ hưởng các quyền và tự do trên cơ sở bình đẳng với nam giới”.²² Vì thế, bạo lực đối với phụ nữ là sự phân biệt đối xử và nó thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với nhân cách và phẩm giá của phụ nữ (Freeman, Chinkin và Rudolf 2012). Khái niệm phân biệt đối xử theo Công ước CEDAW không chỉ giới hạn ở hành động của nhà nước mà còn bao gồm bạo lực đối với phụ nữ do các tác nhân phi nhà nước gây ra. Điều này có nghĩa là các quốc gia thành viên có nghĩa vụ bảo đảm quyền cho phụ nữ không bị bạo lực và không lo sợ bạo lực. Việc thay đổi quan niệm từ chỗ coi BLGD là “tự nhiên” hoặc “không tránh khỏi” sang quan niệm coi đó là thất bại của quốc gia thành viên trong việc thực thi nghĩa vụ của mình, thừa nhận nạn nhân bạo lực là người có quyền chứ không phải là chủ thể bị bạo lực, những người thường bị chỉ trích là nguyên nhân gây bạo lực.

Quan điểm tăng quyền năng – thông qua các biện pháp can thiệp từ giáo dục, đào tạo kỹ năng, kiến thức pháp luật, tiếp cận với các nguồn lực sản xuất, và các khía cạnh khác – nhằm nâng cao khả năng tự nhận thức, tự trọng, tự tin và tự chủ của phụ nữ. Điều này sẽ giúp phụ nữ hiểu rằng bị phụ thuộc và bạo lực không phải là số phận; giúp họ chống lại sự đè nén trong tâm; phát triển năng lực như những người tự chủ; và kiên trì yêu cầu được tham gia trong lĩnh vực công và tư. – Yakin Erturk, nguyên đặc phái viên của LHQ về bạo lực đối với phụ nữ.

22 Khuyến nghị chung số 19 của CEDAW, đoạn 1

Khuyến nghị chung số 19 của Ủy ban Công ước chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (sau đây gọi là Ủy ban CEDAW) giải thích một cách toàn diện về Công ước nhằm giải quyết bạo lực đối với phụ nữ. Khuyến nghị chung nêu rõ “việc thực hiện đầy đủ Công ước CEDAW đòi hỏi các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp tích cực để xoá bỏ tất cả các hình thức bạo lực với phụ nữ”; vì thế, Công ước CEDAW đặt vấn đề trong phạm vi lĩnh vực quyền con người. Ủy ban CEDAW cũng yêu cầu các quốc gia thành viên “xác định bản chất và phạm vi của các quan niệm, phong tục tập quán kéo dài tình trạng bạo lực với phụ nữ” và về mọi hình thức bạo lực. Định nghĩa bạo lực với phụ nữ mà Khuyến nghị chung số 19 đưa ra chỉ ra rằng hình thức bạo lực này xuất phát từ động cơ khẳng định bản lĩnh đàn ông, nhằm thực hiện vai trò giới đã được xã hội gán cho, và nhằm trừng phạt cái được cho là hành vi sai lầm. Theo đó, trừng phạt hay nhục hình về thể xác là vấn đề cần được đặc biệt quan tâm vì hình thức bạo lực này thường được hợp pháp hóa bởi sự chấp nhận của xã hội, dẫn đến sự im lặng khi nó xảy ra, và dẫn đến việc tội ác không bị trừng phạt và không được báo cáo đầy đủ do lo sợ bị trả thù.²³ Các quy phạm xã hội hoặc khuôn mẫu văn hóa mang đầy định kiến giới cản trở việc xoá bỏ BLGD và có thể hạn chế hiệu quả của các biện pháp can thiệp. Do đó, các quốc gia thành viên cần áp dụng “mọi biện pháp phù hợp” để “điều chỉnh khuôn mẫu hành xử về mặt xã hội và văn hóa của nam giới và phụ nữ” nhằm xoá bỏ khuôn mẫu giới có hại, phù hợp với Điều 5 của Công ước CEDAW.

3.1.2 Tiếp cận công lý của phụ nữ theo pháp luật quốc tế

Cơ sở pháp lý cho tiếp cận công lý của phụ nữ được quy định tại Điều 2 (b) và (c) và Điều 15 của Công ước CEDAW, đặc biệt là các điều khoản trong các điều ước quốc tế khác về quyền con người. Ủy ban CEDAW giải thích Điều 2 (b) và (c) là cơ sở của nghĩa vụ của Nhà nước đảm bảo có đủ các biện pháp đền bù cho phụ nữ bị phân biệt đối xử.²⁴ Nói cách khác, Ủy ban kêu gọi sự bảo hộ pháp lý hiệu quả để phụ nữ được thụ hưởng các quyền này trên cơ sở bình đẳng với nam giới. Đây là “một nghĩa vụ nghiêm ngặt về kết quả, nghĩa là luôn phải có biện pháp đền bù mang tính thực tế và dễ tiếp cận”²⁵. Ngoài ra, Công ước CEDAW còn đòi hỏi các quốc gia thành viên cải cách hệ thống pháp luật của nước mình thông qua việc xoá bỏ các khuôn mẫu giới cố hữu và sự phân biệt đối xử đã được thể chế hóa trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật được quy định trong Điều 15 của Công ước. Việc này bao gồm áp dụng các biện pháp để giải quyết tình trạng bất bình đẳng của phụ nữ trong việc tiếp cận mọi cơ quan ra quyết định, bao gồm các cơ quan thuộc hệ thống pháp lý nhà nước và có tính nhà nước. Cụ thể, “thực hiện bình đẳng thực chất trong bối cảnh ý nghĩa của Điều 15 bao gồm việc phụ nữ phải được tiếp cận kiến thức và sự trợ giúp pháp lý để đòi hỏi quyền lợi của mình”.²⁶

3.1.3 Nghĩa vụ của quốc gia thành viên

Theo Công ước CEDAW và các điều ước quốc tế khác, quốc gia thành viên có nghĩa vụ nỗ lực cao nhất để ngăn ngừa các hành vi bạo lực đối với phụ nữ, điều tra các hành vi đó, truy tố, trừng phạt người gây bạo lực, và thực hiện đền bù, kể cả bồi thường. Nỗ lực của quốc gia trong việc

23 Xem các Nhận xét Kết luận của CEDAW/CEDAW/C/UK/CO/6; CEDAW/C/ECU/CO/7; CEDAW/C/MDG/CO/5.

24 Khuyến nghị chung số 28 của CEDAW, đoạn 32.

25 Đề án “Tiếp cận công lý” được UB CEDAW thông qua tại kỳ họp thứ 53 của phiên thảo luận chung.

26 Khuyến nghị chung số 28 của CEDAW, đoạn 32.

tuân thủ nghĩa vụ là phải kịp thời giải quyết nguyên nhân mang tính cấu trúc dẫn đến BLGD. Năm 2011, đặc phái viên LHQ về chống bạo lực đối với phụ nữ đã chỉ ra mối tương quan rõ ràng giữa tỷ lệ phổ biến của bạo lực với các biện pháp hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong công tác ứng phó bạo lực. Do đó, nỗ lực của các quốc gia trong việc điều tra, truy tố và trừng phạt các hành vi BLGD, bảo vệ nạn nhân BLGD và cung cấp đền bù cần hướng tới mục tiêu ngăn ngừa tình trạng tái nạn nhân hóa và phòng chống các hành vi BLGD trong tương lai bằng cách giải quyết sự phân biệt đối xử mang tính cấu trúc và đảm bảo tăng quyền năng cho phụ nữ.²⁷

Ủy ban CEDAW đã đưa ra các khuyến nghị cụ thể cho Việt Nam.²⁸ Trong Nhận xét kết luận gần đây nhất năm 2007, Ủy ban đề nghị Chính phủ áp dụng các biện pháp trước mắt để bảo vệ và đền bù cho phụ nữ, đồng thời trừng phạt và truy tố người gây bạo lực, tiến hành nghiên cứu về mức độ phổ biến, nguyên nhân và hệ quả của tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ, trong đó có BLGD, làm cơ sở cho các biện pháp can thiệp toàn diện và có mục đích. Ngoài ra, Ủy ban đã nhiều lần khuyến nghị chính phủ tiếp tục và tăng cường thực hiện các biện pháp giáo dục và nâng cao nhận thức cho công chức thực thi pháp luật, cán bộ tư pháp, cán bộ y tế, nhân viên xã hội, các nhà lãnh đạo cộng đồng và công chúng nói chung, để đảm bảo rằng họ hiểu rõ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái là không thể chấp nhận được. Ủy ban cũng khuyến nghị xây dựng đủ cơ sở hỗ trợ khủng hoảng, bao gồm nhà tạm lánh cho nạn nhân bạo lực ở cả khu vực thành thị và nông thôn. Thực hiện các yêu cầu này, Việt Nam đã tiến hành các biện pháp nhằm nội luật hóa các quy định của Công ước. Vấn đề này sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần tiếp theo.

3.2. Khuôn khổ quốc gia

3.2.1 Khuôn khổ chính sách và pháp luật về bình đẳng giới

Sau hơn ba thập kỷ phê chuẩn CEDAW, Việt Nam đã dần từng bước xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Hầu hết các văn bản pháp luật mới được soạn thảo thể hiện nỗ lực của Việt Nam tuân thủ với những nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với phụ nữ, bình đẳng thực chất và về nghĩa vụ quốc gia.

Hiến pháp năm 2013

Điều 26 của Hiến pháp năm 2013 nghiêm cấm phân biệt đối xử trên cơ sở giới và bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực. Điều 16 quy định quyền bình đẳng trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Luật Bình đẳng giới năm 2006

Luật Bình đẳng giới, được Quốc hội thông qua năm 2006 được coi là bước ngoặt lớn trong sự nghiệp đấu tranh vì bình đẳng giới ở Việt Nam. Theo Luật Bình đẳng giới, cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở Việt Nam lần đầu tiên được thành lập. Hơn nữa, lồng ghép vấn đề bình

27 Phát biểu của Bà Rashida Manjoo, Đặc phái viên về vấn đề bạo lực với phụ nữ, nguyên nhân và hậu quả, tại kỳ họp thứ 66 của Đại hội đồng LHQ, Văn bản số 28 của Ủy ban 3, ngày 10/10/2011.

28 CEDAW/C/VNM/CO/6, đoạn 17.

đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật và yêu cầu các cơ quan chức năng xây dựng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới đã trở thành quy định bắt buộc. Luật Bình đẳng giới được coi là hành động tích cực nhằm bảo đảm các quy định và chuẩn mực của các hiệp ước quốc tế về quyền con người, đặc biệt là các định và chuẩn mực của Công ước CEDAW.

Chương III của Luật Bình đẳng giới quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, nhằm tạo cơ hội phát triển cho cả nam và nữ, bao gồm: Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới được thể hiện trong các nội dung sửa đổi của các văn bản quy phạm pháp luật, Khoản 6 Điều 5 Luật Bình đẳng giới quy định: “Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, trong khi việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi đạt được mục đích bình đẳng giới”. Đây được coi là quy định thể hiện tinh thần “nội luật hóa” điều 4 Công ước CEDAW trong pháp luật Việt Nam.

Về vai trò giới theo khuôn mẫu và định kiến giới trong xã hội, Điều 7 nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình, và xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu. Khoản 6 Điều 40 quy định cụ thể việc “Truyền bá tư tưởng, tự mình thực hiện hoặc xúi giục người khác thực hiện phong tục tập quán lạc hậu mang tính phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức” là vi phạm Luật.

Trách nhiệm của các bộ, cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác trong việc thúc đẩy bình đẳng giới cũng được quy định trong Luật. Cụ thể, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội được xác định là cơ quan chịu trách nhiệm chung về thực hiện bình đẳng giới.²⁹

Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020

Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 đặt mục tiêu thực hiện bình đẳng thực chất. Cụ thể, Chiến lược kêu gọi giảm định kiến giới trong thông tin văn hóa và đại chúng, đảm bảo bình đẳng giới trong đời sống gia đình và từng bước loại bỏ bạo lực trên cơ sở giới. Chiến lược cũng phân công nhiệm vụ cho các cơ quan quản lý nhà nước dưới sự chủ trì của Bộ LĐ, TB & XH.

3.2.2 Khuôn khổ chính sách và pháp lý về bạo lực gia đình

Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình năm 2007

Cùng với Luật bình đẳng giới, sự ra đời của Luật PC BLGD (tháng 11/2007) ghi dấu mốc đặc biệt quan trọng, lần đầu tiên trong lịch sử pháp lý của Việt Nam có một văn bản pháp luật chuyên về PC BLGD. Trên phạm vi toàn cầu, có thể thấy rằng ở đâu có luật về phòng chống BLGD, ở đó có tỷ lệ thấp về số người cho rằng bạo lực đối với phụ nữ là hợp lý (UN Women 2011). Mặc dù các quy định pháp luật quốc gia trước đó đã đề cập đến các biện pháp bảo vệ gia đình và phòng

29 Nghị định số 186/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/12/2007, và Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 4/6/2008

ngừa BLGD. Nhưng các biện pháp đưa ra còn chung chung, chưa có những quy định trực tiếp và riêng biệt về vấn đề bạo lực trong phạm vi gia đình. Luật PC BLGD xác định cụ thể, chi tiết về các hành vi được xem là bạo lực gia đình, bao gồm bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế (Điều 2), khẳng định BLGD là hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8), nêu rõ quyền và nghĩa vụ của nạn nhân BLGD (Điều 5); đưa ra những quy định trực tiếp và riêng biệt về các biện pháp phòng ngừa, can thiệp và xử lý khi có BLGD (Chương II và III) và nhấn mạnh toàn thể xã hội có trách nhiệm cùng phối hợp PC BLGD và bảo đảm công lý cho nạn nhân bị BLGD (Chương IV). Tiếp theo sự ra đời của Luật PC BLGD, Chính phủ đã ban hành các nghị định, thông tư, chiến lược và kế hoạch hành động để hướng dẫn thực hiện luật.³⁰

Hộp 1: Các hành vi bạo lực gia đình (Điều 2)³¹

- a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- b) Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
- d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- đ) Cưỡng ép quan hệ tình dục;
- e) Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
- g) Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
- h) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;
- i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Điểm quan trọng là Luật thừa nhận việc tiếp cận các dịch vụ trợ giúp là một quyền. Điều 5 của Luật quy định nạn nhân BLGD có quyền tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ như dịch vụ tư vấn pháp lý, tâm lý, y tế, tìm nhà tạm lánh và các dịch vụ thiết yếu khác. Luật cũng quy định biện pháp cấm tiếp xúc (Điều 20). Đối với can thiệp khẩn cấp, cơ quan công an, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư có trách nhiệm kịp thời bảo vệ nạn nhân BLGD (Điều 18). Luật cũng giao trách nhiệm cho Chính phủ khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, và kêu gọi cá nhân, tổ chức thông báo về việc nhận làm địa chỉ tin cậy ở cấp cộng đồng để cung cấp dịch vụ hỗ trợ và nơi tạm lánh cho nạn nhân BLGD (Điều 29 và 30).

30 Danh mục các văn bản luật được liệt kê tại Bảng 1, phần Phụ lục.

31 Điều 2, Luật Phòng chống Bạo lực gia đình

Hộp 2: Quy định về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân BLGD³²

a) Quyền và nghĩa vụ chung

- Quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác; Quyền yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ cấm tiếp xúc; Có quyền được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý và pháp luật; Quyền được bố trí nơi tạm lánh, bí mật nơi tạm lánh và các thông tin khác; Quyền được các quyền khác theo quy định của pháp luật (Điều 5);

b) Quyền được hỗ trợ và bảo vệ của nạn nhân BLGD khi BLGD xảy ra

- Được gia đình và dòng họ, cơ quan tổ chức, tổ hòa giải ở cơ sở do UBND phối hợp MTTQ và các tổ chức thành viên hỗ trợ hòa giải (Điều 13,14 và 15);
- Được tư vấn, góp ý: 1) Người đứng đầu cộng đồng dân cư tổ chức việc góp ý, phê bình người có hành vi BLGD trong cộng đồng dân cư (Điều 17); 2) Được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở tư vấn, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình tư vấn (Điều 24)
- Được quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tố tụng hình sự (Điều 19)
- Được quyền yêu cầu áp dụng lệnh cấm tiếp xúc của UBND xã hoặc tòa án trong trường hợp bị thương tổn hoặc bị đe dọa sức khỏe và yêu cầu hủy bỏ lệnh khi nạn nhân thấy không còn cần thiết (Điều 20).
- Được cấp cứu nếu cần thiết và thực hiện chăm sóc nạn nhân tại cơ sở y tế (Điều 19,23)
- Được hỗ trợ các nhu cầu khẩn thiết và nơi tạm lánh (Điều 25)

Tuy nhiên, dường như Luật PC BLGD nhấn mạnh biện pháp hòa giải. Điều này có thể làm phân tán sự tập trung đối với việc thừa nhận BLGD là sự vi phạm quyền con người. Trên thực tế, việc áp dụng biện pháp hòa giải đối với hành vi BLGD không được khuyến khích theo tiêu chuẩn quốc tế. Vấn đề ở chỗ “phụ nữ tìm kiếm sự đền bù thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp khác như hòa giải có nguy cơ bị phân biệt đối xử lớn hơn do sự bất cân bằng quyền lực và thiếu sự bảo hộ pháp lý, đặc biệt là trong các trường hợp BLGD phụ nữ thường không được đền bù khi sử dụng các kênh hòa giải”³³. Mục đích của hòa giải bao gồm ngăn ngừa tội phạm nảy sinh từ mâu thuẫn và do đó hòa giải thành công sẽ chấm dứt hành vi bạo lực. Tuy nhiên, theo một nghiên cứu đã được tiến hành ở Việt Nam, 77% số vụ hòa giải không mang lại kết quả mong muốn và bạo lực vẫn tiếp diễn (UNODC 2011).

32 Luật Phòng chống bạo lực gia đình, 2007

34 Giải thích khái niệm “Tiếp cận công lý” của Ủy ban CEDAW được đưa ra thảo luận chung tại kỳ họp lần thứ 53 của Ủy ban..

Luật quy định các nguyên tắc của hòa giải, trong đó có tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên (Điều 12). Theo đó, nếu nạn nhân không được tự do bày tỏ nguyện vọng do áp lực hoặc bị đe dọa bởi người gây bạo lực thì không tiến hành hòa giải. Luật cũng quy định không hòa giải trong trường hợp vụ việc thuộc tội phạm hình sự hoặc vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính. Nói cách khác, luật quy định không tiến hành hòa giải, không dàn xếp trong trường hợp bạo lực nghiêm trọng hoặc kéo dài. Tuy nhiên, chỉ khi có yêu cầu của nạn nhân thì vụ việc mới được thụ lý. Nếu vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính thì các thiết chế, tổ chức hoặc tổ hòa giải ở cơ sở không tiến hành hòa giải.

Luật Hòa giải cơ sở năm 2013

Trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo điều kiện và hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở được quy định trong Luật Hòa giải Cơ sở, được thông qua năm 2013. Luật nhấn mạnh nguyên tắc tự nguyện đã được nêu trong Luật PC BLGD. Luật quy định mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ (Điều 12), và bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở (Điều 4). Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng tổ hòa giải và số lượng hòa giải viên trong mỗi tổ trên cơ sở đặc điểm, tình hình kinh tế-xã hội và dân số của địa phương và theo đề nghị của ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp được chú trọng như là một phần của quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; phối hợp kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở. Phù hợp với Luật PC BLGD, Luật Hòa giải cơ sở quy định không tiến hành hòa giải ở cơ sở trong cả 2 trường hợp tội phạm hình sự hoặc vi phạm bị xử lý hành chính (Điều 3).

Luật Xử lý vi phạm Hành chính 2012

Các hành vi bạo lực gây thương tích dưới 11% thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật xử lý vi phạm hành chính. Các hình thức xử phạt bao gồm cảnh cáo, phạt tiền, xin lỗi công khai và các biện pháp hành chính khác. Các vi phạm được cơ quan công an điều tra và Tòa án xét xử, trong khi hình thức xử phạt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định (UNODC và UN Women, 2013).

Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi năm 2009)

Bộ luật hình sự không có điều khoản cụ thể về BLGD, song hành vi BLGD có thể bị điều tra như là tội cố ý gây thương tích theo Điều 104. Để một hành vi bị điều tra như là tội hình sự theo quy định này thì tỷ lệ thương tật của nạn nhân phải trên 11%, theo xác nhận của cán bộ y tế. Khi chạm tới ngưỡng này, hành vi bạo lực gia đình có thể bị cơ quan công an và cơ quan điều tra hình sự tiến hành điều tra, bị viện kiểm sát truy tố và tòa án xét xử. Kết quả là người gây bạo lực có thể bị phạt tù. Ngoài bạo lực thể xác, các hình thức BLGD khác cũng có thể bị điều tra hình sự. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự hiện hành không xác định rõ các trường hợp mà hành vi BLGD bị điều tra hình sự. Tuy Điều 130 hình sự hóa tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ, nhưng quy định của Điều này quá rộng và không có hoặc quá ít thông tin về việc quy định này sẽ được triển khai như thế nào.

Bộ luật Dân sự 2005

Hành vi BLGD cũng có thể bị xử lý theo Bộ luật Dân sự. Điều 307 quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần. Ngoài ra, Điều 604 quy định người nào do lỗi cố ý hoặc

lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Luật tục và hương ước

Tại một số làng, bản thuộc vùng xa xôi hẻo lánh của đất nước, người dân vẫn lựa chọn tuân theo luật tục và hương ước. Trong khi luật tục phản ánh các quy tắc hành xử mang tính chất tự nguyện về những hành vi được chấp nhận và được mong đợi ở cộng đồng, thì hương ước chịu tác động nhiều hơn bởi các quy định, điều luật của nhà nước. Hương ước là văn bản quy phạm xã hội, quy định các quy tắc xử sự chung do cộng đồng dân cư cùng thoả thuận đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật. Theo Thông tư liên tịch về Hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước (Số 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTU'MTTQVN)³⁴, nội dung của hương ước được quy định phải bảo đảm phù hợp với pháp luật của nhà nước, thuần phong, mỹ tục của làng, bản và được chính quyền xã thông qua. Do đó, mặc dù là văn bản quy phạm xã hội nhưng hương ước cũng cần tuân thủ các quy phạm pháp luật của Nhà nước và do đó nó trở thành bộ phận của hệ thống pháp lý có tính nhà nước, góp phần vào việc duy trì thượng tôn pháp luật.

Trong những năm qua, chính quyền các tỉnh đã đưa ra hướng dẫn về việc lồng ghép các nguyên tắc phòng chống BLDĐ vào hương ước. Ở nhiều địa phương, các yếu tố về phòng chống bạo lực gia đình đã được gắn với một số điều cụ thể trong hương ước. Chẳng hạn, trong các điều về “xây dựng gia đình văn hóa” của hương ước thường có một số khoản quy định về cách ứng xử với hành vi BLDĐ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng nội dung của các khoản này thường khuyến khích việc hòa giải mâu thuẫn trong nội bộ gia đình chứ không phải là báo cáo vụ lên các cơ quan tư pháp.

Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020

Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 đề ra Mục tiêu 6 về tăng cường quy định về tư vấn pháp lý và sức khỏe, hỗ trợ và chăm sóc nạn nhân BLDĐ. Đồng thời, tăng cường quy định về tư vấn cho người gây bạo lực.

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 cũng đặt BLDĐ là vấn đề quan trọng cần được phổ biến rộng rãi và giải quyết tại Mục tiêu 1³⁵. Chiến lược hướng đến thực hiện các chỉ tiêu cụ thể sau đây:

- **Chỉ tiêu 1:** Đến năm 2015 đạt ít nhất 90% và đến năm 2020 đạt ít nhất 95% số những người trẻ tuổi được phổ biến, tuyên truyền và cam kết thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống BLDĐ, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình.

34 Thông tư 03/2000/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTU'MTTQVN:

Nguồn: http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=8316

35 Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống BLDĐ, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình

- **Chỉ tiêu 2:** Đến năm 2015 đạt 90% và đến năm 2020 đạt 95% số nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được trang bị kiến thức cơ bản về gia đình, phòng, chống BLGD.
- **Chỉ tiêu 3:** Hằng năm, trung bình giảm từ 10 - 15% số hộ gia đình có BLGD

Chương trình hành động Quốc gia về PC LBGD

Chương trình hành động Quốc gia về PC LBGD được xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 2 năm 2014. Với những mục tiêu, hành động và giải pháp chính cũng như kế hoạch thực hiện và phân bổ ngân sách, đây là hành động thiết thực của Chính phủ trong PCBLGD và bảo vệ phụ nữ là nạn nhân của BLGD ở Việt Nam. Các biện pháp chính bao gồm việc sửa đổi các chính sách và văn bản pháp luật, chương trình liên quan nhằm và hiểu biết nâng cao nhận thức của người dân về BLGD, các dịch vụ hỗ trợ các nạn nhân BLGD, các biện pháp can thiệp trừng phạt đối với người vi phạm.

3.3. Các cơ quan thực thi pháp luật và mạng lưới hỗ trợ

Ở Việt Nam, các cơ quan thực thi pháp luật có thể chia làm theo các nhóm: nhóm thuộc hệ thống pháp lý nhà nước, nhóm thuộc hệ thống pháp lý có tính nhà nước và nhóm thuộc hệ thống pháp lý phi nhà nước. Về nguyên tắc, vai trò và trách nhiệm của các cơ quan thực thi pháp luật thuộc hệ thống pháp lý nhà nước được quy định trong luật. Các cơ quan thuộc hệ thống pháp lý có tính nhà nước có vai trò hỗ trợ cho hệ thống pháp lý nhà nước. Các thành phần của hệ thống pháp lý phi nhà nước bao gồm những người có quyền lực trong gia đình/dòng họ và cộng đồng, và các chức sắc tôn giáo.

3.3.1 Hệ thống pháp lý Nhà nước và các cơ quan thực thi pháp luật

Hệ thống tòa án được chia làm 03 cấp (tòa án nhân dân quận/huyện, tòa án nhân dân tỉnh và tòa án nhân dân tối cao). Các vụ hình sự trước hết được xử tại Tòa án nhân dân quận/huyện. Các vụ này có thể được kháng án và xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan kháng cáo cao nhất ở Việt Nam. Các trường hợp được kháng cáo lên Tòa án nhân dân tối cao sẽ được thẩm định và điều tra lại sau đó có sự phản hồi trở lại với tòa án nhân dân cấp tỉnh để đảm bảo tính thống nhất trong xét xử.

Điều tra viên tiến hành điều tra, thu thập và lưu giữ bằng chứng theo trình tự thủ tục điều tra đối với những hành vi vi phạm pháp luật được coi là có yếu tố hình sự. Điều tra viên xác định hành động phạm pháp thông qua việc phân tích dữ kiện và bối cảnh vụ việc, và xác định phương án tiến hành phù hợp dữ kiện và bối cảnh.

Viện Kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Cơ quan này có nhiệm vụ chính là đảm bảo việc xét xử các vụ hình sự đúng và minh bạch cũng như theo dõi và thực thi luật pháp của các cơ quan như tòa án, thanh tra hình sự, cơ quan nhận và điều tra khiếu nại, tố cáo.

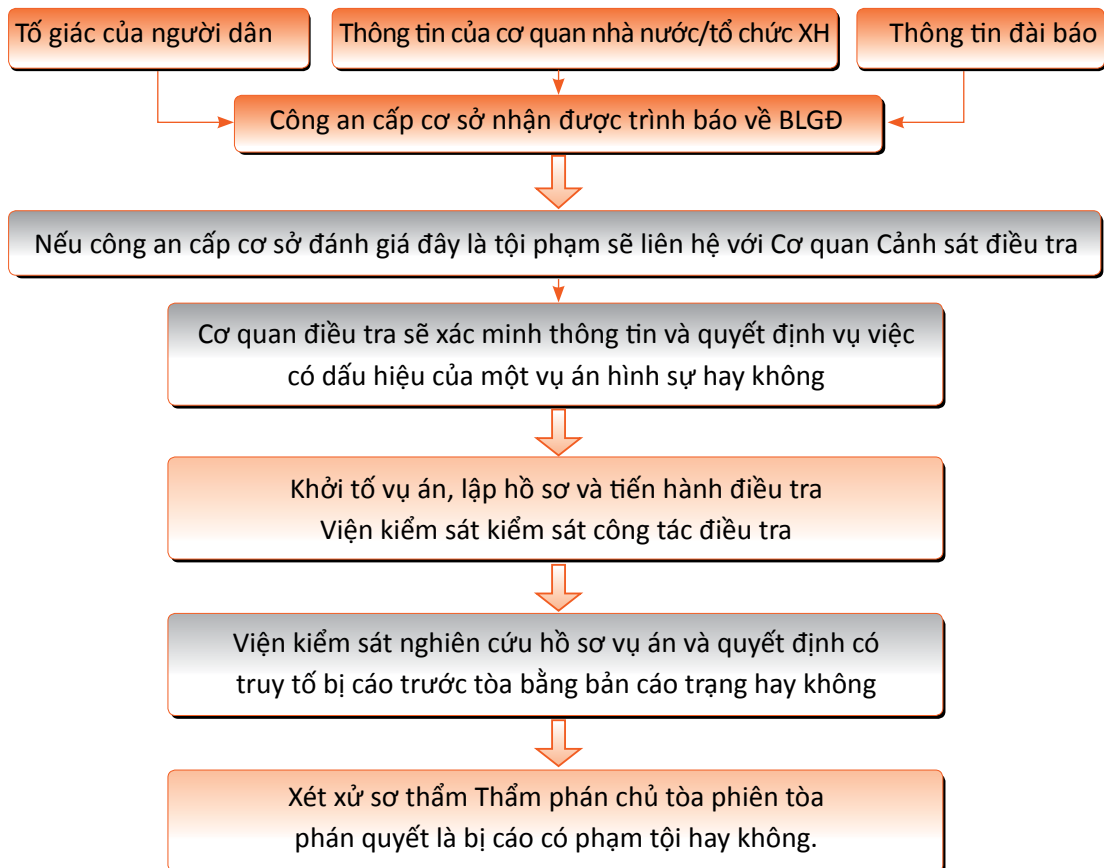
Công an gồm công an hình sự và công an nhân dân. Công an hình sự có trách nhiệm điều tra và giải quyết các vụ án hình sự. Công an nhân dân có trách nhiệm theo dõi và đảm bảo an toàn và trật tự ở khu dân cư, giải quyết các vi phạm nhỏ liên quan đến luật pháp, nhưng không có chức năng tư pháp và nghĩa vụ giải quyết các vụ án hình sự.

Các cơ quan thi hành án chịu trách nhiệm thi hành án dân sự. Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm giải quyết các vụ án cấp quốc gia, trong khi Cục Thi hành án cấp tỉnh và huyện chịu trách nhiệm thi hành các phán quyết của toà án địa phương.

Luật sư cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý cho cá nhân hoặc đơn vị có nhu cầu. Tính đến tháng 10/2013, ở Việt Nam có khoảng hơn 3.000 tổ chức hành nghề luật sư thuộc 63 Đoàn Luật sư và có hơn 8.000 luật sư đang hành nghề (Liên đoàn Luật sư Việt Nam 2013).

Trung tâm trợ giúp pháp lý chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho người nghèo và các nhóm yếu thế trong xã hội. Hiện nay cả nước có 64 trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp của 64 tỉnh, thành phố. Đến nay toàn quốc đã có 606 Chi nhánh, Tổ trợ giúp pháp lý thuộc các Trung tâm đặt tại Phòng Tư pháp cấp huyện và hơn 100 điểm trợ giúp pháp lý cấp xã (Cục Trợ giúp pháp lý 2004). Các Trung tâm này chủ yếu hỗ trợ tư vấn các tranh chấp dân sự, đất đai, hôn nhân, gia đình và các vụ án hình sự. Khi tiếp nhận tin báo về các vụ việc BLGD, trung tâm trợ giúp pháp lý cần thực hiện một số biện pháp, ví dụ phân công nhân viên trợ giúp pháp lý, những người có hiểu biết về luật bình đẳng giới, giới thiệu cho nạn nhân tới các cơ quan/tổ chức liên quan hoặc các dịch vụ hỗ trợ khác để tìm sự giúp đỡ³⁶. Các cơ sở hỗ trợ như nhà tạm lánh, cũng sẽ thông tin về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý trong trường hợp nạn nhân có nhu cầu trợ giúp pháp lý (Cục Trợ giúp pháp lý 2004).

Tổng quan về quy trình tư pháp hình sự trong giải quyết vấn đề BLGD (UNODC 2011)



36 Thông tư số 07/2011/TT-BTP nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong cơ cấu tổ chức và các hoạt động của các tổ chức hỗ trợ pháp lý.

Ủy Ban nhân dân là cơ quan ngành dọc của Nhà nước tồn tại từ cấp tỉnh xuống cấp huyện và xã. Theo nguyên tắc, bất cứ ai cũng có thể khiếu nại với chủ tịch UBND để yêu cầu giải quyết một hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp nào đó giữa những người sống trong cùng một xã. Chủ tịch UBND sẽ xem xét vấn đề được khiếu nại và đưa ra phán quyết mà hai bên cần phải thực hiện. Nếu tranh chấp thuần túy về mặt tư pháp, thì chủ tịch xã sẽ đóng vai trò là người hòa giải hoặc yêu cầu hai bên khiếu nại ra tòa.

Hộp 3: Báo cáo vụ việc bạo lực gia đình

Điều 18 của Luật Phòng chống bạo lực gia đình quy định người phát hiện bạo lực gia đình phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực.

3.3.2 Hệ thống pháp lý có tính Nhà nước

Chủ tịch Hội Phụ nữ có vai trò là người bảo vệ quyền của phụ nữ và là thành viên của tổ hòa giải. Do đó, nạn nhân bạo lực nên thông báo và đề nghị Chủ tịch Hội Phụ nữ can thiệp và giúp đỡ trong và sau khi bạo lực xảy ra.

Người đại diện cho khu vực dân cư (tổ trưởng dân phố/trưởng thôn/trưởng bản) được coi là đại diện cho chính quyền địa phương, do dân bầu lên và được chủ tịch UBND xã ủy quyền quản lý trong xã. Người đại diện cho khu vực dân cư có trách nhiệm theo dõi việc thực thi các nghị quyết và quyết định của xã cũng như hòa giải các tranh chấp xảy ra tại địa bàn dân cư. Người đại diện cho khu vực dân cư cũng có trách nhiệm kịp thời can thiệp khi bạo lực xảy ra trong khu vực dân cư. Với những tranh chấp phức tạp, người đại diện cho khu vực dân cư có thể nhờ tổ hòa giải, ban hòa giải hoặc chủ tịch UBND xã giải quyết.

Ban/Tổ hòa giải cơ sở là các nhóm thực hiện việc trợ giúp, tư vấn, hòa giải các tranh chấp của người dân ở cấp xã và thôn, có sự tham gia của các đại diện tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể ở địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân. Hiện nay, tổ hòa giải cơ sở được thành lập ở tất cả các thôn, làng, bản ở Việt Nam.

Biện pháp PC BLGD thông qua hòa giải đang thực sự là phương châm hành động của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng. Từng địa bàn dân cư đều có tổ hòa giải nhằm giải quyết các mâu thuẫn và các vấn đề trong cộng đồng và gia đình. Dưới tổ hòa giải là đội hòa giải, có vai trò quan trọng trong các vụ hòa giải bạo lực gia đình. Các số liệu khảo sát của nghiên cứu “Nhận thức và thái độ của cộng đồng đối với bạo lực trong gia đình Hà Nội và đề xuất các giải pháp phòng chống” do Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em Hà Nội (2006) cho thấy: 64,2% số người được hỏi đánh giá tổ dân phố tích cực tham gia hoạt động PC BLGD, tỷ lệ này ở đội hòa giải là 59,4%. Về hiệu quả hoạt động, có 52,9% số người được hỏi đánh giá tổ dân phố hoạt động hiệu quả tốt, 49,9% đánh giá tổ hòa giải hoạt động tốt. Tuy nhiên, thực tế là các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng đã quá coi trọng công việc “hòa giải”. Chính vì thế, đôi khi việc hòa giải quá mức sẽ như một hình thức khuyến khích chấp nhận bạo lực để giữ gìn hạnh phúc gia đình ổn định và bảo đảm tỷ lệ ly hôn thấp.

3.3.3 Các cơ quan có ảnh hưởng khác

Truyền thông đại chúng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tiếp cận công lý. Đặc biệt là truyền thông đại chúng góp phần nâng cao nhận thức và hiểu biết về pháp luật, hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật giúp người dân có cơ hội tiếp cận công lý tốt hơn. Theo quy định của Luật PC BLGD, truyền thông đại chúng có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và chính xác về các chính sách và pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình (Khoản 2 Điều 40).

Các nhân viên y tế có thể cung cấp địa chỉ tạm lánh cho nạn nhân BLGD, như được xác định trong Điều 27, Luật phòng chống BLGD. Các nhân viên y tế có trách nhiệm giữ bí mật thông tin cá nhân của nạn nhân; trong trường hợp có dấu hiệu hình sự, nhân viên y tế phải báo cáo vụ việc lên trạm trưởng trạm y tế - người có trách nhiệm báo cho công an nơi gần nhất (Khoản 3, Điều 23 và Khoản 4, Điều 29 của Luật PCBLGD).

4. PHÂN TÍCH NHỮNG PHÁT HIỆN CỦA NGHIÊN CỨU

4.1. Tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD

BLGD khá phổ biến ở Việt Nam, tuy nhiên, nạn nhân ít khi trình báo công an. Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình ở Việt Nam năm 2010 cho thấy 87% số nạn nhân chưa từng tìm kiếm hỗ trợ từ các dịch vụ chính thức hoặc từ chính quyền (TCTK 2010). Phần này sẽ tìm hiểu tại sao tỷ lệ báo cáo vụ việc lại rất thấp, phụ nữ nhìn nhận và hiểu BLGD như thế nào; và liệu phụ nữ có biết về các kênh khác nhau để tìm kiếm công lý hay không. Nghiên cứu cũng tìm hiểu xem sự đền bù từ hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước có hiệu quả và đầy đủ hay không.

4.1.1. Nhận thức pháp luật

Mức độ hiểu biết của nạn nhân và cộng đồng về quyền của phụ nữ có ảnh hưởng đáng kể đối với các biện pháp ứng phó với BLGD. Hiểu biết pháp luật của nạn nhân, nhất là việc họ có coi BLGD là sự vi phạm quyền con người của mình không, sẽ đóng khuôn quan niệm của họ về công lý. Tương tự như vậy, nếu ngành tư pháp, chính quyền và cộng đồng coi BLGD là vấn đề riêng tư, trước hết cần được giải quyết trong gia đình, thì sẽ ảnh hưởng đến cách mà họ can thiệp. Kế đến, phản ứng của họ ảnh hưởng lớn đến mức độ sẵn sàng của nạn nhân đưa vụ việc của mình tới các cơ quan tư pháp. Các phát hiện từ nghiên cứu cho thấy có nhiều yếu tố khác nhau tác động đến việc thụ hưởng quyền tiếp cận công lý của nạn nhân BLGD.

a) Nhận thức về các hình thức BLGD khác nhau

Luật PC BLGD năm 2007 nêu rõ 4 hình thức BLGD: thể xác, tâm lý/tinh thần, tình dục và kinh tế. Tuy nhiên, do sự thiếu hiểu biết về pháp luật và do chịu ảnh hưởng của các quan niệm, giá trị văn hoá truyền thống mà nhận thức và thái độ của phụ nữ đối với các hành vi này rất khác nhau tùy theo từng vụ việc. Nhiều phụ nữ được phỏng vấn đã nghĩ rằng một số hình thức BLGD là chấp nhận được và thậm chí nên được chấp nhận. Điều này có thể lý giải vì sao ở Dương Phong (Bắc Kạn) chỉ có 4 trường hợp BLGD được công an điều tra năm 2012, trong khi phụ nữ ở cộng đồng cho biết BLGD là vấn đề phổ biến ở địa phương.

Bạo lực thể xác

Do những tổn thương thân thể, sức khỏe biểu hiện ra ngoài, dễ nhận biết, nên bạo lực thể xác là hình thức BLGD được nhận biết nhiều nhất trong nghiên cứu này. Đặc biệt, phụ nữ thuộc nhóm dân tộc thiểu số trong nghiên cứu này thường hiểu BLGD là những hành vi gây ra sự thương tổn về thể chất và sức khỏe. Các hành vi bạo lực khác không được coi là hành vi bạo lực.

Bạo lực tâm lý và tinh thần

Ở Việt Nam, bạo lực tinh thần được ghi nhận là loại hành vi bạo lực phổ biến nhất (TCTK 2010) và có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng không kém gì so với bạo lực thể xác và bạo lực tình dục. Song đối với phụ nữ, hậu quả của các hành vi bạo lực tinh thần thường bị xem nhẹ. Theo ý kiến của phụ nữ trên 4 địa bàn nghiên cứu, thì nhiều hành vi bạo lực tinh thần được nhìn nhận là bình thường của cuộc sống hàng ngày trong quan hệ vợ chồng.

“Quắc mắt, lớn tiếng đe nẹt, chửi bới, dọa nạt là nhiều chứ”, “vợ chồng to tiếng, cãi vã nhà nào chẳng có”, “chồng quắc mắt, lớn tiếng quát vợ là bình thường”, “thì cứ mắng chửi mà vợ, con không nói lại gì thì là xong chứ không bị làm sao (bị bạo lực)”, “vợ chồng nào chẳng có lúc mâu thuẫn. Nói qua, nói lại là chuyện bình thường. Nếu xô xát dẫn đến đánh đập vợ thì mới là bạo lực.”³⁷

Đối với một số trường hợp ở Dương Phong (Bắc Kạn), nơi có nhiều nhóm dân tộc thiểu số sinh sống, nạn nhân bị tổn thương nghiêm trọng về mặt tinh thần, nhưng những hành vi bạo lực đó không bị trừng phạt cũng như chẳng nhận được sự quan tâm chia sẻ, cảm thông của cộng đồng. Thậm chí chính phụ nữ cũng cho là bạo lực xảy ra là do lỗi của người vợ. Ví dụ từ thảo luận nhóm cho thấy:

“Chuyện này [bạo lực tinh thần] xảy ra là vì chị em không biết ứng xử cho đúng” hay “làm vợ thì phải biết cân đối chi tiêu gia đình, vun vén cho gia đình, nhưng rất nhiều chị em lười, không biết làm lụng. Bởi thế nên mới bị chồng mắng, chửi”³⁸

Hậu quả của hành vi bạo lực tinh thần, mặc dù nghiêm trọng, nhưng lại bị xem nhẹ theo kiểu đơn giản hóa như bình luận dưới đây:

“Nhà đấy chồng ngược đãi vợ, thường xuyên chửi, mắng vợ thậm tệ, nói theo kiểu “lười mà ngu như chó”, “đồ ngu, nuôi mà thì thà tao nuôi chó còn hơn”. Có khi vợ đang ăn cơm thì chồng đổ nước lã vào không cho ăn hoặc có cơm nhưng chưa kịp ăn thì chồng đổ hết đi không cho ăn nữa. Nhưng ông chồng chỉ làm thế thôi chứ không có đánh đập” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Nghệ An).

Bạo lực tình dục

Bạo lực tình dục là vấn đề thường bị né tránh, ít được thừa nhận do quan niệm chung cho rằng tình dục là vấn đề tế nhị, riêng tư giữa vợ và chồng và thường ít được bàn luận đến. Đối với một số phụ nữ thì những hình thức bạo lực tình dục như vậy không được coi là hành vi vi phạm pháp luật:

“Họ chưa hề đánh nhau hay chưa chửi nhau, mà đây chỉ là gây sức ép [ép buộc vợ quan hệ tình dục khi vợ không thể đáp ứng], nên chưa hẳn đã là BLGD.”

37 Quan điểm của chị em ở 4 vùng nghiên cứu

38 Quan điểm của chị em ở 4 vùng nghiên cứu

Đáng quan tâm là, các hành vi ép buộc quan hệ tình dục thường chỉ được phụ nữ trong nghiên cứu này xem xét ở góc độ đạo đức. Họ cho rằng phụ nữ không nên từ chối quan hệ tình dục với chồng vì đó là bổn phận và trách nhiệm của người vợ đối với chồng và cách giữ gìn hạnh phúc gia đình:

“Là vợ thì phải chiều chồng, phải đáp ứng nhu cầu của chồng” hay “Vợ nên đáp ứng nhu cầu của chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình.”

Do nhận thức không đúng về sự bình đẳng giữa vợ và chồng, nên nhiều chị em nhìn nhận các hành vi bạo lực tình dục không phải là hành vi không thể chấp nhận được, hoặc không phải là hành vi vi phạm quyền. Ngược lại, những phụ nữ được phỏng vấn thậm chí còn cho là ép buộc tình dục là hành vi có thể chấp nhận được.

“Mình giờ quá tuổi rồi, không còn ham muốn gì chuyện ấy [quan hệ tình dục]. Mỗi lần quan hệ là đau đớn lắm. Cứ nghĩ đến chuyện ấy đã khiếp hãi rồi. Chồng thì trẻ hơn 6 tuổi, vẫn còn nhiều nhu cầu thì đòi hỏi chuyện ấy cũng là bình thường. Mình không đáp ứng nên bị chồng đánh là phải rồi” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Khi được hỏi về vấn đề bạo lực tình dục, bao gồm cả cưỡng bức tình dục và các hình thức lạm dụng tình dục khác, nhìn chung phụ nữ lớn tuổi tỏ ra e ngại không muốn trao đổi và có xu hướng không thừa nhận vấn đề này, nhưng phụ nữ trẻ lại tỏ ra cởi mở hơn khi nói về bạo lực tình dục. Tại Dương Phong (Bắc Kạn), hầu hết phụ nữ lớn tuổi cho rằng không có bạo lực tình dục hoặc nếu có thì đó là vấn đề của các gia đình khác mà họ được không biết, trong khi đó phụ nữ trẻ lại cho rằng hành vi bạo lực tình dục không chỉ tồn tại mà còn là hiện tượng khá phổ biến. Sự cởi mở của phụ nữ trẻ khi nói về bạo lực tình dục cho thấy họ có xu hướng tiếp cận thông tin về bình đẳng giới nhiều hơn và ít chịu ảnh hưởng của giá trị văn hóa truyền thống hơn.

Bạo lực kinh tế

Tương tự như vấn đề bạo lực tình dục, phụ nữ được phỏng vấn ít quan tâm hơn tới bạo lực kinh tế. Các hành vi như người chồng kiểm soát thu nhập và việc chi tiêu của vợ, chi chiết cách chi tiêu của vợ vẫn được nhiều phụ nữ coi đó là hệ quả của việc “người chồng không tin tưởng vợ”, “do thiếu tôn trọng vợ”, “do ích kỷ”, “quá chi ly với vợ”. Nhiều ý kiến cho rằng nếu hành vi kiểm soát của người chồng chỉ dừng lại ở việc gây áp lực tinh thần cho người vợ thì không nên xem là một hình thức bạo lực. Thậm chí, trong một số trường hợp, việc chồng ép vợ đưa tiền để chơi cờ bạc cũng được phụ nữ chấp nhận bởi vì “kinh tế do hai vợ chồng làm ra nhưng chị đưa cho anh ấy vì chị nghĩ là vợ thì phải nghe lời chồng”.

Nhìn chung, tại các địa bàn đã và đang triển khai dự án PC BLGD như An Khánh và Vĩnh Bình (Bến Tre), Nghi Hòa (Nghệ An), phụ nữ có nhận thức về BLGD tốt hơn phụ nữ tại Dương Phong (Bắc Kạn) nơi chưa có dự án PC BLGD.

Hộp 4: Trường hợp 1

Câu chuyện của chị D. minh họa cho việc phụ nữ cùng một lúc phải chịu nhiều hình thức bạo lực khác nhau.

Chị D. người Tày, bỏ học từ lớp 6, lấy chồng là người Kinh năm 19 tuổi, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì nghĩ là phận gái, mình sẽ không được cho một mảnh đất nào, nhưng chị vẫn được bố mẹ chia ruộng cho. Hai vợ chồng chị sinh được 2 con. Hai năm gần đây anh hay gây chuyện với chị. Tuy ít đánh đập nhưng anh hay hành hạ chị về mặt tinh thần. Mặc dù kinh tế do hai vợ chồng làm ra nhưng anh luôn nói do mình kiếm ra, còn bảo chị không biết làm ăn, tính toán. Nấu cơm lên rồi anh đổ cơm đi không cho chị ăn. Vừa đổ cơm đi vừa chửi rửa chị. Có khi anh đổ cả nước lên người chị. Chị rất đau khổ vì chồng đã đối xử tệ bạc với chị như vậy.

Ban đầu, chị nín nhịn. Sau này, chị có kể với mẹ và chị gái nhưng chỉ nhận được lời khuyên phải chấp nhận. Chị đã nhờ bạn bè nhờ bạn bè giúp đỡ, nhưng không có chuyển biến. Chị không nhờ HPN can thiệp vì nghĩ rằng HPN nói không ai nghe theo. Cuối cùng, bị đối xử tàn nhẫn quá chị tự làm đơn gửi lên chính quyền. Chị lên gặp chính quyền mấy lần nhưng họ chỉ bảo “việc riêng của gia đình thì tự giải quyết”. Họ còn nói, nếu đưa ra công an thì chồng chị sẽ bị phạt tiền. Sau gần 2 năm bị bạo lực, không ai có thể giúp được chị. Cuối cùng, chị làm đơn gửi lên Phòng Tư pháp và chỉ nhận được câu trả lời là họ sẽ gặp chồng chị khuyên bảo. Kết cục là chồng chị bỏ nhà đi lấy người vợ mới, để lại trách nhiệm nuôi, dạy 2 con cho chị.

b) Nhận thức của nạn nhân về quyền

Nhận thức của nạn nhân bị BLGD về quyền là hết sức nghĩa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng của họ trong việc tiếp cận công lý. Trao đổi với phụ nữ tại các địa bàn nghiên cứu cho thấy phụ nữ có hiểu biết rất khác nhau về vấn đề này.

Tại các địa bàn được triển khai các dự án phòng, chống BLGD như Nghi Hòa (Nghệ An), Vĩnh Bình và An Khánh (Bến Tre) phụ nữ nhìn chung đều biết đến Luật Bình đẳng giới, Luật PC BLGD. Trong khi đó, tại Dương Phong (Bắc Kạn), nơi chưa có dự án phòng, chống BLGD, thì rất ít chị em được hỏi biết tới hai luật này. Nhiều người chỉ biết có pháp luật về bảo vệ bà mẹ và trẻ em được ghi trong Luật hôn nhân và gia đình. Thậm chí kể cả những chị em biết đến hai Luật Bình đẳng giới và Luật PCBLGD, thì mức độ hiểu biết của họ về các luật này vẫn còn một khoảng cách khá lớn. Phần lớn chị em phụ nữ ở xã Dương Phong không hiểu được các quyền được nêu trong hai luật này. Trong thực tế, chỉ những chị em bị BLGD được tham gia vào các dự án PC BLGD hoặc đã được tư vấn pháp lý mới có hiểu biết tương đối tốt về các quyền này. Cụ thể, họ biết rằng khi bạo lực xảy ra thì có thể tìm đến người đứng đầu khu dân cư, hội trưởng hội phụ nữ, đại diện tổ hòa giải, công an và lãnh đạo UBND xã/phường để nhờ hòa giải căng thẳng và can thiệp nhằm ngăn chặn các hành vi bạo lực có thể xảy ra sau này. Họ cũng hiểu là các đơn vị hành chính này có thể hỗ trợ và tư vấn pháp lý, hướng dẫn cách đối phó với BLGD và rằng, pháp luật có quy định xử phạt đối với những người có hành vi bạo lực.

Thông tin từ phỏng vấn cũng cho thấy hoạt động của các dự án PC BLGD, dù là các dự án khác nhau, được triển khai tại các địa bàn khác nhau, nhưng đều có tác động tích cực nhất định trong việc nâng cao nhận thức của phụ nữ bị bạo lực về pháp luật PC BLGD và về cách họ tìm kiếm sự giúp đỡ. Khi được hỏi, hầu hết phụ nữ bị BLGD ở các địa bàn có dự án PC BLGD đều cho rằng phần lớn kiến thức họ có được về PC BLGD là nhờ các hoạt động của dự án. Không ít phụ nữ bị bạo lực cho biết dự án đã giúp họ thay đổi cách ứng xử với BLGD:

“Hồi xưa mình hay bị ảnh (chồng) la lắm. Cứ về đến nhà là ảnh la. Mình nấu cơm chưa kịp soạn cho ảnh, ảnh cũng bực bội và la mình. Hồi đó mình không biết, chỉ im lặng và chịu đựng. Riết rồi thành quen. Nhưng sau này mình có tham gia câu lạc bộ do dự án tài trợ, thì mình biết là những trường hợp như mình nếu báo chính quyền địa phương thì sẽ được giúp đỡ” – (Nạn nhân ở An Khánh, Bến Tre).

Hệ thống pháp lý và công lý đa kênh

Công lý là một khái niệm phức tạp. Như đã nêu trên, nó đáp ứng các yêu cầu hay đòi hỏi chính đáng thông qua các hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước. Nói cách khác, công lý là lẽ phải được thừa nhận và được bảo vệ thông qua pháp luật nhà nước hay thông qua các cơ chế không chính thức khác. Cách hiểu của phụ nữ tham gia thảo luận tại 4 địa bàn nghiên cứu về “công lý” là “việc đạt được sự công bằng” hay “lẽ phải hay điều đúng đắn được bảo vệ” hoặc “những việc sai trái bị phơi bày, lên án”:

“Công lý là gì tôi cũng không hiểu. Có lẽ đó là sự công bằng”; “khi nào mà lẽ phải được được bảo vệ thì là có công lý”; “nếu sai trái bị lên án thì đó là công lý”.

Mặc dù các câu trả lời có thể không đầy đủ, sự diễn giải của họ phản ánh những đặc điểm chính của công lý vì có nhắc đến quyền và sự công bằng.

Chị em ở địa bàn nghiên cứu được hỏi khi bị chồng đối xử tệ bạc thì họ mong muốn điều gì. Tuy nhiên, nhiều chị em không nhận thức được rằng BLGD do chồng đối gây ra với vợ là hành vi không thể chấp nhận được, và rất ít chị mong muốn được chồng hiểu và không bao giờ đối xử tệ bạc với họ: “Tôi mong hiểu được chồng, đáp ứng các nhu cầu của chồng để được chồng hiểu, không có hành vi bạo lực”, “muốn chồng hiểu cho mình, không đối xử tệ bạc với mình nữa”, “muốn có cuộc sống hạnh phúc như mọi người”. Những người phụ nữ khác thì hiểu rằng bị bạo lực là không công bằng, họ muốn phản ứng lại sự bất công đó và đấu tranh đòi bình đẳng: “Chồng phải tôn trọng vợ”, “Tôi muốn chấm dứt bạo lực”, “Tôi cảm thấy thật khó chịu đến mức muốn đánh lại chồng”. Mặc dù nhận thấy điều bất công như vậy, nhưng họ vẫn không muốn được giúp đỡ để chấm dứt bạo lực. Điều này có thể là do nhiều phụ nữ vẫn còn chịu ảnh hưởng của các quan niệm, giá trị văn hoá truyền thống lâu đời về vai trò trụ cột của nam giới – là người ra quyết định trong cuộc sống hôn nhân và hộ gia đình, làm cho người vợ luôn phải phục tùng chồng trong bất cứ hoàn cảnh nào:

“Có chồng thì phải theo chồng. Đắng cay cũng chịu, mặn nồng cũng vui” hay “Chồng giận thì vợ phải lui, chồng giận vợ giận thì dúi nó xuống” hay “Muốn nói không, làm chồng mà nói”.

Một số phụ nữ do có những hiểu biết nhất định về pháp luật nên họ đã ý thức được quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, biết được hành vi bạo lực của chồng là sự bất công, (*“chồng cũng phải tôn trọng vợ”*) và có mong muốn đòi lại sự công bằng (*“muốn chấm dứt bạo lực”*). Một vài người trong số họ lại bày tỏ sự phản kháng chống lại hành vi bạo lực một cách tự phát (*“Tôi muốn đánh lại chồng”*) mà không tìm kiếm bất kỳ trợ giúp nào khác để chấm dứt bạo lực.

Mặc dù có thể đòi lại công lý thông qua các thiết chế pháp lý khác nhau trong hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước, phụ nữ thường có ý kiến cho rằng *“công lý”* gắn với *“các hoạt động của các cơ quan công an, toà án và chính quyền địa phương”*. Nói chung, phụ nữ bị BLGD chưa hiểu được vai trò khác nhau của các chủ thể tư pháp trong hệ thống pháp lý đa kênh.

Ngay cả ở các địa bàn đã có dự án phòng, chống BLGD như Nghi Hòa (Nghệ An), Vĩnh Bình và An Khánh (Bến Tre) thì cũng chỉ có một số nạn nhân không những mong muốn bạo lực chấm dứt hoàn toàn, mà còn mong được giúp giúp đỡ để đạt được mục đích :

“Thật là quá tốt nếu có ai đó có thể giải thích, giúp chồng có hiểu biết để không bạo lực với mình”, “Tôi muốn được bảo vệ để khỏi bị bạo lực”, “Mong muốn được hòa giải, nếu chồng không nghe thì sẽ làm đơn yêu cầu công an giải quyết bằng pháp luật”, “Muốn được can thiệp để tránh đau đớn và các cơ quan luật pháp vào cuộc để không xảy ra bạo lực nữa”.

Song, cần lưu ý là rất nhiều chị em trong nghiên cứu này chưa nhận thức được rằng các cấp chính quyền có nghĩa vụ hỗ trợ, bảo vệ họ khỏi hành vi bạo lực và người bị bạo lực có quyền đòi đền bù, do những đau khổ mà họ phải chịu đựng. Rất nhiều chị em vẫn cảm thấy có lỗi khi để bạo lực xảy ra vì họ *“là người làm phiền”* hay *“là người gây rắc rối”* cho người khác nếu như họ có yêu cầu trợ giúp. Vì thế họ cảm thấy ngại ngần khi tìm kiếm sự hỗ trợ.

Qua quan sát cách hiểu của phụ nữ về các hình thức BLGD, quyền mà họ được hưởng, quan niệm và các phương tiện tìm kiếm công lý, có thể hiểu rằng BLGD vẫn được coi là hành vi được xã hội chấp nhận ở Việt Nam, và nhiều người vẫn cho rằng việc công khai các hành vi đó có thể tác động tiêu cực đến nạn nhân. Hơn nữa, quan niệm phổ biến ở đây là phụ nữ nên bỏ qua bạo lực để duy trì *“hòa khí”* trong gia đình. Tuy nhiên, thông tin sơ cấp cũng cho thấy khi có các biện pháp can thiệp, thì hiểu biết của phụ nữ về BLGD có chuyển biến theo hướng dựa trên quyền, và các biện pháp đó khuyến khích phụ nữ không giữ im lặng. Ngay cả sau khi có can thiệp, nhận thức về trách nhiệm của Nhà nước vẫn còn thấp. Không có ai nói rằng Nhà nước có trách nhiệm xóa bỏ các định kiến giới tiêu cực gây ra BLGD.

Hộp 5: Trường hợp 2

Một số nhóm phụ nữ đặc biệt yếu thế trong việc tiếp cận công lý do đặc tính dân tộc, hoàn cảnh kinh tế - xã hội, tình trạng hôn nhân và sức khỏe, tuổi tác, khuyết tật, tính dục và địa lý đã đẩy họ vào hoàn cảnh đặc biệt dễ bị tổn thương. Câu chuyện của chị C. cho thấy những trở ngại mà phụ nữ dân tộc thiểu số gặp phải khi bị nhiễm HIV.

Chị C. lấy chồng đã được 16 năm và có 2 người con. Do nghiện chích ma túy, chồng chị bị nhiễm HIV và hiện đang phải điều trị AIDS. Mọi gánh nặng trách nhiệm trong gia đình đều đổ lên vai chị nhưng chồng chị vẫn đối xử tàn tệ với chị. Chị phải chịu đủ các hình thức bạo lực từ chồng, như bạo lực thể xác, tinh thần, tình dục và kinh tế. Chị thường bị chồng đe dọa, dọa dẫm, đuổi đánh để lấy tiền.

Ban đầu chị không nói cho ai vì mong muốn chồng thay đổi, nhưng anh ta hành hạ chị ngày một thường xuyên hơn. Nhà bố mẹ chồng ở cạnh bên nhưng chị không muốn nói cho ông, bà, vì bà là từng là cán bộ của hội phụ nữ nhưng thường phải nín nhịn bạo lực của chồng. Mẹ chồng là người duy nhất giúp chị C. và thường chạy sang can ngăn chồng chị khi biết chuyện. Song chồng chị thường đóng cửa đánh vợ khi tất cả mọi người đều đã đi ngủ.

Có lần sau khi bị chồng đánh, khiếp hãi quá nên chị chạy đến nhà ông chú chồng, lúc đấy đang là phó chủ tịch xã, để cầu cứu. Nhưng chị chỉ nhận được lời khuyên là việc trong nhà nên tự giải quyết. Vài lần sau, biết chị có thể chạy đến nhờ nhưng ông đều tránh gặp. Chị không thể tìm được sự trợ giúp nào từ phía chính quyền bởi vì hầu hết những người giữ vị trí quan trọng ở xã đều là họ hàng nhà chồng chị. Tất cả mọi người đều biết, nhưng chẳng có ai giúp cả.

Để tránh bạo lực của chồng, chị đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ để mấy tuần. Ông bà rất thương con nhưng khuyên chị quay về nhà vì không muốn chị bỏ mặc con và cũng lo sợ mọi người dị nghị về việc chị bỏ đi. Chị thấy thương các con. Cảm thấy quá bất hạnh, nhưng chị không dám ly hôn, vì chị sợ làm ảnh hưởng không tốt tới các con và chị còn sợ sẽ gặp khó khăn trong vấn đề nhà ở và quyền nuôi con.

4.1.2. Tiếp cận hệ thống pháp lý đa kênh

Nạn nhân BLGD có các phương tiện khác nhau để tìm kiếm và tiếp cận công lý thông qua hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước. Phần này sẽ phân tích các hệ thống pháp lý khác nhau để tìm ra các yếu tố khiến phụ nữ chọn một kênh công lý cụ thể nào đó và phân tích tính hiệu quả hoặc các biện pháp mà các kênh pháp lý khác nhau đã áp dụng.

a) Vận hành trong chuỗi công lý

BLGD là sự vi phạm quyền con người. Nạn nhân BLGD có quyền tiếp cận các thiết chế pháp lý để tìm kiếm công lý. Pháp luật nhà nước xác định trách nhiệm của các cá nhân và từng cơ quan, tổ chức, cũng như các biện pháp mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức này có thể tiến hành để bảo vệ nạn nhân BLGD và trừng phạt người gây bạo lực (Bảng 3).

Bảng 3: Cá nhân/cơ quan có thẩm quyền và các biện pháp giải quyết khiếu kiện, khiếu nại liên quan BLGD tại xã/phường

	Biện pháp giải quyết	Cá nhân/cơ quan có trách nhiệm ở xã/phường
Đảm bảo an toàn cho nạn nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Bắt ngừng ngay hành vi bạo lực 	<ul style="list-style-type: none"> • Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi bạo lực và khả năng của mình, cá nhân có mặt tại nơi xảy ra bạo lực có trách nhiệm bắt ngừng ngay hành vi bạo lực.
	<ul style="list-style-type: none"> • Cấm tiếp xúc 	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch UBND xã/phường có thể quyết định cấm người phạm tội tiếp xúc với nạn nhân tới 3 ngày. • Tòa án ra quyết định cấm người phạm tội tiếp xúc HPN điều phối của theo dõi trong vòng 4 tháng.
	<ul style="list-style-type: none"> • Bảo vệ nạn nhân khỏi các hành vi bạo lực sau này. • Ngăn chặn bạo lực trong tương lai 	<ul style="list-style-type: none"> • HPN, Y tế, Văn hóa phối hợp hỗ trợ chăm sóc, tư vấn cho nạn nhân. • Các đội hòa giải cơ sở sàng lọc các trường hợp để hòa giải, giảng hòa và dàn hòa các bên trong tranh chấp
Xử lý người gây bạo lực	<ul style="list-style-type: none"> • Cộng đồng góp ý và phê bình 	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng cộng đồng dân cư tổ chức việc góp ý, phê bình hành vi của của người gây bạo lực/vi phạm, tạo điều kiện cho người đứng đầu cộng đồng dân cư tổ chức phê bình, góp ý. • UBND/Công an/Tư pháp/Tòa án thực hiện truy cứu trách nhiệm thủ phạm vì hành vi bạo lực
	<ul style="list-style-type: none"> • Giáo dục tại xã/phường/thị trấn từ 3 đến 6 tháng 	<ul style="list-style-type: none"> • UBND xã/phường ra quyết định theo đề nghị của Trưởng công an/CT UBMTTQ/đại diện cơ quan/người đứng đầu cụm dân cư.
	<ul style="list-style-type: none"> • Đưa vào cơ sở giáo dục từ 6 tháng đến hai năm 	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định đưa người phạm tội/vi phạm tới ‘trung tâm giáo dục’
	<ul style="list-style-type: none"> • Phạt tiền/trừng phạt 	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch UBND xã/phường; Trưởng Công an xã; Tòa án; Thanh tra viên VH, TT và DL ra quyết định phạt tiền dưới 2.000.000 đ. • Trưởng Công an huyện ra quyết định phạt đến 10.000.000 đ. • UBND huyện/quận và UBND tỉnh; Giám đốc công an tỉnh; Tòa án; Chánh thanh tra sở và Chánh thanh tra Bộ VH, TT và DL... ra quyết định phạt tiền dưới 30.000.000 đ.
	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyển người gây bạo lực tới cơ quan điều tra nếu có dấu hiệu tội phạm 	<ul style="list-style-type: none"> • UBND xã/phường ra quyết định theo đề nghị của Trưởng công an/CT UBMTTQ/đại diện cơ quan/người đứng đầu cụm dân cư.

Tuy nhiên, thông tin thu được từ 4 địa bàn nghiên cứu, nhất là ở Dương Phong (Bắc Kạn) cho thấy phụ nữ thường tâm lý e ngại, không muốn tiếp cận với các chủ thể thuộc hệ thống pháp lý Nhà nước ở địa phương còn khá phổ biến. Chị em phụ nữ có chỉ tìm sự giúp đỡ khi hành vi bạo lực liên tục tái diễn:

“Ít khi nhờ đến công an, chính quyền địa phương giải quyết các trường hợp bạo lực gia đình lắm. Khi có chuyện [bạo lực] là tổ dân phố, hội phụ nữ chạy đến ngay, nói dăm ba câu là ai lại vào việc này... chỉ có những trường hợp nặng mới nhờ đến công an và chính quyền xã...” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Điểm chung ở bốn địa bàn nghiên cứu là, sau khi tìm sự giúp đỡ từ gia đình và người thân, phụ nữ bị bạo lực tìm kiếm sự trợ giúp từ các chủ thể thuộc hệ thống nhà nước, bao gồm người đứng đầu khu vực dân cư, chi hội trưởng chi hội phụ nữ và thành viên tổ hoà giải. Chị em e ngại rằng cộng đồng có thể có những ý kiến tiêu cực nếu như họ đem vụ việc trình báo lên chính quyền. Đặc biệt là họ lo sợ sự trợ giúp đó không có kết quả và họ lại tiếp tục bị bạo lực:

“Loại vợ gì mà đi kiện chồng”, “Tôi không muốn đưa chồng vào tù ... làm thế thì còn tình nghĩa gì nữa ... mà có phải ai vào tù cũng thay đổi tính nết khi ra tù đâu”.

Phụ nữ nạn nhân BLGD có xu hướng chỉ tiếp cận các cơ quan chức năng ở địa phương như công an, cán bộ tư pháp và chủ tịch UBND khi vấn đề của họ đã trở nên nghiêm trọng, không thể tự giải quyết. Việc tiếp cận các cơ quan thuộc hệ thống pháp lý nhà nước thường là giải pháp cuối cùng, khi các biện pháp của hệ thống phi nhà nước và hệ thống có tính nhà nước không phát huy được tác dụng. Phụ nữ thường ngại ngần, tự ti và xấu hổ khi nói về việc mình bị bạo lực, nên họ hiếm khi báo cáo vụ việc của mình đến các cơ quan thuộc hệ thống pháp lý nhà nước ở địa phương.

Nhìn chung, có rất ít phụ nữ bị bạo lực tiếp cận các thủ tục tư pháp tại cấp huyện, tỉnh, trung ương đối với phụ nữ bị bạo lực lại càng ít hơn. Tại Dương Phong, trong hồ sơ được địa phương quản lý chưa có trường hợp BLGD nào được đưa ra xét xử ở tòa án cấp huyện. Tại Nghi Hoà, mặc dù số vụ BLGD khá cao, song cho đến nay chỉ có một vụ được đưa ra tòa xét xử. Thay vì đưa ra tòa án, phần lớn các vụ BLGD được giải quyết ngay ở cấp xã/phường. Người ta thường hiểu rằng chỉ phải dùng đến các thủ tục pháp lý trong trường hợp phải ly hôn hay có tranh chấp đất đai, do các thủ tục pháp lý phức tạp và cần có kinh phí theo đuổi các thủ tục pháp lý đó.

“Vợ chồng có xích mích thì chủ yếu tìm đến các chị hội phụ nữ, tổ dân phố thôi... nghiêm trọng hơn thì nhờ đến mấy anh chính quyền xã đến nói chuyện với chồng... chứ nếu mà lên tòa án thì chỉ có muốn ly hôn hoặc tranh chấp đất đai... lên trên đó rắc rối lắm, mình cũng không có tiền... Lên đó thì cuối cùng mình cũng phải bỏ tiền ra” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Sự giao thoa của hệ thống pháp lý đa kênh

Hiện tại, việc giải quyết các trường hợp BLGD phải qua các quy trình pháp lý rất phức tạp. BLGD được xử lý bắt đầu từ cấp cộng đồng hoặc cấp xã/phường. Khi hành vi bạo lực được phát hiện hoặc được thông báo, người đứng đầu khu dân cư, chi hội trưởng phụ nữ và tổ hòa giải sẽ tổ chức can thiệp để hoà giải giữa các bên. Nếu sau khi được hoà giải mà hành vi BLGD vẫn tái diễn,

người đứng đầu khu dân cư sẽ thực hiện góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư.³⁹ Nếu không có kết quả hoặc nếu nạn nhân gửi đơn trực tiếp lên xã/phường yêu cầu can thiệp thì Ban hòa giải ở xã/phường tiến hành hòa giải. Trong trường hợp các yêu cầu, đòi hỏi của nạn nhân vẫn chưa được giải quyết thì bên Tư pháp có trách nhiệm kết hợp với Công an xuống gia đình tìm hiểu, lập hồ sơ, giải quyết. Đại diện của tòa án xuống làm việc với cán bộ tư pháp và Ban hòa giải. Nếu mâu thuẫn vẫn chưa được giải quyết thì Tòa án sẽ đưa ra phán quyết. Đây là chu trình thủ tục pháp lý giải quyết BLGD theo thẩm quyền giải quyết từ thấp đến cao. Song không phải tất cả các vụ việc phải theo đúng quy trình này bởi từng bối cảnh vụ việc không giống nhau. Các thủ tục pháp lý để giải quyết BLGD tại cơ sở hiện nay còn phức tạp, khó hiểu và có thể gây khó khăn cho người dân.

Tại Dương Phong (Bắc Kạn), nhiều phụ nữ khi được hỏi cho biết, họ chưa từng biết tới các trình tự thủ tục pháp lý nói trên. Hầu hết nạn nhân chỉ tìm kiếm hỗ trợ từ chính quyền khi bạo lực trở nên gay gắt. Trong những trường hợp như vậy, nạn nhân thường liên hệ với người đứng đầu khu dân cư, công an xã hay làm đơn lên UBND xã giúp đỡ. Nói chung chị em biết rất ít về các thủ tục pháp lý và các biện pháp hỗ trợ có sẵn.

“Cũng chưa từng nghe ai nói là phải làm gì (khi bị chồng đánh) nên không biết... Để đòi sự công bằng chắc là liên quan đến công an rồi. Khi có gì sai trái mà gọi công an đến là công an giải quyết hộ mình” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

“Chị bị đối xử tàn nhẫn quá. Bố mẹ, bạn bè không làm gì được nên chị phải làm đơn lên xã. Không biết nhờ ai cả thì phải kêu xã thôi” (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Do hạn chế về trình độ học vấn, việc tiếp cận các thủ tục pháp lý nên đối với một số phụ nữ người dân tộc thiểu số rất khó khăn. Do đó, họ cần được hướng dẫn đầy đủ.

“Khi bạo lực xảy ra, chúng tôi đến nhà xem có chuyện gì và khuyên họ hòa giải. Một số trường hợp quá nghiêm trọng thì chúng tôi không giúp gì được, nhưng chúng tôi phải viết đơn kiện cho họ vì họ không biết viết mấy thứ này” - (Công an Dương Phong, Bắc Kạn).

Trong khi đó, nghiên cứu này cho thấy phụ nữ bị bạo lực ở Bến Tre và Nghệ An gặp ít khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục pháp lý. Người đứng đầu khu vực dân cư hoặc chi hội trưởng chi hội phụ nữ thường hướng dẫn về các thủ tục pháp lý. Trách nhiệm của người đứng đầu khu vực dân cư hoặc Hội phụ nữ cơ sở được nâng cao thông qua việc thực hiện dự án phòng, chống BLGD.

“Tôi cũng nhiều lần lên UBND phường, gặp chủ tịch trình bày. Có lần làm đơn, có lần thì không... Chỉ biết chạy lên chủ tịch và công an thôi chứ có biết mô mà chạy. Tôi chỉ biết nhờ Chủ tịch hay Công an giúp đỡ. Chỉ biết chủ tịch lo đời sống của nhân dân còn công an lo an ninh thôi chứ đâu mà chạy nữa. Sau này vô đoàn thể rồi thì học hỏi được nhiều, họ cũng bảo vệ mình. Chị phụ nữ cũng dặn là khi bị bạo lực phải báo khối trưởng trước. Nếu không dàn xếp được thì mới gọi công an” (Nạn nhân ở Nghi Hòa, Nghệ An).

39 Điều 17, Luật PC BLGD.

Những rắc rối do sự phức tạp của các thủ tục pháp lý xử lý BLGD không chỉ gây khó khăn cho nạn nhân bị bạo lực mà còn gây lúng túng ngay cả cho những người có thẩm quyền giải quyết BLGD tại địa phương trong việc làm hồ sơ để truy cứu trách nhiệm của người vi phạm.

“Chính quyền xã chỉ thực hiện các biện pháp can thiệp và hỗ trợ cho phụ nữ bị bạo lực khi phụ nữ bị bạo lực hoặc gia đình họ thông báo hoặc có đơn yêu cầu. Thực tế là chính quyền xã khó can thiệp vì phần đông các gia đình chọn giải pháp “đóng cửa bảo nhau” - (Cán bộ xã Dương Phong, Bắc Kạn).

“Chu trình thủ tục rườm rà. Nếu cứ theo đúng thủ tục thì có khi can thiệp không kịp thời cho người bị hại. Hồ sơ xử lý quá phức tạp. Đầu tiên, nạn nhân phải có đơn. Sau đó, phải lập các biên bản xác minh lời khai, chứng cứ, có chữ ký của nhân chứng... Nhiều hồ sơ quá. Nếu như không đủ hồ sơ thì không xử phạt được. Có trường hợp công an đã làm hồ sơ xong, nhưng khi tư pháp xác minh thấy thiếu lại bỏ. Hai ngành chưa khớp với nhau nên thôi luôn”. - (Công an viên, Vĩnh Bình, Bến Tre).

Hộp 6: Trường hợp 3

Bà S là một trong số ít các nạn nhân đã thoát khỏi BLGD. Tuy nhiên, câu chuyện của bà cho thấy những khó khăn khi tự mò mẫm trong chuỗi công lý để được bảo vệ kịp thời.

Lấy nhau được 2 năm thì chồng bà S bắt đầu nghiện rượu và thường xuyên đánh đập vợ. Ban đầu vì xấu hổ, bà không dám nhờ mọi người can thiệp. Nhưng sau này bị đánh quá nhiều, bà phải chạy sang nhờ gia đình chồng can ngăn. Gia đình chồng hợp gia đình để phân xử đúng sai nhưng ông S vẫn chứng nào tật nấy. Khuyên mãi không được rồi họ cũng thôi. Có lần bị đánh đau quá bà S về nhà bố mẹ đẻ. Anh, chị, em bà biết chuyện đã cảnh cáo và thậm chí còn đập cho ông một trận. Ông không sợ, đánh lại và còn dọa nếu bà còn báo cho anh, chị, em thì sẽ không cho bà quay lại nhà nữa.

Lần đầu tiên bà S chạy thẳng đến báo công an là vì chồng đập tợn quá. Sau khi được báo, công an xuống và còng ngay còng số 8 bắt ông lên phường và phạt dọn vệ sinh. Về nhà ông càng đập bà tợn hơn vì ông cho rằng bà dám bêu xấu ông. Về sau, mỗi khi bị bạo hành bà S chạy báo cho trưởng thôn và chi hội phụ nữ để họ đến hòa giải. Nếu không can ngăn được thì trưởng thôn sẽ báo cho công an xã xuống giải quyết. Bà S đã phải báo công an và UBND xã đến vài chục lần. Sau nhiều lần xử lý mà ông S vẫn chứng nào tật ấy, phía công an và chính quyền dần cũng nản, họ cũng không muốn xuống nữa.

Trong hơn 20 năm sống chung, bà S đã phải chịu không biết bao nhiêu đòn roi của chồng. Năm 2007 bà bị chồng đánh tới mức gãy xương, phải nằm bệnh viện hơn một tháng. Lúc đó bà cảm thấy rất căm thù chồng, chỉ muốn kêu công an cho chồng đi tù nhưng vì không muốn các con buồn, xấu hổ, một lần nữa bà giấu nỗi đau trong lòng và nhận là bị ngã.

Đầu năm 2012, trong khuôn khổ dự án “Phòng chống BLGD”, bà S được Hội phụ nữ khuyến khích và được mời vào CLB chống bạo lực. Ban đầu bà S không dám tham gia. Đầu năm 2012, sau khi dự các buổi sinh hoạt của CLB, thấy hoạt động của CLB vui, có nhiều ích lợi nên bà S đã tham gia. Ý thức hơn về quyền bình đẳng, bà S bắt đầu phản kháng khác trước đối với các hành vi bạo lực của chồng. “*Tôi nhin ông là vì con chứ tui là tui không thua kém ai đó nhé. Giờ tui không chịu nhin nữa. Ông đập tui 1 trận thì tui đập cho ông 15 trận*”. Ông S quá bất ngờ trước hành động của bà. Sau đó, HPN và CCB đã kịp thời xuống hòa giải 2 vợ chồng, động viên ông tham gia “CLB tự lực” cho nam giới gây bạo hành. Ông S đồng ý tham gia CLB. Đến nay ông đã thay đổi rất nhiều, luôn quan tâm chăm sóc vợ và không còn đánh vợ.

b) Các yếu tố cản trở việc tiếp cận công lý của phụ nữ bị bạo lực

BLGD có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng đối với phụ nữ nhưng vẫn có không ít phụ nữ chấp nhận “*đóng cửa bảo nhau*” hay im lặng và sống chung với nó mà không tìm kiếm sự trợ giúp để tiếp cận công lý. Thông tin thu được từ các buổi thảo luận và phỏng vấn sâu ở cả 4 địa bàn nghiên cứu cho thấy, các giá trị văn hóa truyền thống hình thành khuôn mẫu là nền tảng để nạn nhân chấp nhận và chịu đựng bạo lực. Im lặng và chịu đựng được xem như là cách để ngăn chặn bạo lực leo thang hoặc để bảo toàn danh tiếng gia đình và các mối quan hệ với cộng đồng, mặc dù nó không giải quyết được cũng như không thay đổi được những nguyên nhân sâu xa của bạo lực. Trong thực tế, việc giữ im lặng về tình trạng bạo lực chỉ có thể làm trầm trọng thêm tình hình, bởi vì bản chất của bạo lực là quyền lực và kiểm soát. Vai trò giới hiện nay trong các gia đình đặt phụ nữ vào thế bất lợi và đòi hỏi nam giới thể hiện quyền lực và khả năng kiểm soát các thành viên khác trong gia đình.

Hợp pháp hóa bạo lực như một hình thức trừng phạt

Sự im lặng và cam chịu bạo lực của phụ nữ trước hết có nguồn từ các quan niệm và giá trị truyền thống về vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Thông tin từ các địa bàn nghiên cứu cho thấy, phần đông phụ nữ khi được hỏi vẫn cho rằng phụ nữ cần dịu dàng, mềm mại, nhẫn nhịn, kín đáo và sau khi lấy chồng, phụ nữ về nhà chồng thì phải tôn trọng, nhường nhịn và phục tùng chồng vì chồng là chủ gia đình, thể diện của gia đình. Chính vì vậy, một số phụ nữ quan niệm rằng hành vi bạo lực trong một số trường hợp là có thể chấp nhận được, chẳng hạn như trong quan hệ vợ chồng thì vợ phải phục tùng chồng, nếu vợ mà ‘có lỗi’ hoặc vợ không chiều theo ý muốn của chồng thì chồng có thể đánh để dạy vợ.

“Chị không muốn nói với ai chuyện ấy [chuyện chồng đánh]... Anh ấy sai nhưng cũng tại vì tại chị nói lắm, lại nói trước mặt nhiều người khiến anh mất thể diện nên anh ấy đánh” – (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Thông tin từ các địa bàn nghiên cứu cũng cho thấy, cho đến nay, dù nơi cư trú là ở đô thị hay nông thôn hay miền núi thì xã hội vẫn mong đợi người phụ nữ giữ gìn hạnh phúc gia đình - “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”. Do vậy, khi trong gia đình có chuyện xích mích, người phụ nữ

thường bị đổ lỗi là người gây rắc rối và BLGD là một trong những rắc rối đó: “Xấu chàng, hổ ai”. Điều này ngăn cản phụ nữ bị BLGD nói ra vấn đề của họ và họ phải tiếp tục chịu đựng.

Áp lực xã hội trong việc giữ thể diện gia đình

Đa số phụ nữ từng bị bạo lực cho rằng BLGD là xấu, nên họ không muốn nói ra tình trạng bị bạo lực của mình vì họ muốn giữ thể diện cho gia đình. Nếu họ nói ra, họ sẽ “làm con cái xấu hổ với bạn bè nó”, “làm mất sĩ diện của chồng”, “làm mất hình ảnh của chồng”, “khiến chồng thêm tức giận”.

“Có người ác cảm với gia đình có BLGD lắm đó. Họ nói lấy chi mà lấy cái người đó, nếu mà mình lấy chắc mình cũng bị chửi cả đời. Có người họ nói ra, có người họ không nói ra nhưng mà mình cảm thấy cũng bị rầy lắm. Đưa ra pháp luật chính quyền, họ không nói thôi chứ nói đến (BLGD) là tự mình cảm thấy xấu hổ lắm”- (Nạn nhân ở Nghi Hòa, Nghệ An).

“Chuyện trong nhà (bị chồng đối xử tệ) cũng không muốn nói ra. Nói ra xấu hổ lắm. Người ta biết, người ta nghĩ mình chẳng ra gì”- (Nạn nhân ở An Khánh, Bến Tre).

“Gia đình mà cãi chửi nhau thì có gì là hay đâu. Người ta biết người ta cười cho, bố mẹ lớn tuổi rồi biết sẽ buồn, con cái thì chúng nó xấu hổ với bạn bè của chúng nó. Có cái gì đáng tự hào đâu mà nói... Vì thế, nhiều lần nghĩ cũng nhục lắm chứ chồng đánh cho thâm tím mặt mày mà cứ phải nhận là mình bị ngã” – (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Đối với những phụ nữ bị bạo lực tình dục, giữ im lặng được coi là giải pháp tốt hơn cả bởi vì họ quan niệm “Tình dục là việc riêng tư chỉ giữa vợ với chồng”, “tình dục là điều cấm kỵ, không nên nói ra”, “việc thỏa mãn chồng thỏa mãn chồng là trách nhiệm của người vợ, nói ra xấu hổ lắm”.

Lo sợ bạo lực tăng thêm

Ngoài ra, phụ nữ lo sợ việc nói chuyện trong nhà ra với người ngoài, ngay cả với những người có thẩm quyền thì vẫn không giải quyết được vấn đề của họ mà thậm chí có thể khiến cho người chồng thêm tức giận, cư xử tệ hơn, hạnh phúc gia đình tan vỡ.

“Nói ra, mọi người biết chuyện lão [chồng] cũng thấy xấu hổ chứ. Về nhà lão lại trút giận lên mình thôi. Tốt nhất là không nói ra. Lão mà đánh thì tránh đi thôi” (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An)

“Nó [chồng] không biết thì không sao, chứ nếu nó biết mình kiện nó thì nó càng có cơ về gây gổ, đánh đập mình. Cứ đến đêm nó đóng cửa đánh mình thì lúc đấy ai cứu” (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Thiếu tin tưởng vào hệ thống tư pháp

Im lặng là ‘giải pháp’ thường được phụ nữ bị bạo lực chọn, nhất là khi mà họ không tin rằng công an hay hệ thống tư pháp, các cơ quan chức năng, mà phần lớn là nam giới, có thể ngăn chặn tình trạng bạo lực hoặc có thể giúp đỡ, bảo vệ họ.

“Em không kể cho ai cả (việc bị chồng đánh). Vì em nghĩ một điều nhin chín điều lành. Em không ra chính quyền vì em không thấy tin họ. Em muốn tự giải quyết và không muốn làm to chuyện. Em nghĩ mình sống cho con và vẫn còn thương chồng. Em cũng sợ chồng em bị tổn thương khi đưa ra pháp luật. Em xem tivi nên biết rằng khi đưa ra công an họ sẽ phạt” (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Trong những trường hợp khác, các nạn nhân mất đi sự tin tưởng vào hệ thống pháp lý sau khi họ đã cố gắng tìm kiếm sự bảo vệ và không được đền bù:

“Chồng đánh vợ thường đóng cửa đánh vợ buổi đêm. Khi được báo thì mọi việc đã xảy ra lâu rồi, rất khó thu được chứng cứ và không có ai để làm nhân chứng” - (Công an viên, Dương Phong, Bắc Kạn).

Cũng cần lưu ý rằng kết quả từ các dữ liệu định tính cho thấy nhận thức của các cán bộ địa phương cũng khá hạn chế về các vấn đề bình đẳng giới, về bạo lực gia đình và về Luật PC BLGD. Một số cán bộ địa phương tỏ ra rất định kiến giới và khẳng định đây không phải là bạo lực gia đình nếu *“đánh đập vợ một lần thì không phải là BLGD”*; *“nếu đánh đập vợ nhưng chưa gây thương tích quá nặng cũng không phải là BLGD”*, *“BLGD là vấn đề riêng tư nên giải quyết trong gia đình”*... Điều này ảnh hưởng không tốt đến việc tìm kiếm hỗ trợ của nạn nhân và tạo ra tác động tiêu cực tới bản thân người phụ nữ.

Sợ hậu quả không lường trước được của việc ly hôn

Việc thực thi công lý càng trở nên thách thức khi phụ nữ cân nhắc hậu quả của ly hôn và sợ mất đất đai, tài sản khác và/hoặc quyền nuôi con. Bản thân chị em luôn bất lợi trong các cuộc tranh chấp về phân chia tài sản và quyền nuôi con trong quá trình làm thủ tục ly hôn, đặc biệt là khi thiếu danh chính và/hoặc cơ sở pháp lý về hôn nhân.

“Tình trạng bạo lực của tôi đến giờ vẫn chưa được chấm dứt. Tôi cũng đã nhờ đến sự giúp đỡ của chính quyền rồi đấy nhưng mà vẫn chưa hiệu quả. Tôi cũng không ly hôn được vì tôi với ông lấy nhau có đăng ký đâu... Đất đai là của tôi, tôi với ông ấy chỉ về sống chung. Ông ấy đến ở trên đất của tôi mà giờ cứ nhận là đất của ông ấy, rồi đuổi tôi đi” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

“Em không muốn báo lên chính quyền, vì nếu ảnh (chồng nạn nhân) làm căng, đòi ly hôn thì em không có nhà để ở. Nhà cửa giờ là của anh hết, em mà ra đi thì chỉ có hai bàn tay trắng” - (Nạn nhân ở Vĩnh Bình, Bến Tre).

Đặc biệt, phụ nữ thuộc nhóm dân tộc thiểu số phụ thuộc lớn vào chồng vì đất đai và nhà cửa đều đứng tên chồng, mặc dù có thể phụ nữ là người kiếm thu nhập chính trong gia đình. Hơn nữa, không phải tất cả các cuộc hôn nhân đều có đăng ký. Do đó, phụ nữ đặc biệt dễ bị tổn thương trong việc phân chia tài sản và giành quyền nuôi con khi ly hôn.

Hộp 7: Trường hợp 4

Câu chuyện của chị H cho thấy các giá trị truyền thống lỗi thời là nhân tố cản trở phụ nữ bị bạo hành tìm kiếm công lý. Những giá trị đó phép nam giới sử dụng bạo lực như là công cụ khẳng định quyền lực, buộc phụ nữ phải phục tùng và chấp nhận bạo lực. Các giá trị này cũng buộc phụ nữ phải chịu đựng và che giấu bạo lực qua việc hy sinh sự an toàn của bản thân và ngăn cản họ tìm kiếm sự giúp đỡ để giữ “yên ổn” cho gia đình.

Chị H là người dân tộc Tày. Nhà nghèo, đông anh em nên nghỉ học từ năm lớp 7. Năm 17 tuổi, H lấy chồng. Sau một năm về làm dâu nhà chồng thì gia đình chồng chia cho một mảnh đất để vợ chồng chị làm nhà ra ở riêng. Như những người đàn ông khác ở địa phương, chồng chị suốt ngày rượu chè. Hể chồng đi uống rượu về mà H không phục vụ theo ý chồng là bị chồng chửi, đũa, đánh.

Việc chị bị đánh không ai biết vì nhà chị ở xa. Chị cũng không muốn nói cho ai biết vì nghĩ một điều nhin, chín điều lành. Nhưng vì bị đánh nhiều quá nên chị đã gọi cho bố mẹ chồng nhờ ông bà khuyên bảo. Bố chồng không nói gì, mẹ chồng chỉ nói “nhìn hàng xóm mà sống”. Có lần vì bị đánh đau quá, chị H phải về nhà bố mẹ đẻ một tuần. Biết chuyện nhưng bố mẹ chị cũng chỉ bảo “nên nhin”. Chị không nói cho mọi người vì lo sợ chồng sẽ lại làm to chuyện. Hơn nữa, dù có báo thì họ cũng không giúp được vì chồng chị toàn đánh chị vào lúc nửa đêm và công an có đến thì cũng đã quá muộn. Chị cũng sợ nếu đưa ra pháp luật thì chồng sẽ bị phạt, thế là chị quyết định tự giải quyết vấn đề của mình. Mối quan hệ của vợ chồng chị không được cải thiện mà ngày càng xấu đi.

Cuộc sống của chị cứ thế trôi qua trong bạo lực suốt bốn năm mà không bất kỳ can thiệp hay giúp đỡ nào từ chính quyền. Đã có lúc chị H muốn ly dị, song nghĩ tới con chị lại cố gắng chịu đựng với hy vọng một ngày nào đó chồng sẽ thay đổi.

4.1.3. Giải quyết các vụ bạo lực gia đình

a) Hệ thống pháp lý phi nhà nước

Nhờ tốc độ sự phát triển kinh tế xã hội khá nhanh ở Việt Nam, ảnh hưởng và vai trò của luật tục dần thay đổi và không còn phù hợp và đang dần được thay thế bằng hương ước và pháp luật của Nhà nước. Mặc dù không có luật tục cụ thể nào quy định biện pháp cụ thể để giải quyết bạo lực gia đình nhưng ảnh hưởng của hệ thống pháp lý phi nhà nước thông qua các giá trị phụ hệ truyền thống vẫn tồn tại, tác động trực tiếp đến sự tiếp cận công lý của phụ nữ bị BLGD.

Những thông tin thu được từ nghiên cứu tại bốn địa bàn cho thấy quan niệm chung ở đây là BLGD là vấn đề của gia đình và nên được giải quyết trong phạm vi gia đình. Tuy nhiên, việc giải quyết như vậy lại thường định kiến đối với phụ nữ. Theo đó, người ta cũng thường tin rằng không nên đưa các vụ việc BLGD ra bên ngoài, và phụ nữ bị BLGD nên nhường nhịn chồng và tiếp tục chịu đựng bạo lực để duy trì hạnh phúc, yên ấm cho gia đình. Những giá trị truyền thống này không chỉ tác động đến cách mà các nạn nhân đối phó với tình trạng bạo lực, mà còn ảnh hưởng đến cách hỗ trợ nạn nhân của các thành viên khác trong cộng đồng.

Sự can thiệp của gia đình và họ hàng

Gia đình và họ hàng là những đối tượng đầu tiên mà phụ nữ bị bạo lực mong muốn tìm đến để tìm kiếm sự giúp đỡ. Thông tin thu được từ cả bốn địa bàn đều cho thấy đối với phụ nữ thì gia đình và họ hàng là chỗ dựa tin cậy nhất của họ bởi vì mối quan hệ này được hình thành dựa trên các ràng buộc cả về huyết thống, tình cảm và pháp lý. Tuy nhiên, do quan niệm “*Đi lấy chồng thành người của nhà người ta*” nên sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ và anh, chị, em là hạn chế. Hệ quả là, khi bị bạo lực, phụ nữ thường thông báo và tìm kiếm sự giúp đỡ từ gia đình chồng mà ít khi tìm kiếm sự giúp đỡ từ bố mẹ đẻ và anh, chị, em ruột.

“Ông ấy cứ rượu vào là đánh. Mà ngày nào cũng rượu. Có khi đang ngồi ăn cơm yên lành thế này thế là lại có thể gây sự ngay được. Bắt đầu quăng bát, quăng đĩa rồi xông vào túm cổ, giật tóc tôi để đánh. Hệt như là mượn rượu để gây chuyện ấy. Lúc đấy thì mình chỉ chạy đi thôi. Sau đấy tôi cũng chỉ nói với anh em nhà ông ấy thôi chứ nói gì với bố mẹ mình. Nói ra (cho bố mẹ mình) thì có giúp được cho mình đâu. Lại làm cho bố mẹ mình buồn, lo lắng thêm ra” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

“Về nhà chồng rồi thì bố mẹ (đẻ) không thể can thiệp vì có ở chung đâu mà có ý kiến. Có nói đúng thì họ [chồng và gia đình chồng] cũng lại bảo là bênh con” (Nạn nhân ở An Khánh, Bến Tre).

Trên thực tế, cũng có những trường hợp mà ngay cả người thân trong gia đình và họ hàng cũng sợ bị liên lụy nên không can thiệp.

“Cách đây 2 năm, chồng em lôi em ra đánh. Lúc đó vì chồng chưa đóng cửa nên em chạy ra ngoài thoát được. Em đến nhà chú chồng, khi ấy chú còn là lãnh đạo xã, nhờ chú giúp nhưng nghe xong chú ấy chỉ nói việc trong gia đình về tự giải quyết nội bộ đi. Một vài lần sau đó, bị chồng đánh không biết nhờ cậy ai, em lại chạy qua nhà chú nhưng chú không ra mở cửa” (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Sự can thiệp bằng động viên, khuyên nhủ, hoà giải của gia đình và họ hàng sau khi bạo lực xảy ra phổ biến hơn. Những lời khuyên thường là động viên người vợ, góp ý cho người chồng nhằm hướng tới giải quyết vấn đề bạo lực trong nội bộ gia đình, chứ không khuyến khích phụ nữ bị bạo lực tìm kiếm trợ giúp từ bên ngoài hay chính quyền. Trong một số trường hợp, gia đình tổ chức họp mặt gia đình để khuyên nhủ, góp ý, giáo dục và yêu cầu người có hành vi bạo lực cam kết thay đổi, không còn hành vi bạo lực với vợ nữa.

“Gia đình cũng tổ chức họp gia đình để góp ý nhưng đâu cũng vào đó. Thậm chí đến mức tuyên bố dòng họ này không có ai như thế. Nếu không nghe [vẫn còn đánh đập vợ, con] thì từ nay về sau từ luôn, không có liên quan, dính dáng gì nữa” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Do quan niệm “*thuyền theo lái, gái theo chồng*” nên nạn nhân của BLGD gặp bất lợi trong tìm kiếm sự giúp đỡ từ gia đình và họ hàng. Sự giúp đỡ từ bố mẹ đẻ và anh, chị, em ruột rất hạn chế bởi chuẩn mực văn hóa, nên họ phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ phía gia đình nhà chồng. Tuy nhiên, gia đình chồng lại có xu hướng bênh vực con trai mình và khuyên chị em bị bạo lực im lặng. Bất cứ việc tố cáo chồng ra chính quyền là không thể chấp nhận được.

“Nếu chịu nhịn thì được gia đình chồng đánh giá là biết điều, bên vục. Nói ra thì gia đình chồng mất thể diện, họ quay lưng với mình ngay. Bao giờ họ chẳng bên con họ. Lúc đấy họ có thể làm bất kể điều gì với mình” - (Nạn nhân ở Vĩnh Bình, Bến Tre).

“Lúc trước tôi đã muốn làm đơn ly dị, thái độ của nhà chồng khác ngay. Họ chuyển ngay sang gọi mình là con nọ, con kia, Thậm chí họ có thể lập tức vu oan, đặt điều cho mình. Người nhà họ thì họ phải bên chứ.” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Do thiếu hiểu biết về pháp luật và bị chi phối bởi các giá trị văn hoá, phong tục, tập quán truyền thống nên gia đình và họ hàng thường khuyên nhủ phụ nữ chấp nhận thiệt thòi và thậm chí còn đổ lỗi cho phụ nữ đã không biết cách cư xử, chứ không trách cứ người chồng gây bạo lực.

*“Vợ chồng cãi chửi, đánh nhau là việc riêng nên giải quyết trong nội bộ gia đình”,
“Chồng thì cũng có lúc này lúc kia sai nhưng làm vợ thì nên nhường nhịn chồng”,
“làm vợ thì nên nhẹ nhàng, phải trái thế nào cũng phải biết nhường nhịn chồng”,
“phụ nữ phải chịu thiệt thòi hơn, phải nhẫn nhịn để khỏi xảy ra xô xát”.*

Trong những tình huống như vậy, sự khuyên nhủ và hoà giải của gia đình và dòng họ không giúp họ giải thoát khỏi bạo lực mà lại tạo thêm bất công đối với họ.

Sự tham gia giải quyết của bạn bè và hàng xóm

Sự can thiệp bạo lực và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng từ phía bạn bè và hàng xóm còn hạn chế và ở các địa bàn khác nhau thì mức độ hỗ trợ của bạn bè và hàng xóm cũng khác nhau. Tại Dương Phong (Bắc Kạn), ý kiến của chị em phụ nữ cho thấy sự hỗ trợ từ hàng xóm bao gồm việc can ngăn lúc xảy ra căng thẳng và khuyên giải sau khi bạo lực chấm dứt. Tuy nhiên sự can ngăn hành vi bạo lực có phần hạn chế vì người dân cư trú không tập trung, phần đông người dân có quan điểm cho rằng “việc nhà ai, nấy lo”. Họ cũng có xu hướng né tránh hay không muốn giúp đỡ bởi vì sợ bị liên lụy, bị ảnh hưởng, nhất là khi người có hành vi bạo lực đang trong tình trạng say rượu hay lên cơn nghiện ma tuý:

“Khi đang say rượu thì đừng có làm gì. Việc nhà nó, nó tự giải quyết. Nói gì, làm gì là nó cũng gây sự luôn với mình. Lúc đấy thì chỉ có nên lờ đi hay tránh đi thôi”.

Đối với Bến tre và Nghệ An, ý kiến của các chị em cho thấy không ít trường hợp “thường chỉ đứng xem, không muốn can dự vào việc của người khác”, “ít khi hàng xóm can dự vì cũng sợ bị liên lụy”, nhưng bên cạnh đó cũng có hàng xóm tích cực không chỉ can ngăn các hành vi bạo lực và hoà giải sau bạo lực mà hàng xóm còn giúp tư vấn về thủ tục pháp lý và cung cấp những hỗ trợ cần thiết khác:

“Họ [hàng xóm] khuyên mình sao không đi lên công an để người ta bảo vệ cho mình” hay “hàng xóm giúp mình, cho mình trốn, đến bữa cho ăn nhưng phải giấu vì sợ chồng biết thì sẽ phá phách” - (Nạn nhân ở Nghi Hòa, Nghệ An).

Rất nhiều chị em được phỏng vấn nói là họ thường tìm đến bạn bè nhờ giúp đỡ sau khi bạo lực xảy ra để nhận được chia sẻ và động viên, như là: “nên nhịn đi”, “phụ nữ phải nói ít hơn, nếu không bị đánh đập cho là phải”. Những lời khuyên đó không giải quyết được hành vi của người gây bạo lực.

Hộp 8: Câu chuyện về bạo lực gia đình và rượu

Dữ liệu định tính cho thấy nhiều người tin rằng uống rượu gây ra bạo lực gia đình và không thể làm gì khi một người say rượu. Tuy nhiên, nghiên cứu khẳng định rằng nhiều người đàn ông đánh vợ không uống rượu say. Rượu có thể là một cái cớ của bạo lực nhưng nó không phải là nguyên nhân của bạo lực. Như đã nói, bạo lực gia đình đối với phụ nữ bắt nguồn từ mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ và được sử dụng để duy trì quyền lực và kiểm soát phụ nữ.

Sự tham gia giải quyết của những người có uy tín trong cộng đồng

Khi bạo lực xảy ra, phụ nữ thường tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có uy tín trong cộng đồng, bao gồm già làng, trưởng bản, trưởng họ và những người đứng đầu tôn giáo. Các thông tin thu được từ các địa bàn nghiên cứu cho thấy vai trò điều hành các mối quan hệ trong cộng đồng, dòng họ và gia đình của những người có uy tín như già làng, trưởng bản, trưởng họ tộc đang giảm dần một phần là do quá trình phát triển kinh tế xã hội. Vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ tộc chủ yếu nhằm duy trì các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, hòa giải và can thiệp các mâu thuẫn chủ yếu liên quan đến tranh chấp về đất đai và sử dụng tài nguyên. Đối với các cá nhân, họ giống như những hình ảnh lưu giữ quá khứ, truyền thống của ông bà tổ tiên mà ít can thiệp trực tiếp vào vấn đề của từng gia đình. Theo ý kiến của các chị em, trong một số trường hợp được nhờ cậy can thiệp thì già làng, trưởng bản, trưởng họ tộc sẽ lắng nghe, phân tích đúng sai và đưa ra khuyến bảo thiết thực bởi vì họ hiểu rõ hoàn cảnh xảy ra bạo lực.

Đối với cộng đồng công giáo, mặc dù các giáo lý công giáo khẳng định sự bình đẳng nam nữ và phản đối các hành vi BLDĐ nhưng điều này không đương nhiên đảm bảo công lý cho phụ nữ. Sự tuân thủ các giáo lý mang tính tự nguyện và sự vi phạm không bị xử phạt. Hơn nữa, sự can thiệp của nhà thờ đối với các vụ BLDĐ chỉ thông qua các biện pháp khuyên nhủ, hòa giải. Ly dị mặc dù có thể được chấp nhận trong trường hợp có bạo lực, song nhìn chung không được khuyến khích vì giáo lý công giáo đề cao hôn nhân vĩnh viễn.

“Mình theo đạo nên có lần bị ảnh chửi và đuổi đi thì mình đến gặp cha [cha đạo] để nhờ cha gặp gỡ, khuyên giải ảnh. Khi gặp thì cha cũng có hỏi chuyện, phân tích và khuyên nhủ” (Nạn nhân ở Vĩnh Bình, Bến Tre).

Ảnh hưởng của hệ thống pháp lý phi nhà nước thông qua các giá trị và chuẩn mực phụ hệ truyền thống vẫn đang tồn tại và có ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng tiếp cận công lý của nạn nhân. Thông tin thu được từ 4 địa bàn nghiên cứu cho thấy rằng mọi người nói chung nghĩ rằng BLDĐ là vấn đề riêng của gia đình và cần được giải quyết trong nội bộ gia đình, chứ không nên đưa ra tòa. Tuy nhiên, giải quyết bạo lực ở mức này thường có định kiến đối với phụ nữ. Cộng đồng thường mong đợi nạn nhân nhượng bộ chồng và chịu đựng bạo lực để giữ hòa khí và hạnh phúc gia đình, trong khi người gây bạo lực thì không bị trừng phạt. Các giá trị truyền thống không chỉ tác động lên cách mà phụ nữ và đương đầu với bạo lực, mà còn ảnh hưởng tới quan niệm và hành vi của cộng đồng trong việc hỗ trợ nạn nhân.

b) Hệ thống pháp lý có tính Nhà nước

Sự tham gia giải quyết của những người đứng đầu khu vực dân cư

Nghiên cứu ở 4 địa bàn cho thấy người đứng đầu khu vực dân cư có vai trò quan trọng trong hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực tiếp cận công lý. Do trực tiếp quản lý địa bàn nên họ hiểu rõ điều kiện của từng gia đình và thường can thiệp ngay từ khi bạo lực xảy ra. Tuy nhiên, rất nhiều người đứng đầu khu vực dân cư thường là nam, do đó, nhiều phụ nữ thấy không thoải mái khi nói với họ về hoàn cảnh của mình.

“Trưởng thôn là đàn ông; tôi là đàn bà nên khó nói chuyện. Tôi ngại nói chuyện với ông ấy về hoàn cảnh của tôi.”

Đối với những trường hợp mà BLGD đang diễn ra thì người đứng đầu khu vực dân cư sẽ đứng ra khuyên giải, can ngăn, làm dịu tình hình và cách ly các đối tượng. Các biện pháp mạnh như răn đe, áp giải đối tượng hiểm khi được áp dụng vì theo luật, các biện pháp này thuộc thẩm quyền cấp xã/phường xem xét và ra quyết định. Trong trường hợp người đứng đầu khu vực dân cư nhận được yêu cầu trợ giúp sau khi BLGD đã xảy ra thì người đứng đầu khu vực dân cư phối hợp với tổ hoà giải tiến hành khuyên nhủ, hoà giải mâu thuẫn. Sau khi được hoà giải và nhắc nhở mà người có hành vi bạo lực vẫn tiếp tục vi phạm thì người đứng đầu khu vực dân cư có thẩm quyền đưa ra góp ý hay kiểm điểm công khai tại khu vực dân cư. Do người gây bạo lực và người đứng đầu cùng sống trong khu dân cư, nên việc này ít khi xảy ra. Thay vì góp ý và kiểm điểm, sự việc BLGD thường chỉ được nêu ra một cách gián tiếp, không đầy đủ trong các cuộc họp của khu dân cư. Tuy nhiên hợp biện pháp xử lý này lại không có tác dụng do tiến hành góp ý, nhắc nhở trong khi không có mặt đối tượng cần phê bình, góp ý.

Khi hành vi bạo lực tái diễn nhiều lần hoặc gây ra hậu quả nghiêm trọng thì người đứng đầu khu vực dân cư sẽ hướng dẫn cho phụ nữ bị bạo lực cách tiến hành các thủ tục pháp lý tiếp theo.

“Hôm vừa rồi chồng chị đánh chị, mọi người biết báo nên có anh trưởng thôn đến can ngăn không cho anh ấy đánh chị nữa. Anh ấy (trưởng thôn) cũng bảo nếu hai vợ chồng không giải quyết được thì đưa lên công an chứ cứ đánh đấm nhau thế này làm ảnh hưởng đến khu xóm” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Sự tham gia giải quyết của Hội phụ nữ

Vai trò của cán bộ phụ nữ cộng đồng tham gia giải quyết BLGD là nâng cao nhận thức của người chồng và người vợ về BLGD, khuyên và hòa giải họ. Tuy nhiên, tại các địa bàn khác nhau, sự tham gia của cán bộ phụ nữ là khác nhau. Tại Bến Tre và Nghệ An (nơi có dự án về phòng, chống BLGD), chị, em phụ nữ có nhận xét khá tích cực về sự hỗ trợ của cán bộ phụ nữ cơ sở. Họ *“là người đầu tiên nắm bắt thông tin và can thiệp”, “trực tiếp hòa giải cho cả hai bên”, “thường xuyên tập huấn nâng cao kiến thức, cung cấp địa chỉ tin cậy và hướng dẫn các thủ tục pháp lý”.*

“Tôi bị bạo lực mấy mươi năm nay quen rồi... hồi đầu bị thương đến bệnh viện huyện không dám nói mình bị chồng đánh, người ta hỏi là bảo bị ngã... đây này, cái chân bây giờ vẫn còn sẹo và bị đau... phải đến gần đây khi chương trình dự án về mới biết là không nên giữ nữa. Cần phải nói ra và cần phải nhờ cán bộ hội giúp đỡ” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Một số phụ nữ cho rằng việc nói câu chuyện của mình với các cán bộ nam giới là không dễ dàng. Tuy nhiên, bản thân cán bộ nữ cũng có những sự định kiến nhất định. Thông tin thu được qua thảo luận nhóm phụ nữ tại Dương Phong cho thấy, cán bộ phụ nữ tham gia hòa giải, tư vấn nhưng còn thiếu về kiến thức và yếu về kỹ năng. Họ chủ yếu tư vấn, hoà giải dựa vào nhận thức và kinh nghiệm sống của bản thân vốn cũng chịu ảnh hưởng từ các quan niệm văn hóa truyền thống. Không ít cán bộ chi hội phụ nữ đưa ra lời khuyên và các giải pháp hòa giải bất lợi cho phụ nữ và thậm chí còn phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Những biện pháp đó, thay vì hỗ trợ họ, còn làm cho nạn nhân cảm thấy có lỗi, thiếu tự tin của nạn nhân.

“Các chị, em cũng nên học cách cư xử cho khéo, không nên làm to chuyện, làm mất mặt chồng. Chuyện giữa hai vợ chồng nên thu xếp giải quyết trong nội bộ gia đình. Nhiều trường hợp BLGD cũng là do lỗi của chị, em. Chồng đang cáu giận thì không nên nói nhiều. Phụ nữ mình phải biết chịu nhịn” - (Cán bộ phụ nữ, Dương Phong, Bắc Kạn).

“Phụ nữ phải chịu thiệt thòi hơn, phải nhẫn nhịn để khỏi xảy ra xô xát. Nếu nhẫn nhịn rồi vẫn không được thì hãy đưa ra tố hòa giải” - (Cán bộ phụ nữ, Dương Phong, Bắc Kạn).

Cũng tại Dương Phong, tham gia giải quyết BLGD với tư cách là người hòa giải và tư vấn, nhưng đáng tiếc là cán bộ phụ nữ lại không được nhìn nhận là địa chỉ tin cậy để chị em tìm đến. Trong một số trường hợp, một số cán bộ nữ cũng là nạn nhân của các hành vi bạo lực.

“Tôi không thông báo cho Hội phụ nữ, vì tôi biết rằng chồng tôi không nghe đâu” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

“Hội phụ nữ chỉ có cán bộ nữ. Bên chính quyền thì toàn là nam giới. Nói với cán bộ nữ dễ hơn, nhưng ai nghe họ chứ. Rất nhiều lần tôi nhờ họ giúp, nhưng họ chả làm được gì cả, lại còn trách tôi nữa chứ” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

“Chị không nói cho bên phụ nữ vì biết họ có nói thì anh ấy cũng không nghe nên chị báo cho trưởng thôn thì anh ấy khuyên thôi nhịn đi, nếu không được thì lúc đó làm đơn yêu cầu công an xã giải quyết” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

c) Hệ thống pháp lý Nhà nước

Sự tham gia giải quyết của Chủ tịch UBND

Chủ tịch UBND xã/phường là người có thẩm quyền lớn nhất trong việc đưa ra các quyết định về xử phạt đối với người có hành vi bạo lực. Sự tham gia của họ được thể hiện thông qua việc mời đối tượng gây bạo lực nên gặp, nói chuyện, khuyên nhủ, phê bình, giáo dục, răn đe và trong những trường hợp cần thiết thì áp dụng các hình thức xử phạt bao gồm phạt lao động công ích, phạt tiền và đưa đi trung tâm giáo dục.

Theo thông tin thu thập được tại bốn địa bàn, sự tham gia của đại diện UBND ở các địa bàn khác nhau rất khác nhau. Ở Nghi Hòa (Nghệ An), người đại diện cho chính quyền tham gia khá tích cực vào việc giải quyết BLGD. Không chỉ dừng ở việc mời đối tượng gây bạo lực nên gặp, nói chuyện, khuyên nhủ, phê bình, giáo dục, răn đe và xử phạt người có hành vi bạo lực mà họ còn hỗ trợ thúc đẩy sự cam kết và sự phối hợp đồng bộ các hoạt động đảm bảo công lý cho phụ nữ

bị bạo lực trong toàn bộ hệ thống hành chính ở cơ sở. Lãnh đạo phường quyết định sử dụng một phần nhỏ ngân sách địa phương để tiếp tục triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng chống BLGD cho người dân sau khi các hoạt động của dự án PC bạo hành giới do CIHP tài trợ được triển khai tại phường kết thúc vào năm 2012.

Trong khi đó, tại Dương Phong, sự tham gia của đại diện UBND xã trong việc giải quyết BLGD ít được phụ nữ đề cập đến. Họ chủ yếu được nhắc đến với vai trò đưa ra các quyết định xử phạt, nhưng việc xử phạt chưa được thực hiện thật sự nghiêm.

“Có trường hợp ông chồng vi có hành vi bạo lực, xã yêu cầu lên gặp chính quyền kiểm điểm nhưng ông không lên. Thông báo 1,2 lần không lên rồi cũng thôi”, “có bà vợ kiện chồng lên chính quyền nhưng đến khi xã yêu cầu chồng lên thì lại bao che”.
- (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Sự tham gia giải quyết của cán bộ phòng Tư pháp, UBND

Các cán bộ Sở tư pháp, phòng tư pháp và cán bộ tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện tư vấn pháp lý cho nạn nhân.⁴⁰ Tuy nhiên, thông tin thu được từ thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu cho thấy các cán bộ tư pháp hiếm khi được nhắc đến. Ở Nghệ An và Bến Tre, những khó khăn liên quan đến thủ tục pháp lý được giải quyết với sự trợ giúp của Hội Phụ nữ và người đứng đầu khu dân cư. Ở Dương Phong, Bắc Kạn, địa bàn có đông phụ nữ dân tộc thiểu số với kiến thức pháp luật hạn chế, phụ nữ cần được hỗ trợ pháp lý để tìm kiếm công lý. Song việc thiếu cán bộ tư pháp tại địa bàn là vấn đề rất đáng quan tâm. Ý kiến của chị em phụ nữ tại bốn địa bàn ghi nhận cán bộ tư pháp có tư vấn pháp lý cho cộng đồng nói chung về thủ tục pháp lý cho cộng đồng và nạn nhân bị bạo lực. Song so với công an, vai trò của cán bộ tư pháp có phần mờ nhạt hơn.

Giống như các cán bộ chính quyền khác, cán bộ tư pháp vẫn còn coi BLGD là vấn đề riêng tư cần được giải quyết trong nội bộ gia đình. Mặc dù họ có kiến thức về pháp lý, họ xem nhẹ các yêu cầu can thiệp của phụ nữ và hỗ trợ cho nạn nhân một cách miễn cưỡng, qua quýt cho xong việc, thiếu trách nhiệm.

“Chị lên (gặp công an, tư pháp) mấy lần nhưng họ bảo việc riêng của gia đình thì nên tự giải quyết, nhịn đi. Họ còn bảo nếu đưa anh ấy ra công an thì sẽ bị phạt tiền. Lần gần đây nhất chị lại làm đơn gửi lên phòng tư pháp nhưng cán bộ tư pháp cũng chỉ nói là sẽ gặp chồng chị khuyên bảo. Chị cũng không biết là anh ấy gặp chồng chị hay chưa.” - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

Sự tham gia giải quyết của đại diện các ban, ngành, tổ chức đoàn thể khác

Đại diện các cơ quan liên quan ở cấp xã như Văn hóa, Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hỗ trợ phụ nữ là nạn nhân BLGD. Tuy nhiên, thông tin thu được từ cộng đồng cho thấy sự hỗ trợ của các cơ quan này hiếm khi được đề cập, nhất là ở Dương Phong (Bắc Kạn) nơi không có dự án phòng chống BLGD. Ngược lại, sự tham gia của đại diện các ban, ngành, tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ nạn nhân BLGD đã góp phần tích cực trong việc phòng chống BLGD ở Bến Tre và Nghệ An.

40 Số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28/4/2009 Nguồn: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=12126>

Theo báo cáo, các hoạt động phổ biến thông tin về BLGD đã được tiến hành nhưng chưa hiệu quả. Một số phụ nữ tuy biết về BLGD và luật PC BLGD nhưng chỉ nắm bắt được một số thông tin cơ bản, và điều quan trọng là họ có được những thông tin này là nhờ đọc sách báo, nghe đài và xem tivi chứ không phải thông qua các hoạt động tuyên truyền hay tư vấn pháp luật của địa phương:

“Chị đọc báo nên biết pháp luật về bảo vệ bà mẹ và trẻ em sẽ bảo vệ chị”, “Em cũng có xem ti vi nên biết phụ nữ và trẻ em có quyền được bảo vệ [khỏi các hành vi bạo lực]. Lúc đầu em không biết nhưng sau xem ti vi em biết”, “Chưa ai nói với em (về BLGD) cả. Em xem ti vi nên em biết”.

Thông tin trao đổi với đại diện của các ban, ngành, đoàn thể cho thấy điều này có thể là do:

“Nội dung tuyên truyền về Luật bình đẳng giới và Luật PC BLGD chỉ được tuyên truyền lồng ghép trong các buổi họp thôn⁴¹, nên chỉ giới thiệu được những vấn đề chung và cung cấp tài liệu cho dân”, “Mời họ (người dân) đến họp thôn rồi kết hợp phổ biến cũng rất khó, không phải lúc nào họ cũng đến đủ”, “Về bình đẳng giới cần tuyên truyền cho cả hai giới nhưng nam giới rất ít khi tham gia”.

Sự tham gia giải quyết của công an

Công an là lực lượng tuyến đầu của hệ thống pháp luật nhà nước và có nhiệm vụ điều tra tất cả các vụ việc bạo lực. Trong thực tế, họ còn tham gia khuyên nhủ, hòa giải và tư vấn pháp. Tuy nhiên, vẫn có ý kiến ở cả bốn địa bàn cho biết trong một số trường hợp, đề nghị của người bị bạo lực vẫn chưa được coi trọng, vì họ quan niệm rằng BLGD là vấn đề cần giải quyết trong nội bộ gia đình. Sự tham gia hiện nay của họ chủ yếu dừng ở việc khuyên giải, can ngăn, làm dịu tình hình và hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ bị bạo lực. Đánh giá về sự tham gia của công an vào quá trình can thiệp giải quyết BLGD, vẫn còn có ý kiến cho rằng sự can thiệp của công an là chưa hiệu quả hoặc các biện pháp hòa giải không bảo vệ được phụ nữ khỏi tình trạng tiếp tục bị bạo lực.

“Gọi điện báo cho công an thì công an có xuống, nhưng xuống đến nơi thì bạo lực xong rồi. Công an xuống nhưng không thu được vũ khí”, “không chấm dứt được hành vi bạo lực”, “chưa sẵn để được người vi phạm”. “Lúc đấy trưởng thôn và công an cũng đến can ngăn và khuyên giải vợ chồng làm hòa với nhau. Họ cũng hướng dẫn thủ tục nhưng mà không hòa giải được, vẫn tiếp tục đánh” (Nạn nhân ở An Khánh, Bến Tre).

Theo báo cáo, lời khuyên của công an không cân nhắc tới sự chênh lệch về quyền lực giữa chồng và vợ không giúp giải quyết gốc rễ của vấn đề BLGD:

“Nhà đấy chồng bạo lực với vợ nhưng tại vợ mềm ghê quá. Chồng nói 1 thì vợ nói 5,6. Chồng vũ phu nhưng vợ cứ nói sa sả nên nó mới điên lên, mới đánh. Chúng tôi cũng tác động cả hai bên, gọi cả vợ và chồng lên. Chồng không được đánh vợ, vợ thì đừng có dạy chồng lúc chồng đang say rượu” - (Công an Dương Phong, Bắc Kạn).

41 Các cuộc họp thôn thường được tổ chức định kỳ 3 tháng/lần. Rất nhiều nội dung được đưa vào trong cuộc họp nên thời gian dành cho tuyên truyền lồng ghép pháp luật thực tế rất ít.

d) Các dịch vụ khác

Sự tham gia giải quyết của nhân viên y tế

Nạn nhân BLGD cho biết hỗ trợ của nhà cung cấp dịch vụ y tế là rất ít ỏi và không dễ tiếp cận. Tại Dương Phong, đã có trường hợp phụ nữ bị bạo lực nghiêm trọng phải nhập bệnh viện tuyến huyện để cấp cứu hay bị chông gây bạo lực tinh thần. Một số chị có các biểu hiện bị ám ảnh, đau đớn, dần vật về tinh thần hoặc phải chịu đựng đồng thời cả bạo lực thể xác, tinh thần, tình dục và/hoặc kinh tế xã hội từ chông là người nghiện chích ma túy nhiễm HIV. Nhưng các nạn nhân cho biết chưa nhận được sự chăm sóc y tế và tư vấn từ cán bộ y tế cơ sở bởi bản thân nạn nhân không nhận biết được hết nhu cầu của họ.

“Bị chông bạo lực thì phải tìm đến công an và chính quyền, chứ không phải là cán bộ y tế. Vì cán bộ y tế thì không liên quan nên em không đến”. - (Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn).

4.1.4. Bảo vệ và đền bù cho nạn nhân BLGD

Sự tôn trọng và bảo vệ quyền của phụ nữ chỉ được đảm bảo khi sự đền bù được coi là quyền hợp pháp và chỉ có ý nghĩa nếu chúng được khẳng định.⁴² Tiếp cận công lý, do đó, là phương tiện để phụ nữ chủ động đòi hỏi quyền con người của mình. Tuy nhiên, không có hoặc thiếu sự bảo vệ và trợ giúp pháp lý sẽ cản trở phụ nữ tiếp cận công lý. Phát hiện của nghiên cứu cho thấy khi phụ nữ bị bạo lực không được bảo vệ, thì họ không thể đòi hỏi quyền lợi của mình một cách hiệu quả. Việc ngăn ngừa bạo lực tiếp diễn đòi hỏi nỗ lực dài hơi và nội dung phỏng vấn sâu cho thấy chỉ có số ít vụ bảo vệ được phụ nữ. Có trường hợp người vợ bị bạo lực trong nhiều năm, sau nhờ sự can thiệp của pháp luật, người chông bị gửi đi trại giáo dưỡng và sau này tình trạng bạo lực được chấm dứt.

“Hồi đó (cách đây gần chục năm), ông nhà tôi thường xuyên uống rượu và hay đánh vợ, đánh con, tôi bực quá, gọi chính quyền đến can thiệp, rồi cho ông đi trại giáo dưỡng 14 tháng. Sau khi ông về, ông thay đổi hẳn, giờ vẫn uống rượu, nhưng không đánh, chửi vợ con nữa, uống xong thì ngủ” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

Trong những trường hợp khác, hiệu quả của việc giải quyết hạn chế hơn vì bạo lực chỉ giảm về tần suất hoặc mức độ chứ không chấm dứt hoàn toàn:

“Tình trạng bạo lực của tôi đến giờ vẫn chưa được chấm dứt, nhưng có thuyên giảm hơn trước. Ngày trước thì 5 hôm ông chửi tôi một lần, đuổi tôi ra khỏi nhà. Giờ thì 20 hôm hoặc một tháng ông chửi tôi một lần. Tôi cũng đã nhờ đến sự giúp đỡ của chính quyền rồi đấy nhưng mà vẫn chưa hiệu quả” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

“Thực ra trường hợp của tôi bạo lực vẫn chưa chấm dứt hẳn dù có nhờ đến chính quyền xã. Khi anh ấy gặp các anh trên phường thì tỏ ra rất biết điều, về nhà vẫn chửi nhau tạt ấy. Có lúc tôi cũng đã nghĩ đến việc ly hôn, nhưng mà tôi không muốn điều đó” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

42 Giải thích khái niệm “Tiếp cận công lý” của Ủy ban CEDAW được đưa ra thảo luận chung tại kỳ họp lần thứ 53 của Ủy ban.

Nhìn chung, phụ nữ bị bạo lực rất khó khăn để tiếp cận công lý và sự can thiệp của chính quyền chưa hiệu quả để bảo vệ họ khỏi bạo lực và chưa xử phạt người có hành vi bạo lực một cách thích đáng. Trong nhiều trường hợp, phụ nữ không nhận được đền bù do yêu cầu họ bị lừa dối hay gián tiếp bị từ chối, trong khi đó họ chỉ nhận được lời khuyên từ gia đình, họ hàng và những người có thẩm quyền ở địa phương như: “nhịn đi”, “việc riêng gia đình về nhà tự giải quyết”, “chồng đang giận, nói nhiều bị chồng đánh cho là phải”.

“Gia đình đã tổ chức họp gia đình để góp ý nhưng đâu cũng vào đó. Thậm chí đến mức tuyên bố dòng họ này không có ai như thế. Nếu không nghe [vẫn còn đánh đập vợ, con] thì từ nay về sau từ luôn, không có liên quan, dính dáng gì nữa đến gia đình, dòng họ nữa. Thế nhưng đâu vẫn vào đó” (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

“Mình theo đạo nên mình có đến gặp cha để nhờ cha gặp gỡ, khuyên giải ảnh [không chửi và đánh vợ]. Khi cha nói thì ảnh có vẻ nghe dữ lắm và muốn thay đổi. Nhưng một thời gian sau thì ảnh lại chứng nào tật nấy. Mình đành chịu đựng thôi chứ bây giờ lại chạy đến cha thì phiền cha lắm, vì cha còn bao nhiêu việc khác chứ đâu phải mỗi việc của mình” (Nạn nhân ở Vĩnh Bình, Bến Tre).

Vì nhiều lý do, các biện pháp can thiệp chưa đủ mạnh để có tính răn đe người có hành vi bạo lực. Trong nhiều trường hợp, qua thông tin được chia sẻ tại phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm lớn, sự hỗ trợ và can thiệp của những người đứng đầu khu dân cư không chấm dứt được bạo lực. Vì thế, vụ việc nên chuyển lên giải quyết ở cấp cao hơn.

Ngay cả những trường hợp có sự can thiệp của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng, nhưng sự an toàn của phụ nữ không được bảo đảm. Nghiên cứu cho thấy các biện pháp xử phạt như cảnh cáo, phạt tiền và phạt lao động công ích là chưa đủ nên không ngăn chặn được bạo lực nảy sinh. Thậm chí, trong một số trường hợp, việc phạt tiền còn có ảnh hưởng tiêu cực, ngăn cản phụ nữ tiếp cận công lý bởi bản thân nạn nhân không muốn trình báo vụ việc do sợ họ sẽ phải nộp phạt tiền cho chồng của họ.

“Nếu mà lên toà án thì chỉ có muốn ly hôn hoặc tranh chấp đất đai.... Lên đó thì cuối cùng mình cũng phải bỏ tiền ra” - (Nạn nhân ở Nghi Hoà, Nghệ An).

“Chồng vi phạm, chúng tôi lập hồ sơ, quyết định phạt tiền 1.500.000 đồng. Xử lý xong rồi thì thấy người vợ cầm tiền lên đưa cho chồng nộp phạt. Xử phạt anh chồng nhưng vẫn là đánh vào kinh tế gia đình họ, người vợ cũng phải gánh chịu. Về nhà ông chồng vẫn tiếp tục đánh vợ nhưng những lần sau thì bà vợ không yêu cầu can thiệp vì sợ phải nộp phạt” - (Công an xã Dương Phong, Bắc Kạn).

“Chồng bạo lực với vợ nếu được hòa giải rồi mà vẫn tái diễn thì sẽ bị đưa ra cuộc họp chung ở cộng đồng nhắc nhở. Nhưng mà khi đi họp thì chỉ có mấy bà vợ đi, mấy ông chồng gây bạo lực thì không đi nên đâu có kiểm điểm, nhắc nhở được gì cho ông ấy” - (Trưởng thôn ở An Khánh, Bến Tre).

“Có trường hợp chồng đánh vợ, hòa giải không được, vẫn tái phạm. Chúng tôi báo cáo lên ủy ban (UBND), xã gửi giấy yêu cầu người chồng lên xã làm kiểm điểm nhưng ông không lên, cứ lấy lý do đi làm ăn xa. Chúng tôi biết đấy nhưng không làm gì được”(Cán bộ phụ nữ, Nghi Hoà, Nghệ An).

Hộp 9: Trường hợp 5

Trong trường hợp của chị K, chồng chị được can thiệp để thay đổi hành vi nhưng chị vẫn không hết lo sợ bị bạo lực và nghĩ rằng lần can thiệp thứ hai cũng sẽ thất bại. Trường hợp của chị nêu bật việc cần xem xét lại các biện pháp bảo vệ và trừng phạt đối với các trường hợp bạo lực gia đình.

Chị K và chồng có 2 người con. Công việc chính của chị là làm nông, nhưng thời gian rỗi chị vẫn làm thêm để kiếm thêm thu nhập. Chồng chị uống rượu tối ngày, việc làm không ổn định. Thu nhập gia đình chủ yếu là do chị làm ra nhưng anh ta lúc nào cũng so bì tệ nạn với vợ nhà khác. Luôn nói chị là ngu si, cần phải được dạy. Chị chỉ cần nói lại hay làm trái ý là bị đánh liền. Nhiều lúc chân tay chị thâm tím vì đòn, hàng xóm ai cũng biết.

Ban đầu bị đánh chị thấy xấu hổ nên giấu không cho ai biết. Sau chị mới gọi mọi người can thiệp giúp. Mọi người chạy sang can ngăn anh ta ngừng đánh nhưng quay sang đập phá đồ đạc.

Sau khi tham gia vào CLB phòng chống bạo lực, nhận thức của chị K về bình đẳng giới và bạo lực gia đình tăng lên, nên chị đã phản kháng lại khi bị chồng đánh và nói anh ta không có quyền đối xử như vậy với chị, như thế là vi phạm luật, sẽ bị công an bắt. Chị cũng báo cho HPN và trưởng khối đến can thiệp. Họ đến can ngăn và khuyên không được đánh vợ, cư xử phải có trật tự, không được làm ảnh hưởng tới thôn xóm, nếu còn vi phạm sẽ đưa lên xã xử lý. Hội phụ nữ mời chị tham gia “Câu lạc bộ PCBLGD”, còn Hội CCB mời anh tham gia “CLB tự lực”, nhưng anh ta vẫn chửi mắng và đánh đập vợ. Nhiều lúc chị muốn ly dị nhưng không dám vì thương con, sợ con không có cha thì không được che chở. Chồng chị cũng không chịu ly dị nên chị sợ ly dị rồi anh ta sẽ về quấy rối, trả thù mà chính quyền thì không thể đi theo bảo vệ cho mẹ con chị.

Mới rồi anh lại đập chị phải đi viện và chính quyền quyết định cho đi giáo dục tập trung 6 tháng. Kết cục đó không làm cho chị K hết lo lắng vì điều đó không thay đổi được chồng chị. Chị ước giá mà pháp luật xử thật nặng thì may ra chị mới được giải thoát.

5. KẾT LUẬN

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực chống tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ, đặc biệt là thông qua việc thiết lập các khuôn khổ pháp lý và chính sách để thúc đẩy bình đẳng giới, phòng chống và ứng phó với bạo lực gia đình. Tuy nhiên, nhiều nạn nhân vẫn tiếp tục phải đấu tranh để được bảo vệ, trong khi phần lớn thủ phạm gây ra bạo lực vẫn không bị trừng phạt. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy có nhiều yếu tố khác nhau dẫn đến sự im lặng xung quanh vấn đề bạo lực gia đình cũng như những thách thức mà phụ nữ nạn nhân phải đối mặt để có thể tiếp cận công lý.

Các chuẩn mực phụ quyền của Nho giáo, các giá trị và phong tục truyền thống vẫn đang ảnh hưởng nặng nề đến hiệu quả của việc thực hiện pháp luật và chính sách – là những rào cản hạn chế phụ nữ tiếp cận công lý. Những chuẩn mực, giá trị và phong tục này hình thành vai trò và hành vi của phụ nữ và nam giới không chỉ trong xã hội mà còn chi phối các mối quan hệ gia đình, buộc phụ nữ ở trong tình trạng phục tùng. Khi giải quyết vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ, cần phải hiểu quan niệm phụ quyền này cùng với BLGD để có thể đưa ra được những biện pháp can thiệp có ý nghĩa và hiệu quả. Có rất nhiều trường hợp trong nghiên cứu, các cán bộ chính quyền, cộng đồng và chính các nạn nhân đã không hiểu được nguyên nhân sâu xa và bản chất của bạo lực gia đình. Điều này cần đặc biệt quan tâm khi việc hòa giải diễn ra mà người ta không tính đến các mối quan hệ quyền lực không bình đẳng mà phụ nữ phải đối mặt. Vì vậy, việc hiểu một cách sâu sắc về BLGD như là biểu hiện của sự bất bình đẳng giới, sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách và pháp luật, các nhà thực thi chính sách và các tác nhân khác trong chuỗi thực thi công lý, cần giải quyết tốt hơn vấn đề này; và tăng quyền năng cho phụ nữ để họ phá vỡ sự im lặng. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi hiểu biết tốt hơn về luật pháp, nạn nhân có thể tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía chính quyền chứ không cố giữ kín vấn đề trong nhà của mình.

Việc phân tích mối liên quan giữa bạo lực gia đình và phân biệt đối xử về giới cũng sẽ giúp nâng cao nhận thức về các hình thức khác nhau của bạo lực gia đình mà phụ nữ phải chịu đựng. Những nỗ lực tiếp cận hệ thống pháp lý, dù là hệ thống nhà nước, có tính nhà nước hay phi nhà nước – lại không phổ biến đối với các trường hợp bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục hay bạo lực kinh tế, bởi những hình thức bạo lực này thường không được coi là bạo lực gia đình. Nhìn chung hầu hết các chị em tìm kiếm công lý trong nghiên cứu này đều là những người bị bạo lực thể chất nặng nề. Phụ nữ lớn tuổi thường ngại ngần khi nói về bạo lực tình dục trong khi phụ nữ trẻ tương đối cởi mở hơn. Đây có thể là do thế hệ trẻ tiếp cận với thông tin nhiều hơn thông qua nhiều nguồn khác nhau. Phương tiện truyền thông cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình và pháp luật, chính sách bảo vệ quyền con người của phụ nữ.

Thực trạng phụ nữ tiếp cận công lý tại bốn địa bàn nghiên cứu cho thấy rằng các chương trình can thiệp cũng có thể giúp các nạn nhân lấy lại sự tự tin của họ, nâng cao nhận thức của nam giới và phụ nữ về BLGD và tăng cường cam kết của các nhà lãnh đạo địa phương về vấn đề này. Các hoạt động được thực hiện bao gồm thành lập ban chỉ đạo phòng chống BLGD từ cấp tỉnh đến cấp xã - cho thấy những nỗ lực và cam kết của chính quyền địa phương trong việc đối phó

với bạo lực gia đình; tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng và kiến thức cho các tổ chức xã hội tham gia vào hoạt động dự án; thành lập các câu lạc bộ cho những người gây ra bạo lực và cho các nạn nhân BLGD. Việc mở rộng phạm vi triển khai các dự án phòng chống bạo lực gia đình trên toàn quốc có thể cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận công lý của phụ nữ. Đồng thời, cần có cơ chế chuyển tuyến kịp thời cho các nạn nhân bị bạo lực tới các cơ quan chuyên môn về pháp lý và y tế một khi dự án phát hiện được các vụ việc BLGD.

5.1. Hệ thống pháp lý đa kênh và sự tiếp cận công lý của phụ nữ

Ở Việt Nam, phụ nữ có thể tìm kiếm công lý thông qua hệ thống pháp lý nhà nước, có tính nhà nước và phi nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tế, không có nhiều phụ nữ tìm đến hệ thống pháp lý nhà nước bởi họ thấy hệ thống pháp lý có tính nhà nước và phi nhà nước thường dễ tiếp cận hơn. Luật phòng chống BLGD đã đặt ra trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong ngăn chặn và đối phó với BLGD. Theo đó, đã có những nỗ lực thiết lập một mạng lưới rộng lớn trong quản lý xã hội và thực thi pháp luật để giải quyết BLGD đã được xây dựng từ trung ương đến cơ sở. Đặc biệt, những người đứng đầu khu vực dân cư và các tổ hòa giải ở cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc ứng phó với các trường hợp BLGD. Trong thực tế, chỉ khi các can thiệp đó không còn tác dụng, họ mới báo cáo vụ việc lên công an yêu cầu điều tra. Từ các dữ liệu nghiên cứu sơ cấp, có thể thấy rằng hầu hết các thành viên trong gia đình, người thân và bạn bè là những người đầu tiên hỗ trợ khi có BLGD. Một trong các can thiệp đó là khuyến khích nạn nhân tự xử lý vấn đề trong nội bộ gia đình và không khuyến khích họ tiếp cận với cơ quan công quyền. Nhìn chung, trong thực tế, sự miễn cưỡng đối phó với các trường hợp BLGD là tương đối phổ biến ở hầu hết các tác nhân trong hệ thống pháp lý đa kênh. Đa số các trường hợp BLGD đã được tiến hành hòa giải, cho dù đó là hệ thống pháp lý nào. Trong nghiên cứu này không có báo cáo nào về các trường hợp đã được xử lý tại các tòa án.

5.2. Những thách thức pháp lý, thể chế và cấu trúc

Theo Công ước CEDAW và các điều ước quốc tế khác, chính phủ Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện phòng ngừa các hành vi bạo lực đối với phụ nữ, điều tra các hành vi đó và truy tố, trừng phạt người gây bạo lực cũng như có những biện pháp khắc phục và bồi thường cho nạn nhân. Nói cách khác, Nhà nước không chỉ có trách nhiệm thực thi pháp luật đảm bảo quyền con người của phụ nữ mà còn phải đảm bảo rằng chúng được thực thi thông qua một chuỗi công lý hiệu quả và có trách nhiệm giới.

Những bất cập trong khuôn khổ pháp lý

Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong thúc đẩy bình đẳng giới và tiến bộ đáng kể trong cải cách hệ thống pháp luật liên quan đến bình đẳng giới và bảo vệ phụ nữ trước bạo lực gia đình nhưng phụ nữ vẫn phải đối mặt với nhiều trở ngại trong việc tiếp cận công lý. Các biện pháp xử lý người gây bạo lực gia đình trong hệ thống pháp lý có tính nhà nước và phi nhà nước là không đầy đủ và sự trừng phạt chưa đủ hiệu quả răn đe người gây bạo lực. Thực tế, là các biện pháp trừng phạt làm giảm lòng tin của nạn nhân vào hệ thống pháp lý vì chúng không mang lại sự bảo vệ cần thiết. Mặc dù hệ thống pháp lý nhà nước có để đưa ra những khung trừng phạt nặng như phạt tù trong những điều kiện cụ thể, nhưng rất ít trường hợp được báo cáo là có tiến hành điều tra hình sự. Trong thực tế, BLGD không được coi là tội hình sự, vì nó được người dân cũng như là những cán bộ tư pháp coi là tội nhỏ. Một khi nguyên nhân sâu xa của bạo lực không

được giải quyết và người gây bạo lực không phải chịu trách nhiệm thì BLGD vẫn sẽ tiếp diễn, đe dọa sự an toàn của các thành viên gia đình, kể cả trẻ em do phải chứng kiến bạo lực. Trên thực tế, các thoả thuận hoà giải thường quy trách nhiệm cho cả hai bên và yêu cầu cả hai bên phải điều chỉnh hành vi. Các biện pháp như vậy sẽ chỉ càng củng cố bất bình đẳng giới ăn sâu trong gia đình là nguyên nhân gây ra bạo lực.

Trong các trường hợp khác, hình phạt được áp dụng không mang lại hiệu quả trong việc thay đổi hành vi của người gây bạo lực và thậm chí còn gây hại cho nạn nhân. Ví dụ, việc phạt tiền đối với hành vi BLGD không có tác dụng răn đe người gây bạo lực, mà thay vào đó còn tạo thêm gánh nặng cho nạn nhân vì chính họ là người phải trả tiền nộp phạt.

Các rào cản về thủ tục và thể chế

Các nạn nhân có thể trực tiếp báo cáo vụ việc bạo lực gia đình với công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã mà không trải qua các biện pháp hòa giải. Trong thực tế, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định một cách rõ ràng việc cấm sử dụng biện pháp hòa giải trong trường hợp vụ việc có tính chất hình sự hoặc xử phạt hành chính. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu cho thấy việc giải quyết bạo lực lại phụ thuộc quá nhiều vào các biện pháp hòa giải, đặc biệt là ở hệ thống pháp lý phi nhà nước và hệ thống có tính nhà nước. Hơn nữa, ngay cả công an cũng có xu hướng cố gắng thực hiện hòa giải khi lần đầu tiên tiếp nhận vụ việc bạo lực gia đình. Điều đáng quan tâm ở đây là không có biện pháp bảo vệ để đảm bảo tính khách quan và công bằng khi thực hiện các biện pháp hòa giải, trong khi các nạn nhân có thể không dám thể hiện ý chí của mình vì sợ bị đe dọa và sợ áp lực xã hội đòi hỏi người vợ phải cư xử theo những cách nhất định.

Hơn nữa, nghiên cứu cũng cho thấy có có những trường hợp các tổ chức và cá nhân trong hệ thống pháp lý đa kênh cố gắng can thiệp xử lý bạo lực gia đình, nhưng lại thất bại trong việc bảo vệ các nạn nhân hoặc không trừng phạt được thủ phạm. Công an không làm gì được nếu bạo lực đã chấm dứt trước khi họ đến hiện trường. Việc phê bình của Ủy ban nhân dân hoặc người đứng đầu khu vực dân cư không mang lại kết quả vì thủ phạm không tham dự các cuộc họp. Trong một số trường hợp khác, công an và tư pháp xã bỏ qua báo cáo về bạo lực gia đình, tuyên bố rằng đó là vấn đề của các gia đình và cần giải quyết trong nội bộ gia đình. Những vụ việc như vậy chứng minh sự thiếu trách nhiệm của cán bộ thực thi pháp luật trong việc bảo vệ nạn nhân. Phản ứng không phù hợp với bạo lực gia đình cũng có thể dẫn đến tình trạng bỏ qua trừng phạt. Nếu không có sự hỗ trợ pháp lý đầy đủ, các nạn nhân sẽ gặp khó khăn tương đối lớn trong tìm kiếm hệ thống pháp lý đa kênh, trong khi các hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc các dịch vụ tư vấn cần thiết khác lại không nhiều.

Sự phụ thuộc vào các biện pháp hòa giải hoặc miễn cưỡng can thiệp trong trường hợp bạo lực gia đình của các cán bộ thực thi pháp luật cũng như các mạng lưới hỗ trợ và các tổ chức phi nhà nước khác có thể còn có nguyên nhân là hiểu biết về bản chất phân biệt đối xử giới của bạo lực gia đình và kiến thức về bình đẳng giới của họ còn hạn chế. Cho dù các dự án phòng chống bạo lực gia đình đã hướng tới mục tiêu là phụ nữ và nam giới trong cộng đồng, vẫn còn những khoảng trống rất lớn trong nhận thức và kỹ năng của những người trợ giúp từ góc độ bình đẳng giới và quyền của phụ nữ. Các nạn nhân cảm thấy khá khó khăn trong việc báo cáo tình trạng bạo lực đối với cán bộ nam - những người chiếm phần lớn trong hệ thống pháp lý đa kênh, và do đó đã chọn tiếp cận các cán bộ Hội phụ nữ trong một số trường hợp. Tuy nhiên, họ cũng cho biết rằng các cán bộ Hội Phụ nữ vẫn còn nặng định kiến giới theo hướng bất lợi đối với phụ nữ.

Rào cản xã hội

Tập quán và quan niệm xã hội truyền thống thường ưu tiên sự hài hoà và hạnh phúc gia đình hơn lên trên quyền con người của phụ nữ và bình đẳng giới. Do đó, các mạng lưới xã hội không chính thức bao gồm gia đình, họ hàng, bạn bè và hàng xóm thường củng cố các định kiến giới và có thể không hỗ trợ mà còn cản trở phụ nữ tìm kiếm công lý. Điều này làm giảm hiệu quả của việc thực thi pháp luật ở cơ sở và làm gia tăng sự phụ thuộc vào các biện pháp hòa giải. Những người có uy tín trong cộng đồng ít quan tâm hoặc ngần ngại tham gia vào việc giải quyết các trường hợp BLGD vì họ cho rằng việc này nên được giải quyết trong nội bộ gia đình.

Những giá trị và tập quán mà xã hội áp dụng không chỉ ảnh hưởng đến hệ thống pháp lý phi nhà nước vì nó hình thành quan niệm về công bằng trong xã hội, mà còn tạo cơ sở cho hệ thống pháp lý nhà nước và hệ thống có tính nhà nước. Hệ thống pháp lý mang bản chất phụ hệ, như ở Việt Nam, có thể dẫn đến những khuôn mẫu giới tiêu cực và quan niệm mang tính phân biệt đối xử của các cán bộ thực thi công lý, kể cả công an và tư pháp. Các cuộc phỏng vấn nạn nhân xác nhận rằng đây là thực tế ở Việt Nam, vì quan niệm mang khuôn mẫu giới khá phổ biến trong các cán bộ thực thi pháp luật và chính quyền địa phương. Điều này cũng giải thích vì sao phụ nữ nạn nhân của BLGD lại hoài nghi về thái độ, trách nhiệm và sự trợ giúp của họ cán bộ địa phương.

Những thách thức thực tiễn về kinh tế

Có một số yếu tố cản trở phụ nữ tìm kiếm công lý hoặc đặt họ vào thế bất lợi trong việc theo đuổi công lý. Một trong những thách thức chính là thiếu nguồn lực tài chính thường cản trở phụ nữ theo đuổi vụ kiện để được bảo vệ, không bị bạo lực bởi vì họ hoàn toàn phụ thuộc tài chính vào người gây bạo lực về chỗ ở và địa vị xã hội trong cộng đồng. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, ít được kiểm soát việc sử dụng đất và tài sản gia đình. Điều này làm cho phụ nữ phụ thuộc vào chồng và gia đình chồng về mặt kinh tế, ngay cả khi họ có những đóng góp lớn đối với thu nhập của gia đình. Sự phụ thuộc như vậy cản trở phụ nữ tìm kiếm công lý vì họ sợ trở thành người vô gia cư và không thể duy trì cuộc sống của bản thân. Ngoài ra, một số cặp vợ chồng dân tộc thiểu số lấy nhau nhưng lại không có giấy chứng nhận kết hôn, nên phụ nữ thường gặp rủi ro hơn trong các chu trình pháp lý, bao gồm cả quyền được nuôi con của họ. Sự không chắc chắn về các hành động pháp lý chống lại người chồng đi kèm với việc thiếu sự hỗ trợ pháp lý đã tạo nên sức ép lớn đối với phụ nữ, buộc họ phải duy trì cái vỏ cuộc sống gia đình bền vững và hạnh phúc. Kết quả là, ly hôn là một lựa chọn để thoát khỏi bạo lực thì lại thường bị hủy bỏ, khiến phụ nữ phải tiếp tục với các biện pháp hòa giải, cho dù chúng không mang lại sự bảo vệ hay đền bù cần thiết nào.

6. KHUYẾN NGHỊ

Kết quả của nghiên cứu sử dụng phương pháp FPAR đã phân tích sâu rộng hơn về khả năng tiếp cận công lý của phụ nữ nạn nhân bạo lực gia đình. Những phát hiện của nghiên cứu là cơ sở để đưa ra những khuyến nghị sau đây nhằm hỗ trợ phụ nữ cải thiện khả năng tiếp cận tới công lý. Những khuyến nghị dưới đây nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền và các tác nhân trong hệ thống pháp lý đa kênh tăng cường chuỗi công lý bằng cách giải quyết những trở ngại đã được xác định gây cản trở phụ nữ nạn nhân của BLGD trong việc tiếp cận công lý.

1. Giải quyết khuôn mẫu giới tại cộng đồng làm hạn chế khả năng của phụ nữ trong tiếp cận công lý

Nếu như những động lực của bạo lực có nguồn gốc sâu xa về giới không được giải quyết, thì những nỗ lực trong việc phòng chống bạo lực gia đình cũng không thành công được. Việc chấm dứt phân biệt đối xử giới và thúc đẩy bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới cần phải là một phần không thể thiếu trong các nỗ lực giải quyết vấn đề bạo lực gia đình.

	Khuyến nghị Hành động	Các cơ quan thực hiện
1.1	Tổ chức tập huấn cho người đứng đầu các khu dân cư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường, công an xã và các cá nhân, tổ chức khác trong hệ thống pháp lý đa kênh ở cơ sở để nâng cao hiểu biết về các nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình và về những rủi ro và tác hại tâm lý mà bạo lực gia đình gây ra – là một dạng của phân biệt đối xử về giới.	UBND huyện/tỉnh
1.2	Các tổ chức chính trị-xã hội, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ cần rà soát lại các mô hình gia đình để loại bỏ những tổn hại do định kiến giới gây ra và xây dựng mô hình gia đình đảm bảo bình đẳng giới.	Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch
1.3	Đẩy mạnh việc phổ biến thông tin để loại bỏ định kiến giới và nâng cao nhận thức của người dân về bình đẳng giới, về quyền con người của phụ nữ và về các khuôn khổ pháp lý, chính sách giải quyết bạo lực gia đình đối với các hình thức bạo lực khác nhau. Hỗ trợ các phương tiện truyền thông trong phổ biến thông tin và bớt các nội dung làm trầm trọng thêm phân biệt đối xử về giới.	Bộ Thông tin và Truyền thông

Việc thay đổi vai trò giới và những quan niệm có hại chỉ có thể đạt được với sự tham gia của mọi các thành viên trong xã hội. Về vấn đề này, thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai là rất cần thiết để có thể thách thức những khuôn mẫu giới và sự phân biệt đối xử hiện nay.

1.4	Thực hiện các hoạt động ở cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về mối liên quan giữa bạo lực gia đình và phân biệt đối xử về giới. Thúc đẩy các cuộc thảo luận về cách chuyển đổi các chuẩn mực và lệ tục phân biệt đối xử về giới để thực hiện bình đẳng giới trong xã hội và trong gia đình; Tăng cường sự tham gia của nam giới vào các cuộc thảo luận và thúc đẩy hình mẫu vai trò của nam giới, những người thúc đẩy bình đẳng giới và nam tính không bạo lực.	UBND huyện/tỉnh
-----	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------

2. Tăng cường trách nhiệm giải trình và tính hiệu quả của hỗ trợ pháp lý

Nhiều phụ nữ bị bạo lực gia đình còn ngần ngại tiếp cận và báo công an hoặc báo cơ quan tư pháp khác vì cảm giác xấu hổ, e ngại hoặc sợ bị ngờ vực, hoặc không biết họ sẽ được đối xử lý như thế nào và được cộng đồng nhìn nhận ra sao. Phụ nữ nạn nhân gặp nhiều trở ngại khi bắt đầu tiếp xúc với các cá nhân và tổ chức trong hệ thống pháp lý. Và do đó, điều quan trọng là phải tăng cường trách nhiệm giải trình và cơ chế phối hợp giữa công an, Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống nhà nước, phi nhà nước và có tính nhà nước. Đồng thời, phải có các dịch vụ hỗ trợ, bao gồm trợ giúp pháp lý, tư vấn và các dịch vụ y tế cho nạn nhân ngay từ khi vụ việc bắt đầu được báo cáo.

2.1	Tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan hỗ trợ pháp lý, đặc biệt là công an xã và UBND xã bằng việc trừng phạt khi có báo cáo về bạo lực gia đình mà không thực hiện theo pháp luật và không thực hiện đúng trách nhiệm của mình khi xử lý các trường hợp bạo lực gia đình. Đặc biệt, cần có biện pháp xử lý đối với cán bộ công an xã khi họ không thực hiện theo dõi các trường hợp được báo cáo.	Sở Công an, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.2	Thường xuyên thu thập dữ liệu về các vụ bạo lực gia đình được ghi nhận tại xã/ phường, huyện, cấp tỉnh và cấp quốc gia, và giám sát việc sử dụng các biện pháp trừng phạt và các biện pháp hòa giải, lệnh cấm tiếp xúc và giới thiệu các nạn nhân đến với các dịch vụ hỗ trợ.	Công an xã, phường và cán bộ chính quyền địa phương
	Hàng năm, cần đánh giá về việc kịp thời bảo vệ các nạn nhân và phòng tránh việc lặp lại bạo lực thông qua các biện pháp can thiệp hiệu quả. Phân bổ các nguồn lực cần thiết để giải quyết các vấn đề xuất hiện thông qua hoạt động đánh giá.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

2.3	Đưa ra các biện pháp trừng phạt khi biện pháp hòa giải không được áp dụng về các điều kiện bị nghiêm cấm như quy định tại Điều 12 của Luật PC BLGD. Xây dựng hướng dẫn chi tiết nhằm đánh giá nguy cơ của việc sử dụng các biện pháp hòa giải trong bảo vệ quyền con người của phụ nữ.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
2.4	Mở rộng việc thực hiện gói hỗ trợ tối thiểu cho các nạn nhân bị bạo lực gia đình, trong đó làm rõ sự phối hợp giữa các cán bộ thực thi pháp luật và mạng lưới hỗ trợ tại cấp xã/phường trong việc ngăn ngừa và ứng phó với các trường hợp bạo lực gia đình.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.5	Mở rộng diện bao phủ của các dự án phòng chống BLGD ở vùng mới. Trong khuôn khổ dự án hiện có cần đưa vào các chương trình giáo dục về vai trò và trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân từ cấp quốc gia đến cấp địa phương vào quy trình giải quyết bạo lực gia đình.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.6	Nâng cao kiến thức và kỹ năng cho các cơ quan/ cá nhân hỗ trợ pháp lý để có thể xử lý tốt hơn các trường hợp bạo lực gia đình, nhất là ở các cộng đồng dân tộc thiểu số nơi các nạn nhân đang rất cần sự hỗ trợ pháp lý. Những hỗ trợ như thế cần phải thông báo và tư vấn cho phụ nữ về quyền của họ đối với tài sản, đất đai, và quyền nuôi dưỡng con cái cũng như các vấn đề khác nhằm giúp họ vượt qua các trở ngại khi theo đuổi công lý.	Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống pháp lý đa kênh sẽ làm giảm gánh nặng tâm lý cho nạn nhân khi báo cáo vụ việc với các cán bộ nam giới và xử lý tốt hơn những khó khăn mà phụ nữ phải đối mặt khi tìm kiếm công lý.

2.7	Tăng cường số lượng và năng lực pháp lý của các nữ công an để đảm bảo rằng nạn nhân BLGD có thể chọn báo cáo vụ việc với một cán bộ nữ về vụ việc của mình.	Bộ Công An
2.8	Tăng cường số lượng phụ nữ trong các vị trí ra quyết định trong chính quyền địa phương, bao gồm cả Ủy ban nhân dân.	Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện

3. Tăng cường khuôn khổ pháp lý và chính sách về việc hình sự hóa và cấm bạo lực gia đình

Bạo lực gia đình xảy ra dưới nhiều hình thức với mức độ hậu quả nghiêm trọng khác nhau. Đặc biệt, các hình thức bạo lực tâm lý, tình dục và kinh tế thường khó thấy hơn so với bạo lực thể xác, nên rất khó điều tra trong khuôn khổ pháp luật hiện hành ở Việt Nam. Ngoài ra, một tỷ lệ đáng kể các trường hợp bạo lực gia đình không chỉ xảy ra một lần mà đã trở thành chuyện rập khuôn, lặp đi lặp lại. Nhiều nạn nhân bị các triệu chứng chấn thương vĩnh viễn. Cần đặc biệt chú ý xử lý bản chất hành vi có hệ thống dẫn đến bạo lực gia đình. Bởi nếu chỉ xử lý hành vi bạo lực một cách đơn lẻ, thì BLGD sẽ rất khó ít cấu thành tội theo Bộ luật Hình sự. Do đó, cần tiếp tục cụ thể hoá mức độ của các hình phạt và làm rõ các quy định về chứng cứ.

3.1	Thay đổi các tiêu chí trừng phạt, từ hậu quả của chấn thương thể chất như tỷ lệ thương tật, thành hành vi cố ý gây bạo lực chống lại người khác.	Bộ Tư Pháp
3.2	Sửa đổi Điều 151 của Bộ luật Hình sự để các hành vi bạo lực lặp đi lặp lại và hành hạ dai dẳng sẽ bị kết tội, xử phạt mà không cần điều kiện tiên quyết để đối với nghi phạm đã từng bị xử phạt hành chính	Bộ Tư Pháp
3.3	Sửa đổi định nghĩa về tội ‘hiếp dâm’ và ‘cưỡng dâm’ trong Bộ luật Hình sự nêu rõ rằng điều khoản áp dụng “không phụ thuộc vào bản chất của các mối quan hệ” giữa thủ phạm và nạn nhân.	Bộ Tư Pháp
3.4	Xác định hành vi và bối cảnh của ‘bạo lực tâm lý’ một cách chi tiết trong Luật Hình sự và các văn bản pháp luật khác về cấm các hành vi bạo lực để điều tra và truy tố đạt hiệu quả. Trong định nghĩa nên nêu rõ rằng bạo lực tâm lý là một hình thức cưỡng chế nhằm buộc người khác phải chịu đựng những hành vi nhất định, dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền tự do và/ hoặc sự an toàn của nạn nhân.	Bộ Tư Pháp
3.5	Sửa đổi Điều 105 (1) của Bộ luật Tố tụng hình sự, rằng một số quy định chỉ được khởi tố theo yêu cầu của nạn nhân và đảm bảo rằng trách nhiệm bắt đầu khởi tố liên quan đến BLGD không được đặt vào các nạn nhân.	Tòa án nhân dân tối cao

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục Trợ giúp pháp lý 2004. “Báo cáo số 165/TGPL-NV ngày 20/5/2004 về kết quả 7 năm thực hiện Quyết định số 734/TTg ngày 6/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách.

Chiongson, R.A., D. Desai, T. Marchiori, and M. Woolcock. 2011. “Vai trò của Luật pháp và Tư pháp trong thực hiện bình đẳng giới”.

Freeman, M.A., C. Chinkin, and B. Rudolf. 2012. Công ước Liên Hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ: *Bình luận (Các bài bình luận của trường ĐH Oxford)*: Báo trường ĐH Oxford.

Hoàng Bá Thịnh. 2008. *Giáo trình Xã hội học về Giới*: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

UNDP 2013. “Tiếp cận đất đai của phụ nữ trong xã hội Việt Nam hiện nay.” tr. 90.

Hoàng Thị Ái Hoa. 2009. “Vấn đề ly hôn - nhìn từ sự tác động của yếu tố văn hóa truyền thống: Tham chiếu từ số liệu ở tòa án nhân dân thành phố Huế” NXB Thông tin khoa học in. Huế: Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế.

Oxfam và ActionAid. 2011. “Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia tại một số cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam.

Jonzon, R., Nguyễn Đăng Vượng, K.C. Ringsberg, và G. Krantz. 2007. “Bạo lực đối với phụ nữ trong đời sống hôn nhân: Nguyên nhân và các khuyến nghị can thiệp được thực hiện bởi nhân viên y tế, chính quyền địa phương, người có uy tín trong cộng đồng ở một huyện miền bắc Việt Nam”. *Tạp chí Sức khỏe cộng đồng ở Bắc Âu*, tr. 35:640-664”.

Krantz, G., Trần Văn Phương, V. Larsson, Nguyễn Thị Bích Thuận, and K.C. Ringsberg. 2005. “BLGD: Hình thức, hậu quả, sự sẵn sàng hành động của nhân viên y tế, lãnh đạo tuyến huyện, cộng đồng ở một huyện nông thôn miền Bắc Việt Nam. *Y tế công cộng XX*:1-8.

Lê Thị Phương Mai, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Thị Thơm, và Phạm Lê Tuấn. 2005. “Kết quả của các biện pháp can thiệp trước và sau bạo lực trong việc thành lập trạm y tế và cụm dân cư. *Hội đồng Dân số*.

Lê Kim Lan. 2005. “Phân công lao động giới trong sản xuất của người Bru Vân Kiều, huyện D’krong, Quảng Trị “ *Khoa học về Phụ nữ* 5.

Lê Thái Thị Băng Tâm. 2005. “Xã hội hóa tại cộng đồng vấn đề chống bạo lực giới đối với phụ nữ trong gia đình “ *Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*. NXB Thế giới.

Lê Thị Thục. 2014. “Biến đổi cấu trúc quyền lực giới trong gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa.” *Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh* 9(193):13 - 24.

Liên đoàn Luật sư Việt Nam. 2013. Tài liệu “Hợp báo công bố quyết định của Thủ tướng Chính phủ và kỷ niệm ngày truyền thống luật sư Việt Nam” Hà Nội.

- Maguire, P. 1987. Nghiên cứu cùng tham gia: *Phương pháp tiếp cận nữ quyền*. Trung tâm giáo dục quốc tế, ĐH Massachusetts.
- Nguyễn Như Ý. 1998. *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- NHTG, AusAID, UKaid, and UN Women. 2011. “Đánh giá giới tại Việt Nam.” Tr. 111. Hà Nội: Ngân hàng Thế giới.
- Phan Thị Thu Hiền. 2008. “Cưỡng bức tình dục trong hôn nhân ở Quảng Trị, Việt Nam.” *Văn hóa, sức khỏe và tình dục* 10:177-187.
- Romedenne, M. và Vũ Mạnh Lợi. 2006. *Bạo lực gia đình: Việt Nam đang chuyển đổi - những phát hiện và khuyến nghị của dự án UNFPA/SDC*. UNFPA, Hà Nội.
- Rydstrøm, H. 2004. “Đặc tính phụ nữ và nam giới: Hình ảnh nhận dạng và tự nhận dạng đối với trẻ em và trẻ vị thành niên ở Việt nam.” Trang 74-95 Các vấn đề giới trong xã hội Việt Nam. Hiệu đính bởi L. Drummond and H. Rydstrøm. Singapore: Đại học báo chí Singapore.
- Helle Rydstrom. 2006. “Nam tính và trừng phạt: Sự dạy dỗ con trai của nam giới ở nông thôn Việt Nam.” *Tuổi thơ* 13:329-348.
- TCTK. 2010. “Kết quả Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam.” Hà Nội: Tổng cục Thống kê. 2013-2014. “Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ.”
- Terry, R., Trần Đức Viên, Phạm Tiến Dũng, Nguyễn Thanh Lâm, và Nguyễn Thị Bích Yến. 2001. *Vùng núi phía Bắc của Việt Nam: Các vấn đề môi trường và kinh tế-xã hội*.
- UN, UNWomen, và UNICEF. 2012. “Hệ thống tư pháp không chính thức: Biểu đồ về sự gắn kết trên cơ sở quyền con người”.
- UN Women. 2011. “ Sự tiến bộ của phụ nữ trên thế giới 2011-2012: Theo đuổi công lý”
- UN Women. 2012. “Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam “
- UN Women. 2014. “Tóm tắt các phát hiện chính của Báo cáo Quốc gia về Bảo vệ xã hội cho Phụ nữ và Trẻ em gái ở Việt Nam.”
- UN Women và OHCHR. 2013. “Hiện thực hóa quyền của phụ nữ tới đất đai và các nguồn sản xuất khác. “
- UNDP. 2010. *Quyền lực, tiếng nói và quyền: Bước ngoặt về Bình đẳng giới ở Châu Á Thái Bình Dương*. India: Macmillan.
- UNDP. 2013. “Phụ nữ tiếp cận tới đất đai trong xã hội đương đại Việt Nam”.
- UNFPA. 2002. “Phòng chống bạo lực gia đình: Phổ biến tài liệu hướng dẫn chống bạo lực ở các cộng đồng nông thôn”.
- UNICEF. 2013. “Báo cáo về Trẻ em bên ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam”.
- UNODC. 2011. “Ngăn ngừa và ứng phó với BLGD: Tài liệu tập huấn cho cán bộ thực thi pháp luật và tư pháp ở Việt Nam”.
- UN Women. 2014. “Tiếp cận công lý của phụ nữ trong hệ thống pháp luật đa kênh ở Đông Nam Á”
- Vũ Mạnh Lợi, Vũ Tuấn Huy, Nguyễn Hữu Minh, và J. Clement. 1999. “Bạo lực trên cơ sở giới: Trường hợp của Việt Nam”. Ngân hàng Thế giới. Hà Nội, Việt Nam.

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH CÁC LUẬT, CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA

Khung chính sách và pháp luật quốc gia về PC BLGD		
Pháp luật	Chính sách	Chiến lược
<p>2013: Hiến pháp Việt Nam</p> <p>2005: Bộ luật Dân sự</p> <p>2014: Luật Hôn nhân và Gia đình</p> <p>2009: Bộ luật Hình sự</p> <p>2003: Pháp lệnh Dân số 03/2003/PL-UBTVQH11</p> <p>2004: Luật Tố tụng dân sự</p> <p>2004: Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em</p> <p>2006: Luật Bình đẳng giới</p> <p>2007: Luật Phòng, chống bạo lực gia đình</p> <p>2009: Luật Người cao tuổi</p> <p>2006: Luật trợ giúp pháp lý</p> <p>2012: Luật xử lý vi phạm hành chính</p> <p>2012: Luật hòa giải cơ sở</p>	<p>2005: Chỉ thị số 49-CT/TW về phát triển gia đình Việt Nam</p> <p>2008: Chỉ thị số 16/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Phòng chống BLGD (quy định trách nhiệm của các Bộ liên quan phối hợp thực thi Luật PCBLGD)</p> <p>2009: Nghị định số 08/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCBLGD</p> <p>2009: Nghị định số 110/2009/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCBLGD</p> <p>2009: Thông tư số 16/2009/TT-BYT hướng dẫn việc tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>2009: Nghị định 55/2009/NĐ-CP qui định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới</p> <p>2010: Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL về Luật PC BLGD</p> <p>2011: Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL quy định thu thập, xử lý thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>2011: Thông tư liên tịch số 143 /2011/ TTLT/BTC-BVHTTDL quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho công tác PCBLGD; kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về PCBLGD ngoài công lập.</p>	<p>Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010</p> <p>Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2001-2005; 2006-2010;</p> <p>Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030</p> <p>Chương trình hành động quốc gia về PCBLGD đến năm 2020</p>

PHỤ LỤC II. NỘI DUNG TẬP HUẤN CHO NHÓM NGHIÊN CỨU VIÊN ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu làm quen

Làm rõ mục đích nghiên cứu

1. Lắng nghe quan niệm của cộng đồng về bình đẳng giới, bạo lực gia đình, công lý/sự công bằng cho phụ nữ để trên cơ sở đó cung cấp thêm những hiểu biết cần thiết;
2. Tìm hiểu thực trạng bạo lực gia đình và những trải nghiệm tìm kiếm công lý/công bằng của nạn nhân bạo lực gia đình để nhận diện ra vấn đề và nhu cầu của nạn nhân BLGD;
3. Lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các yếu tố cản trở hoặc hỗ trợ quá trình tìm kiếm công lý/công bằng: Pháp luật của Nhà nước và các quan niệm truyền thống của gia đình, dòng họ, làng xã ảnh hưởng như thế nào đến việc tiếp cận công lý/công bằng?
4. Lắng nghe ý tưởng của cộng đồng kế hoạch hành động để cải thiện khả năng tiếp cận công lý/công bằng của phụ nữ.

Làm rõ nguyên tắc nghiên cứu là thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ

1. Phụ nữ hiểu rõ vấn đề => Khuyến khích họ chỉ ra vấn đề
2. Phụ nữ có nhu cầu => Khuyến khích họ nói lên nhu cầu
3. Phụ nữ cần hành động => Khuyến khích họ tìm kiếm giải pháp và xây dựng kế hoạch hành động.

Làm rõ nội dung thông tin cần thu thập

1. Hiểu biết về bình đẳng giới: Các quyền bình đẳng giữa nam và nữ?
2. Hiểu biết về bạo lực gia đình: Định nghĩa và phân loại?
3. Thực trạng bạo lực gia đình ở địa phương?
4. Quan niệm về công lí: Mong muốn?
5. Hiểu biết về quyền được bảo vệ của phụ nữ bị bạo lực gia đình được ghi trong văn bản pháp lý của Nhà nước? Nhờ đâu họ có được hiểu biết đó?
6. Hiểu biết về các quy định của gia đình, dòng họ và địa phương về cách ứng xử khi mà bạo lực gia đình xảy ra?
7. Cách thức phụ nữ ứng xử hay giải quyết vấn đề của mình khi mà bạo lực gia đình xảy ra? Chỉ ra những yếu tố ngăn cản hoặc hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực gia đình trong quá trình tìm kiếm sự công bằng?
8. Tình trạng BLGD ở địa phương? Loại BLGD nào đáng quan tâm nhất?
9. Từ vấn đề BLGD đáng quan tâm nhất, xây dựng kế hoạch hành động của phụ nữ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận công lí của phụ nữ chịu BLGD:

- a. Mong muốn có sự thay đổi nào (nhu cầu ưu tiên)?
- b. Cần có những hoạt động nào để đạt được sự thay đổi đó?
- c. Phụ nữ cần có những nguồn lực (con người, tài chính, kỹ thuật) nào để thực hiện các hoạt động trên?
- d. Phụ nữ đã có những nguồn lực nào?
- e. Làm thế nào để huy động được các nguồn lực cần thiết khác?

Yêu cầu đối với vai trò của người dẫn dắt thảo luận

1. Gợi ý thảo luận = Câu hỏi cho nhiều phương án trả lời;
2. Khuyến khích tất cả các thành viên tham gia thể hiện ý kiến và quan điểm cá nhân của họ;
3. Tôn trọng ý kiến và quan điểm của người được hỏi: Khẳng định không có câu trả lời sai; Không đưa ra ý kiến hay quan điểm của mình; Không gợi ý câu trả lời;
4. Tập trung lắng nghe, quan sát hơn là nói;
5. Có thể tóm tắt hoặc cung cấp thêm thông tin;
6. Tạo không khí tự nhiên, thoải mái;
7. Trình bày rõ ràng, dễ hiểu.

Các cách thu thập thông tin

- Đặt câu hỏi như trong Hướng dẫn phỏng vấn sâu hay thảo luận nhóm;
- Đưa ra một câu chuyện và đặt câu hỏi về tính hướng trong câu chuyện;
- Mời nêu ý kiến, chia sẻ quan điểm;
- Mời chia sẻ các câu chuyện mà họ biết;
- Kể chuyện về hành trình tìm kiếm công lý; vẽ cây mơ ước.

PHỤ LỤC III: HƯỚNG DẪN CHO NHÓM NGHIÊN CỨU

I. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG THẢO LUẬN NHÓM PHỤ NỮ CỘNG ĐỒNG

Giới thiệu chung về mục tiêu và cách thức nghiên cứu

Chủ đề 1: Nhận thức về BLGD và các quy định của Nhà nước về BLGD

Bước 1: Thảo luận nhóm lớn:

Người hướng dẫn:

- Đề nghị người tham gia suy nghĩ và viết ra giấy 2 từ thể hiện rõ nhất sự bình đẳng giữa vợ và chồng;
- Tập hợp và dán các câu trả lời lên giấy A0 thành các cột;
- Đưa ra tóm tắt câu trả lời về bình đẳng giới;

Chủ đề 2: bạo lực gia đình

Người hướng dẫn: Chia người tham gia thành 4 nhóm để thảo luận

- Trong cuộc sống, có rất nhiều tình huống mà quan hệ giữa vợ và chồng không hoàn toàn giống như đã được ghi trong luật gia đình. Cùng nhau thảo luận về một trong các tình huống đó.
- Bây giờ chúng ta sẽ đếm số từ 1 đến 4. Đến chỉ nào thì chúng ta đọc to số của mình và giơ tay lên để mọi người cùng biết số của các chị. Tất cả những người ở số 1 vào Nhóm 1; Những người ở số 2 vào Nhóm 2; Những người ở số 3 vào Nhóm 3 và Những người ở số 4 vào Nhóm 4.

Bước 2: Thảo luận nhóm nhỏ:

Người hướng dẫn:

1. Phát cho thành viên nhóm câu chuyện và yêu cầu mỗi thành viên lần lượt đọc từng câu của câu chuyện.
2. Đặt câu hỏi cho các thành viên suy nghĩ và trả lời: Theo các chị, điều gì đang xảy ra trong câu chuyện trên? – Yêu cầu người tham gia dùng bút viết ra 3 từ mà xuất hiện đầu tiên trong đầu của mình.
3. Tập hợp lại các giấy màu có câu trả lời và sắp xếp rồi dán lên trên giấy A0 theo các cột, các từ có nghĩa giống nhau vào cùng một cột.
4. Hỏi các thành viên trong nhóm nhỏ:
 - Tình huống đó có phải là bạo lực gia đình hay không?
 - Giải thích vì sao?

Tình huống 1:

“Lần đó, anh ấy đi uống rượu với bạn cả buổi chiều. Gần tối, tôi mới đến gọi anh ấy về vì anh ấy bị bệnh dạ dày không thể uống được nhiều. Tôi vừa cất lời ngăn anh uống thế nhiều rồi thế là anh đã quắc mắt lên đũa tôi. Tôi chỉ còn nước để mặc anh ấy. Khi anh ấy về đến nhà thì đã say rồi. Trông thấy tôi đang cho lợn ăn, anh ấy xông vào đánh tôi, túm tóc tôi, dim đầu tôi xuống chuồng lợn. Vừa đánh anh ấy vừa la lên là tôi làm mất mặt anh ấy. Sợ quá, tôi van xin nhưng anh ấy cũng không dừng lại. Chỉ đến khi anh ấy say quá ngã sang một bên thì tôi mới thoát ra được...”

Tình huống 2:

Anh ấy rất hay giận dữ và chửi bới tôi. Bữa trước tình cờ gặp người bạn cũ đã lâu không gặp nên tôi về nhà muộn. Cũng chỉ muộn hơn có 5 đến 7 phút, thế mà anh ấy đay nghiến tôi suốt cả buổi tối: “Hết giờ làm sao không về, lại muốn đi đâu đờn với đứa nào”. “Chán cái nhà này rồi thì đi đâu được thì đi”. “Giỏi thì đi đi xem có đứa nào nó thêm rước không”, ... Hễ có bất kỳ điều gì khó chịu hay không vừa lòng, anh ấy lại mắng chửi tôi. Nếu tôi nói lại, anh ấy càng chửi. Nếu tôi tức giận và cãi lại thì ngay lập tức, anh ấy sẽ cho tôi ăn tát. Chuyện này xảy ra thường xuyên. Nếu tôi chịu nhịn thì không sao. Anh ấy cứ chửi nhưng giữa chúng tôi không có bạo lực.

Tình huống 3:

Thời điểm vào vụ mùa kéo dài vài ba tuần. Lúc đó công việc đồng áng quá bận nhưng anh ấy thường bắt tôi phải quan hệ (quan hệ tình dục). Thực tế là đi làm về đã rất mệt, chỉ muốn nằm xuống và ngủ nhưng anh ấy cứ đòi hỏi. Nếu hôm nay tôi từ chối được, ngày mai anh ấy lại tiếp tục đòi hỏi và buộc tôi phải đáp ứng. Nếu tôi vẫn từ chối thì chắc chắn ngày hôm sau công việc gia đình sẽ bị ảnh hưởng, không khí trong nhà cũng nặng nề. Có lần mệt quá tôi không chịu thế là anh gầm lên: “Nếu mày không chịu ngủ với tao thì mày muốn ngủ với thằng nào?” Vì thế, tôi phải chiều anh ấy, đành phải để mặc anh ấy muốn làm gì thì làm. Chúng tôi là vợ chồng, vì vậy tôi cũng có nghĩa vụ phải đáp ứng nhu cầu của anh ấy.

Tình huống 4:

Tôi không đi làm nên không kiếm ra tiền. Tôi muốn kiếm việc làm nhưng chồng tôi không cho, bảo tôi “ở nhà chăm con là được rồi”. Hàng tuần anh ấy đưa tiền cho tôi đi chợ. Sau mỗi lần đi chợ, tôi phải phải ghi lại tất cả các khoản chi tiêu để anh ấy biết. Ban đầu cũng ngại nhưng anh ấy cần hẳn quá nên tôi phải làm cho anh ấy vừa lòng. Tôi đã ghi lại đúng và đầy đủ nhưng nhiều khi anh ấy còn không tin vào các con số mà tôi ghi ra. Có lần tôi ghi “mua hành 3000 đồng”. Anh ấy căn vặn tôi: “Sao phải mua hành? Hàng xóm trồng hành sao không sang hàng xóm mà xin”... Nhiều lúc nghĩ cũng ức lắm nhưng thôi im lặng cho xong chuyện, chứ không chuyện bé xé ra to.

Bước 3: Thảo luận nhóm lớn:

Người hướng dẫn: Đề nghị người tham gia quay trở lại nhóm lớn.

Người tham gia: Trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

Người hướng dẫn: Tổng kết và đưa ra định nghĩa và phân loại bạo lực gia đình

Chủ đề 3: Quan niệm về công lý

Bước 4: Thảo luận nhóm lớn

Người hướng dẫn: Đề nghị người tham gia suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Theo các chị, khi bị rơi vào trong những tình huống như trên, người vợ sẽ mong muốn điều gì?

Người tham gia: Viết ra câu trả lời của mình ra giấy màu;

Câu trả lời có thể là: Người phạm tội phải được cách ly, phải bồi thường, phải bị giam giữ, hoặc đơn giản là xin lỗi, chấm dứt vi phạm, bị đưa ra tổ hòa giải của xã phường v.v...

Người hướng dẫn:

- Thu thập các câu trả lời và dán theo cột vào giấy A0;
- Tóm tắt các mong đợi chính
- Chuyển tiếp vấn đề thảo luận: Vậy **câu hỏi đặt ra có những cơ chế nào bảo vệ và ngăn cản phụ nữ khỏi bị đối xử tệ bạc?**

Người hướng dẫn: Chia người tham gia thành 4 nhóm để thảo luận theo chủ đề.

Bước 5: Thảo luận nhóm nhỏ

Chủ đề 4: Hiểu biết về luật pháp và quyền của phụ nữ - Nhóm 1&2

Người hướng dẫn: Dẫn dắt các thành viên của nhóm tập trung vào các câu hỏi sau:

1. Theo các chị, hiện nay có những quy định nào của Nhà nước và Chính quyền bảo vệ cho phụ nữ?
2. Trong các quy định đó, quan hệ giữa vợ và chồng được quy định như thế nào?
3. Quyền của người chồng và người vợ được quy định như thế nào? (quyền kinh tế - sở hữu tài sản/đất đai; quyền sức khỏe sinh sản;
4. Theo các quy định của Nhà nước, khi bạo lực gia đình xảy ra thì phụ nữ là nạn nhân BLGD được bảo vệ như thế nào?
 - + Họ có những quyền gì?
 - + Họ có thể tìm sự giúp đỡ từ ai? (Cá nhân/tổ chức trách nhiệm)
 - + Họ có thể được nhận những hỗ trợ gì?
5. Văn bản nhà nước có quy định như thế nào đối với người chồng có hành vi bạo lực?
 - + Người chồng bị đánh giá như thế nào?
 - + Người chồng buộc phải làm gì?
 - + Người chồng có thể bị xét xử như thế nào?
6. Nhà nước có cần bổ sung thêm quy định pháp luật để bảo vệ phụ nữ không? Nếu có, thì cần bổ sung quy định gì?

Chủ đề 5: Hiểu biết về các giá trị và chuẩn mực văn hóa, các quy tắc của gia đình, dòng họ và cộng đồng trong giải quyết vấn đề BLGD - Nhóm 3&4

Người hướng dẫn: Hướng dẫn để các thành viên tập trung vào câu hỏi:

1. Sự khác biệt giữa nam và nữ như thế nào?

(Mạnh mẽ/Yếu đuối; Nóng nảy/Dịu dàng; Khôn ngoan/hiểu biết/Nói năng đúng cách, có phẩm hạnh; Chủ động, quyết đoán/Thụ động, dễ bảo)

2. Trong gia đình, người chồng và người vợ được mong đợi đảm nhận những vai trò gì?

Gợi ý thêm: Có quan niệm cho rằng: “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm” – các chị có nhận xét gì về quan niệm này?

3. Trong quan hệ vợ chồng thì người vợ nên ứng xử thế nào?

Gợi ý thêm: Các chị suy nghĩ thế nào về quan niệm cho rằng:

“Người vợ tốt là người đảm đang công việc bếp núc, biết cách chăm sóc và dạy con, phục tùng và chiều chuộng chồng, duy trì sự hòa hợp”

“Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa chẳng đời nào khê”

Có nên chấp nhận - “Chồng là trụ cột kinh tế, duy trì nền nếp GD, có thể dùng vũ lực để giáo dục/kiểm soát các thành viên trong gia đình”

4. Vị trí của người vợ và người chồng khác nhau như thế nào?

Gợi ý thêm: Các chị suy nghĩ thế nào về quan niệm cho rằng:

“Người vợ là cái bóng của người chồng”, “chồng là sếp, vợ là cấp dưới”

5. Theo các chị, BLGD thường do những nguyên nhân nào?

Gợi ý thêm: Các chị suy nghĩ thế nào về quan niệm cho rằng BLGD là:

“Do thiếu giáo dục”? – Nhà có học có xảy ra BLGD không?

“Do sử dụng rượu bia và ma túy” – Không sử dụng thì gây ra BLGD không? Có sử dụng rượu bia, ma túy thì có gây gổ với người khác như là cha mẹ/anh chị em/thủ trưởng không?

“Do không kiểm soát được sự giận dữ?” – Bạo lực thường xảy ra ở đâu? Không có tính mục đích? – chuỗi hành vi để ép buộc/kiểm soát

“Do người vợ không biết cư xử tốt” - Ở một số địa phương, phụ nữ phải chịu bạo lực vì những lí do như “Ăn cơm nguội/bật sai kênh TV/con khóc đáng bị BLGD? “ – điều này có xảy ra ở địa phương không?

6. Tại địa phương, có quy định nào bảo vệ cho người vợ trong các xung đột giữa vợ và chồng? (GD, dòng họ, cộng đồng, tôn giáo)

7. Khi bị chồng đối xử tệ thì người vợ nên làm gì? Vì sao?

8. Các chị có suy nghĩ như thế nào về quan niệm: “chồng là trụ cột kinh tế, duy trì nền nếp GD, có thể dùng vũ lực để giáo dục/kiểm soát vợ cho vào khuôn phép”? Ở địa phương có quan niệm này? Cần ứng xử thế nào với người chồng?

9. Tại địa phương, có quy định nào bảo vệ cho người vợ trong các xung đột giữa vợ và chồng? (GD, dòng họ, cộng đồng, tôn giáo)

10. Khi bị chồng đối xử tệ thì người vợ nên làm gì? Vì sao?

Gợi ý - Quan niệm: “*chồng là trụ cột kinh tế, duy trì nền nếp GD, có thể dùng vũ lực để giáo dục/ kiểm soát vợ cho vào khuôn phép*”? Ở địa phương có quan niệm này? Cần ứng xử thế nào với người chồng?

Bước 6: Thảo luận nhóm lớn

- Yêu cầu đại diện của các nhóm trình bày ngắn gọn trong 10’ các câu trả lời
- Chốt lại khái niệm quy định pháp lý của Việt Nam về phòng chống BLGD;

Chủ đề 6: Thực trạng tiếp cận công lý

Người hướng dẫn:

- Chốt lại khái niệm công lý
- Chia người tham gia thành 4 nhóm để **tiếp tục thảo luận về các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận công lý của phụ nữ chịu bạo lực gia đình** trong các tình huống bạo lực thể chất, tinh thần, tình dục và kinh tế đã nêu ở trên.

Chủ đề 7: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận công lý của nạn nhân bạo lực gia đình

Bước 7: Thảo luận nhóm nhỏ

Người hướng dẫn:

1. Tình huống trên có xảy ra tại địa phương? Mức độ như thế nào?
2. Các chị có biết câu chuyện nào giống như vậy mà đã xảy ra ở địa phương? Diễn biến câu chuyện và kết cục của câu chuyện như thế nào?
3. Người vợ có tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài không?
 - + **Không tìm kiếm**, tại sao?
 - **Phụ nữ biết cách tự đấu tranh bảo vệ mình.**
 - a. Giải thích rõ cách thức tự đấu tranh như thế nào?
 - b. Nhờ đâu mà phụ nữ bị bạo lực gia đình có được khả năng đó? (*Do hiểu biết pháp luật; Do được tư vấn*)
 - Phụ nữ Nạn nhân bạo lực gia đình **chấp nhận** hay buộc phải chấp nhận tình trạng này.
 - a. Nêu rõ cách mà phụ nữ ứng xử (*im lặng chịu đựng; không khai báo hay chia sẻ tình trạng của mình; không chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ...*)
 - b. Nếu họ **chấp nhận**, giải thích vì sao? – *Gợi ý điều này có phải là do các quan niệm truyền thống; do không hiểu biết về các quyền của mình;*
 - c. Nếu họ **bị buộc phải chấp nhận**, giải thích vì sao?

Gợi ý: Sức ép từ dư luận từ gia đình, dòng họ, cộng đồng; Do không biết tìm kiếm sự giúp đỡ từ đâu; Do phụ thuộc vào chồng và gia đình chồng; Do không tin tưởng vào chính quyền; Do không nhận được sự giúp đỡ/trợ giúp chưa đủ;

+ **Có tìm kiếm sự giúp đỡ**, bảo vệ và ngăn chặn để không bị bạo lực.

- a. Tìm đến ai để được giúp đỡ? (Gia đình, dòng họ, tổ chức tôn giáo, tổ trưởng và cán bộ phụ nữ, đại diện cơ quan chức năng)
- b. Được giúp đỡ như thế nào?
- c. Kết quả như thế nào?

Người tham gia: Chuẩn bị kết quả thảo luận của nhóm vào giấy A4 – 10’ và đại diện của nhóm trình bày trước nhóm lớn trong 10’

Bước 8: Thảo luận nhóm lớn

Người tham gia: Trình bày kết quả thảo luận của từng nhóm. Mỗi nhóm 10’ – Đặt câu hỏi:

1. Liệu điều gì sẽ xảy ra sau đó? Hành động đó có lặp lại không?
2. Tóm tắt và chỉ cho họ biết về chu kỳ bạo lực
3. Hỏi họ xem loại bạo lực gia đình là phổ biến hay là đáng quan tâm nhất;

Chủ đề 8: Lập kế hoạch hành động để giải quyết vấn đề BLGD

Bước 9: Thảo luận nhóm nhỏ

Người hướng dẫn: Đề nghị người tham gia trở lại nhóm nhỏ và xây dựng kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy khả năng tiếp cận công lý – Vẽ cây mơ ước.

Người tham gia: Trả lời các câu hỏi

1. Các rào cản ngăn phụ nữ bị bạo lực tiếp cận với công lý là gì?
2. Đâu là rào cản chính?
3. Mong muốn thay đổi điều gì để nạn nhân BLGD tiếp cận được công lý? – QUẢ
4. Phụ nữ cần làm gì/ cần có những hoạt động nào để đạt được sự thay đổi đó? – THÂN
(Gợi ý: Xây dựng năng lực; Hiểu biết; Chính sách; Nguồn lực; Mạng lưới/Phong trào)
5. Cần những điều kiện nào để phụ nữ thực hiện được các hoạt động trên? – GỐC/RỄ
(Gợi ý: môi trường, phương pháp (làm việc với cộng đồng); phối hợp (đối tác, các bên liên quan, các tổ chức, luật sư về nhân quyền, v.v))

Quay trở về nhóm lớn và đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận – 10’/nhóm

Bước 10: Tổng kết

Người hướng dẫn: Yêu cầu và hướng dẫn thành viên trả lời câu hỏi đánh giá buổi làm việc

Lưu ý: Mọi người không cần phải viết tên mình vào giấy.

1. Hỏi xem các thành viên có câu hỏi gì không, thu thập các câu hỏi (nếu có), dán lên A0 và chia sẻ cho nhóm lớn.
2. Cảm ơn người tham gia về các đóng góp của họ, khuyến khích mọi người tìm hiểu sâu hơn về QUYỀN, PHÁP LUẬT, THỰC THI PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA.

II. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG PHỎNG VẤN SÂU

Tên của làng/thị trấn hoặc huyện/quận (kiểm tra đúng tên);

Tên người tham gia PV (kiểm tra đúng tên), tuổi và tình trạng hôn nhân;

Nghề nghiệp chính của người tham gia PV hoặc nguồn sinh kế của họ;

Ngày PV, tên và địa chỉ liên lạc người thực hiện PV.

1. Chị có thể kể đôi điều về gia đình của chị? Chị lập gia đình từ khi nào? Gia đình của chị có những ai? Về bố mẹ và con cái; Cuộc sống của gia đình chị hiện nay như thế nào? Có khó khăn gì? Sự chia sẻ trách nhiệm gia đình từ phía người chồng? Quan hệ giữa vợ chồng như thế nào? Sự căng thẳng và mâu thuẫn giữa vợ và chồng như thế nào: Mắng, bạt tai, đánh đập...?
2. Giữa vợ chồng, xảy ra bất đồng ý kiến và xung khắc là điều khó tránh khỏi. Tuy nhiên, mỗi người có ý kiến khác nhau về cách giải quyết vấn đề này. Có chị thì cho rằng là vợ thì nên chịu nhịn chồng dù sai hay là đúng. Trái lại, có chị cho rằng khi mình đúng thì phải nói ra để thuyết phục chồng nghe theo mình, ý kiến của chị về vấn đề này như thế nào?
3. Vợ chồng chị thường bất hòa hay căng thẳng trong vấn đề gì? Chị có thể kể lần chồng chị căng thẳng dẫn đến đánh chị xảy ra như thế nào?
4. Lúc đó, chị suy nghĩ như thế nào? Chị mong muốn điều gì?
5. Chị đã làm gì trước hành động của chồng?
6. Chuyện xảy ra, ngoài chị và chồng thì có ai biết nữa không?
7. Chị có tìm đến mọi người để nói cho mọi người biết chuyện của chị? Tại sao?
(xấu hổ, tủi nhục, phụ thuộc chồng, sợ bị trả thù, sợ ảnh hưởng đến con và gia đình; cho rằng đó là vấn đề gia đình; không tin tưởng vào pháp luật)
8. Sau khi biết chuyện của chị, mọi người ứng xử với chị và chồng chị như thế nào?
9. Chị có tìm kiếm sự giúp đỡ từ Tổ trưởng dân phố, cán bộ phụ nữ, công an, nhân viên pháp lý, y tế, cán bộ UBND phường không? Vì sao/mong muốn điều gì?
10. Khi chị tìm đến họ, họ đã nói và làm gì? Những cố gắng của chị có được đền đáp không? Họ giúp đỡ chị như thế nào? Chị suy nghĩ như thế nào về sự quan tâm và giúp đỡ của mọi người đối với chị?
11. Sau lần đó, chồng chị đối xử với chị như thế nào? Còn đánh chị nữa không? Nếu có, mức độ như thế nào?
12. Từ nay về sau, nếu chồng lại đối xử tệ với chị thì chị sẽ làm gì? Tại sao?
13. Theo chị, nạn nhân của BLGD cần sự giúp đỡ như thế nào để không bị BLGD?

III. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG THẢO LUẬN NHÓM CÁN BỘ LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu mục tiêu và cách thức làm việc

Chủ đề 1: Hiểu biết về BLGD và quy định của nhà nước về BLGD

Bước 1: Thảo luận nhóm lớn:

Người hướng dẫn:

- Đề nghị người tham gia suy nghĩ và viết ra giấy 3 từ thể hiện được nội dung của khái niệm bạo lực gia đình.
- Tập hợp và dán lên giấy A0 theo cột dựa trên 4 loại bạo lực gia đình;
- Tổng kết và đưa ra định nghĩa bạo lực gia đình và cung cấp 4 ví dụ về bạo lực gia đình;
- Đặt câu hỏi: Liệu các tình huống đó có từng xảy ra trong cộng đồng không? Và xảy ra như thế nào? Tính phổ biến và mức độ nghiêm trọng của các loại bạo lực? – Hỏi theo các tình huống
- Theo anh/chị, khi bạo lực gia đình xảy ra thì phụ nữ có những quyền nào (các quyền được ghi trong văn bản pháp luật của Nhà nước và trong các quy định/quy tắc/luật lệ của cộng đồng)?
- Đề nghị người tham gia suy nghĩ và viết câu trả lời cho các câu hỏi sau: Cơ quan/ban ngành có trách nhiệm:
 - + Giúp đỡ cái gì?
 - + Giúp bằng như thế nào?
 - + Sự phối hợp giữa các bên trong quá trình giúp đỡ nạn nhân?

Tập hợp câu trả lời trên giấy của người tham gia và dán lên giấy A0;

Tổng kết: Phân loại thành 3 nhóm hỗ trợ

Chủ đề 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận công lý của nạn nhân BLGD

Bước 2: Thảo luận nhóm nhỏ

Người hướng dẫn:

- Chia người tham gia thành 3 nhóm.
 - + Nhóm 1: Các đoàn thể xã hội;
 - + Nhóm 2: Các cơ quan thực thi luật pháp;
 - + Nhóm 3: Trưởng thôn/xóm và những người có uy tín
- Đề nghị người tham gia thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Kết quả công tác hỗ trợ/giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình (màu đỏ)?
 - + Khó khăn (màu trắng) và thuận lợi (màu xanh): Lưu ý chỉ ra yếu tố quan trọng nhất. Gợi ý: Yếu tố cá nhân như nhận thức về pháp luật, quyền phụ nữ; Quan điểm và giá trị; điều kiện kinh tế, v.v. của nạn nhân BLGD; Yếu tố thuộc hệ thống pháp lý đa chiều như: Thiếu các quy định pháp lý; Xung đột giữa pháp luật nhà nước và các quy định khác; Chu trình và thủ tục giải quyết; Các cơ quan ban ngành: Nguồn lực; Sự hợp tác giữa các cơ quan ban ngành; và việc thực thi: Trình độ và trách nhiệm;

- Đề nghị các nhóm chuẩn bị và trình bày ngắn – 10’/nhóm

Chủ đề 3: Xây dựng kế hoạch hành động của địa phương BLGD

Bước 3: Thảo luận nhóm nhỏ

Người hướng dẫn: Đề nghị người tham gia trở về nhóm nhỏ để xây dựng chiến lược nhằm tăng cường tiếp cận công lý. – theo loại BLGD cần được quan tâm;

Người tham gia: Suy nghĩ về trở ngại và vai trò của họ để làm rõ:

- Điều gì xảy ra nếu không thay đổi?
- Cần phải có thay đổi gì để nạn nhân bạo lực gia đình tiếp cận được CÔNG LÝ?
- Những thay đổi này là dễ hay khó, ở mức độ nào?
- Điều này có ý nghĩa gì? Có thể thực hiện được hay không?
- Cần có những thay đổi nào? Gợi ý: Hoạt động cần thực hiện; Kết quả; Biểu hiện của sự thay đổi;
- Làm thế nào để đạt được những thay đổi này? Gợi ý: Xây dựng năng lực; Nâng cao hiểu biết; Chính sách và Xây dựng phong trào;
- Cơ sở để thực hiện thay đổi? – Gợi ý: môi trường, phương pháp (làm việc với cộng đồng); phối hợp (đối tác, các bên liên quan, các tổ chức, luật sư về nhân quyền v.v)

Người tham gia: Trình bày kết quả thảo luận. Mỗi nhóm 10’

Bước 4: Tổng kết

Người hướng dẫn: Chúc mừng người tham gia về các đóng góp của họ, khuyến khích mọi người cần nhận thức tốt hơn về QUYỀN, PHÁP LUẬT, THỰC THI PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA- Những yếu tố có ảnh hưởng thường xuyên đến đời sống của họ.

Người tham gia: Viết phần trả lời cho các câu hỏi dưới đây ra giấy

Lưu ý: Mọi người không cần phải viết tên mình vào giấy, phần trả lời sẽ không có tên của ai cả. Sau khi mọi người hoàn thành phần trả lời của mình, quay lại nhóm lớn.

Người hướng dẫn thảo luận thu thập các câu hỏi (nếu có), dán lên A0 và chia sẻ cho nhóm lớn.

Tọa đàm với nhóm cán bộ địa phương: chia sẻ kết quả nghiên cứu với các cơ quan, tổ chức liên quan.

PHỤ LỤC IV: NHẬN XÉT VỀ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP FPAR

Nhìn chung các hoạt động và nội dung nghiên cứu có sự tham gia được triển khai theo như kế hoạch và có kết quả tương đối tốt. Cả ba phần, khuyến khích nhìn nhận vấn đề, khuyến khích nói lên nhu cầu, và khuyến khích xây dựng kế hoạch hành động đều được thực hiện tốt. Điều này thực hiện được là do nhóm có sự chuẩn bị chu đáo nội dung làm việc, sự phối hợp tốt với nghiên cứu viên địa phương.

Nhóm nghiên cứu tạo được không khí cởi mở để tất cả mọi người cùng tham gia, tuy nhiên, chỉ khuyến khích được một bộ phận phụ nữ tham gia tích cực. Lý do là: Khi mà những người tham gia không hoặc có hiểu biết quá ít về các vấn đề được đưa ra thì một số nghiên cứu viên địa phương có xu hướng gợi mở hay trả lời thay, ví dụ: hiểu biết về các quy định của nhà nước về BLGD. Trong một số trường hợp, câu trả lời của người tham gia cho ít thông tin do phụ nữ cộng đồng có trình độ học vấn rất thấp, nhất là khi phải viết ra giấy. Một số câu hỏi được diễn đạt còn tương đối trừu tượng và khó trả lời cho những người tham gia, chẳng hạn như phần tham gia vẽ cây mơ ước. Đối với địa bàn dân tộc thiểu số như Dương Phong, Bắc Kạn thì nhóm nghiên cứu tham gia dẫn dắt thảo luận cùng với nghiên cứu viên địa phương. Các địa bàn có dự án như An Bình, Bến Tre và Nghi Hòa, Nghệ An, phụ nữ nạn nhân BLGD đã được tham gia dự án, họ dễ dàng chia sẻ trải nghiệm và nhu cầu của bản thân.

Quá trình nghiên cứu giúp cho người tham gia có cơ hội nghĩ về những thách thức mà nạn nhân BLGD phải đối mặt, tìm giải pháp và xây dựng chương trình hành động. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và tài chính, những thay đổi trong nhận thức và kết quả tham gia còn khiêm tốn. Trong kế hoạch hành động mà phụ nữ ở cộng đồng xây dựng, thay đổi chỉ được thể hiện khi phụ nữ nhận thấy nhu cầu phải nói lên vấn đề của mình thay vì tiếp tục chịu đựng và chấp nhận bạo lực. Để kế hoạch hành động mang lại hiệu quả thì những phụ nữ này cần được trang bị kiến thức pháp luật và hiểu biết về những kênh khác nhau để tiếp cận công lý. Trong tương lai gần, cần tăng cường năng lực của phụ nữ và thúc đẩy sự tham gia tích cực của họ và phòng chống và ứng phó với BLGD.

So sánh giữa hai hình thức phỏng vấn sau và thảo luận nhóm thì phỏng vấn sau là hình thức thu thập thông tin hiệu quả hơn thảo luận nhóm, nhất là khi đối tượng có trình độ học vấn thấp hoặc còn ngại ngùng khi chia sẻ thông tin với nhiều người. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu hài lòng với việc lấy sự tham gia làm nguyên tắc xuyên suốt quá trình nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu đã thực sự giúp phụ nữ nạn nhân, phụ nữ cộng đồng và các chủ thể liên quan ở địa phương cùng chia sẻ, trao đổi và suy nghĩ nghiêm túc hơn về vấn đề BLGD. Những người tham gia được nâng cao hiểu biết pháp luật, thay đổi suy nghĩ và thái độ của họ đối với hành vi BLGD và có những suy nghĩ tích cực để thoát khỏi BLGD. Chẳng hạn, một số nạn nhân của BLGD đã chia sẻ rằng việc tham gia nghiên cứu đã tạo động cơ và giúp họ tự tin hơn trong việc tìm kiếm sự hỗ trợ. Điều này đặc biệt đúng với địa bàn dân tộc thiểu số, nơi mà người tham gia có trình độ học vấn rất thấp. Đối với các địa bàn nghiên cứu đã có dự án phòng chống BLGD, nghiên cứu có ý nghĩa tích cực bởi vì thực chất các hoạt động dự án trước đó chỉ với tới được một bộ phận nhỏ phụ nữ nạn nhân BLGD đã tham gia các CLB.

Những khó khăn thách thức gặp phải trong quá trình tiến hành nghiên cứu

Thành phần làm việc nhóm cán bộ lãnh đạo và các bên liên quan tại địa phương không đầy đủ do một số thành viên vướng bận công tác. Hơn nữa, thảo luận nhóm với đại diện các bên có liên quan tại địa phương cho thấy một số cán bộ địa phương chưa quan tâm và cam kết PC BLGD, nhận thức của họ về vấn đề này cũng chưa thực sự tốt – nhất là địa bàn vùng dân tộc thiểu số. Áp dụng phương pháp nghiên cứu tham gia đối với nhóm này tương đối khó vì cán bộ không nhiệt tình tham gia. Trình độ và năng lực của nghiên cứu viên nữ tại cộng đồng, nhất là cộng đồng dân tộc thiểu số có nhiều hạn chế nên đôi lúc lúng túng, thiếu tự tin khi dẫn dắt nội dung thảo luận.

Hơn nữa, thời gian tiến hành nghiên cứu tại các địa phương bị hạn chế bởi chỉ có bốn ngày để tiến hành ba hoạt động: tập huấn cho cán nghiên cứu địa phương, thảo luận nhóm phụ nữ cộng đồng và thảo luận nhóm cán bộ, và phỏng vấn sâu. Thời gian tập huấn cho cán bộ nghiên cứu địa phương trong một ngày là quá ngắn để cung cấp cả kỹ năng thực hiện FFAR và kiến thức về bình đẳng giới và BLGD. Trình độ và năng lực của nghiên cứu viên nữ còn hạn chế, nhất là ở các cộng đồng dân tộc thiểu số, vì vậy đôi khi họ còn bối rối và thiếu tự tin khi dẫn dắt thảo luận.

Giải pháp cho những khó khăn của nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu luôn theo sát và hỗ trợ tích cực cho nghiên cứu viên địa phương trong các buổi làm việc. Đầu giờ làm việc, họp nhóm để kiểm tra lại công tác chuẩn bị. Cuối ngày, đánh giá công việc, rút kinh nghiệm trong nhóm nghiên cứu.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu thường xuyên đánh giá và điều chỉnh phương pháp và công cụ làm việc. Lấy ví dụ, sau khi đi thực tế tại Bến Tre, nhóm nghiên cứu nhận thấy bài tập cây mơ ước khó thực hiện vì trong cùng nhóm các thành viên có mong đợi rất khác nhau và khi thảo luận ở nhóm lớn thì nội dung rất phân tán nên ngay sau khi về thì nhóm đã cân nhắc và điều chỉnh lại yêu cầu của bài tập này. Những người tham gia sẽ tự chọn xem loại BLGD nào là cần quan tâm nhất ở địa phương và cùng thảo luận để xây dựng kế hoạch (vẽ cây mơ ước) để giải quyết vấn đề đó thay vì thảo luận một cách chung chung về BLGD. Sau khi nghiên cứu ở Bắc Kạn, thông tin thu được cho thấy nhận thức sai lầm về nguyên nhân dẫn đến BLGD là phổ biến trong cán bộ cũng như trong cộng đồng và điều này ảnh hưởng đến thái độ và cách thức giải quyết BLGD nên tại địa bàn Nghệ An, nhóm nghiên cứu đã bổ sung thêm câu hỏi về hành vi bạo lực của chồng đối với vợ trong các tình huống khác nhau, kể cả khi say rượu thì đánh vợ cũng là hành vi không thể chấp nhận được.

Mức độ hài lòng sau khi sử dụng FPAR

Đối với nhóm nghiên cứu, việc áp dụng cách tiếp cận FPAR vào nghiên cứu là một trải nghiệm mới mẻ nhưng được tất cả các thành viên cảm nhận là rất hữu ích cho cả nhóm nghiên cứu và nhóm phụ nữ cộng đồng. Quá trình tham gia nghiên cứu không chỉ giúp phụ nữ địa phương có cơ hội cất lên tiếng nói của mình mà còn giúp họ được nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và học hỏi kỹ năng hành động, giúp cho họ mạnh dạn và tự tin hơn vào bản thân họ. Trong quá trình này, nhóm được khuyến khích trở thành nghiên cứu viên địa phương tích cực, chứ không bị động như trong các nghiên cứu khác. Khi trao đổi về nội dung các buổi thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, hầu hết phụ nữ địa phương cho rằng nội dung trao đổi có nhiều kiến thức mới và bổ ích. Các trường hợp được phỏng vấn sau cảm thấy thoải mái, tự nhiên vì được chia sẻ và cảm thông, đồng thời thu nhận được nhiều thông tin và kiến thức giúp họ có thêm tự tin và hy vọng khi nghĩ về tương lai.

“Cảm ơn chị đã lắng nghe em nói chuyện và đặt ra những điều cần phải suy nghĩ cho tương lai. Từ trước tới giờ em có nói chuyện của mình với bạn bè và gia đình nhưng chưa bao giờ có ai nói với em như vậy. Mọi người lúc nào cũng chỉ khuyên em nhẫn nhục chịu đựng. Nếu nói chịu đựng thì có lẽ em cũng chịu đựng đến tận cùng rồi. Nói chuyện với chị em thấy mình phải suy nghĩ theo hướng tích cực hơn, phải tự tin và mạnh mẽ hơn để lo cho con và cho bản mình”.

(Nạn nhân ở Dương Phong, Bắc Kạn)

“Ti vi, đài báo cũng đề cập đến vấn đề này (BLGD), rồi họp phụ nữ thì chị, em cũng có nói đến nhưng tôi nói thật là chưa khi nào được trao đổi kỹ như lần này. Nội dung rất là hay, học hỏi được rất nhiều”

(Phụ nữ, Nghi Hòa, Nghệ An)

“Cuộc trao đổi rất bổ ích. Hiểu biết thêm về bình đẳng giới và bạo lực gia đình. Về nhà sẽ tranh thủ những lúc thích họp sẽ nói chuyện lại với chồng và con để mọi người cùng hiểu, để chồng hiểu, thông cảm và chia sẻ”.

(Phụ nữ, Bến Tre)

Đối với các nghiên cứu viên tại cộng đồng, quá trình tham gia nghiên cứu không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn góp phần nâng cao kỹ năng làm việc cộng đồng. Quá trình nghiên cứu là một trải nghiệm tốt giúp học hỏi từ việc lắng nghe từ những người sống ngay xung quanh mình.

“Ở đây cán bộ phụ nữ cũng có rất ít cơ hội được trên tập huấn nên trình độ cũng còn hạn chế. Tham gia lần này chị, em ở đây học được rất nhiều. Là cán bộ hội (HPN) thì mình cần biết lắng nghe chị em nhiều hơn thì mới có thể chia sẻ và giúp đỡ họ. Mà trước tiên là mình không được có định kiến”.

(Cán bộ phụ nữ Bắc Kạn)

“Nghi Hòa đã được tham gia dự án PC BLGD nên cán bộ hội (HPN) được tập huấn nhiều về BLGD và cũng đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền cho chị, em nhưng mà qua lần này thì cũng học được rất nhiều kinh nghiệm hay. Cách nêu vấn đề và trao đổi với chị em rất hay. Nếu nêu đúng và biết cách khuyến khích thì chị em cũng sẽ tham gia sôi nổi chứ không phải là không quan tâm”.

(Cán bộ phụ nữ Nghệ An)

Nhóm nghiên cứu cảm thấy hài lòng vì quá trình nghiên cứu không chỉ giúp có được bức tranh rất sinh động về vấn đề cần nghiên cứu qua cách phụ nữ chia sẻ thông tin và quan điểm mà còn vì các hoạt động nghiên cứu góp phần tích cực vào phong trào vì phụ nữ, tạo nên sự gắn kết phụ nữ cộng đồng.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội
Điện thoại: 04 38515380; Fax: 04 38515381
Email: info@nxblaodong.com.vn
Website: www.nxblaodong.com.vn

Chi nhánh phía Nam

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38390970; Fax: 08 39257205

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Võ Thị Kim Thanh
Biên tập: Tạ Thị Thu Hà
Trình bày: Công Ty TNHH Thiết Kế Bảo Nam

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Công Ty TNHH Thiết Kế Bảo Nam
Địa chỉ: P505 Tòa nhà 142 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

2E Vạn Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 38500100

Fax: +84 4 3726 5520

Website: www.unwomen.org

Sách không bán